



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG SÓC TRĂNG**

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ KẾ TOÁN
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2024**

Sóc Trăng, tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

	CÁC TỪ VIẾT TẮT	iii
PHẦN I.	GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG SÓC TRĂNG, KHOA KINH TẾ, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH, NGHỀ KẾ TOÁN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG	1
1.	Giới thiệu về Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	1
1.1.	Thông tin chung về Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	1
1.2.	Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	1
1.2.1	Khái quát về lịch sử phát triển của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	1
1.2.2.	Thành tích nổi bật của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	4
1.3.	Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	6
1.3.1.	Cơ cấu tổ chức của Trường	6
1.3.2.	Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nhà trường	8
1.3.3.	Tổng số cán bộ, giảng viên và người lao động trong toàn Trường	9
1.3.4.	Các ngành nghề và quy mô đào tạo của Trường	10
1.3.4.1.	Các ngành nghề đào tạo	10
1.3.4.2.	Quy mô đào tạo (Khối GDNN)	12
1.3.4.3.	Số lượng tốt nghiệp (Khối GDNN)	12
1.4.	Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính của Trường	12
1.4.1	Tổng diện tích đất toàn Trường: 156.338,2 m ²	13
1.4.1.1.	Diện tích hạng mục và công trình tại trụ sở chính	13
1.4.1.2.	Diện tích hạng mục và công trình tại Khoa Y - Dược	18
1.4.2.	Tổng số đầu sách trong thư viện của Trường	21
1.4.3.	Tổng số máy tính của Trường	21
1.4.4.	Tổng kinh phí đào tạo trong 05 năm trở lại đây	21

1.4.5.	Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 05 năm trở lại đây	21
2.	Thông tin khái quát về Khoa Kinh tế	21
2.1.	Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của đơn vị	22
2.2.	Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Khoa	24
2.3.	Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy nghề Kế toán trình độ cao đẳng	25
3.	Thông tin về Chương trình đào tạo Kế toán, trình độ cao đẳng	26
3.1.	Mục tiêu của chương trình đào tạo	26
3.1.1.	Mục tiêu chung	26
3.1.2.	Mục tiêu cụ thể	26
3.2.	Cơ hội việc làm	28
3.3.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ	29
3.4.	Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học	29
3.5.	Nội dung chương trình đào tạo	29
3.6.	Hướng dẫn sử dụng chương trình	34
3.6.1.	Các môn học chung	34
3.6.2.	Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa	34
3.6.3.	Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học	35
3.6.4.	Hướng dẫn sinh viên chọn môn học tự chọn	36
3.6.5.	Hướng dẫn tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp	36
PHẦN II.	KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	37
1.	Tổng quan chung	38
1.1.	Căn cứ tự đánh giá	38
1.2.	Mục đích tự đánh giá	38
1.3.	Yêu cầu tự đánh giá	38
1.4.	Phương pháp tự đánh giá	39
1.5.	Các bước tự đánh giá	39
2.	Tự đánh giá	39
2.1.	Tổng hợp kết quả tự đánh giá	39

2.2.	Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	45
2.2.1.	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	45
2.2.2.	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	53
2.2.3.	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và viên chức	65
2.2.4.	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	75
2.2.5.	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	86
2.2.6.	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	94
2.2.7.	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	101
PHẦN III.	TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	109
PHẦN IV.	ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	111
	PHỤ LỤC	112
1.	Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Kế toán trình độ cao đẳng năm 2024 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	112
2.	Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kế toán trình độ cao đẳng năm 2024 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	116
3.	Bảng mã minh chứng	126

CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	KÝ HIỆU VIẾT TẮT
1.	Cán bộ, giảng viên	CBGV
2.	Cán bộ, viên chức	CBVC
3.	Cao đẳng Cộng đồng	CĐCĐ
4.	Chương trình đào tạo	CTĐT
5.	Công tác Học sinh sinh viên	CTHSSV
6.	Giáo dục nghề nghiệp	GDNN
7.	Giáo dục và Đào tạo	GD&ĐT
8.	Kế hoạch - Tài chính	KH-TC
9.	Kiểm định chất lượng	KĐCL
10.	Lao động - Thương binh và Xã hội	LĐ-TB&XH
11.	Liên kết đào tạo - Khoa học và Công nghệ	LKĐT-KH&CN
12.	Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế	NCKH&HTQT
13.	Nghiên cứu khoa học	NCKH
14.	Ngoại ngữ và Tiếng dân tộc thiểu số	NN&TDTS
15.	Phòng cháy chữa cháy	PCCC
16.	Thanh tra - Đảm bảo chất lượng	TT-ĐBCL
17.	Thạc sĩ	ThS
18.	Tiến sĩ	TS
19.	Tổ chức - Hành chính	TC-HC
20.	Trung học phổ thông	THPT
21.	Phòng Tuyển sinh và Truyền thông	TS&TT
22.	Ủy ban nhân dân	UBND
23.	Chương trình đào tạo	CTĐT
24.	Công tác Học sinh sinh viên	CTHSSV

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG SÓC TRĂNG, KHOA KINH TẾ VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH, NGHỀ KẾ TOÁN, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

1. Giới thiệu về Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng

1.1. Thông tin chung về Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng

- Tên trường: Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng
- Tên tiếng Anh: Soctrang Community College
- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng
- Địa chỉ trường:
 - + Trụ sở chính: số 139, đường Lê Hồng Phong, ấp Hòa Mỹ, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.
 - + Địa điểm đào tạo ngành Dược và Điều dưỡng: số 137 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
- Số điện thoại: 0299.3827028
- Fax: 0299.3827028
- Email: cdcdst@vnn.vn
- Website: www.stcc.edu.vn
- Năm thành lập trường:
 - + Năm thành lập đầu tiên: 1997 (Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh Sóc Trăng)
 - + Năm thành lập Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng: 2006 (Quyết định số 2917/QĐ-BGD&ĐT ngày 08/6/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)
 - + Đến năm 2020, sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật Sóc Trăng, Trường Trung cấp Y tế Sóc Trăng, Trường Cao đẳng Sư phạm Sóc Trăng vào Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng và đi vào hoạt động cho đến nay (theo Quyết định số 1251/QĐ-LĐTĐ ngày 06/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)
- Loại hình trường đào tạo: Công lập

1.2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng

1.2.1. Khái quát về lịch sử phát triển của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng

Trường Cao đẳng Cộng đồng (CDCĐ) Sóc Trăng được thành lập trên cơ sở nâng

cấp từ Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Sóc Trăng theo Quyết định số 2917/QĐ-BGD&ĐT ngày 08/6/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT). Trường CĐCD Sóc Trăng là một cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; chịu sự quản lý nhà nước về GDNN của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐ-TB&XH); cơ quan chủ quản trực tiếp là Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Sóc Trăng. Đến ngày 06/9/2019, Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH có Quyết định số 1251/QĐ-LĐTBXH về việc sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật Sóc Trăng, Trường Trung cấp Y tế Sóc Trăng, Trường Cao đẳng Sư phạm Sóc Trăng vào Trường CĐCD Sóc Trăng.

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, Trường có nhiều thay đổi cơ cấu tổ chức, bộ máy do chủ trương sáp nhập các Trường theo Đề án số 07/ĐA-UBND ngày 20/5/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng. Đến nay, Trường CĐCD Sóc Trăng cơ bản đã hoàn thiện về cơ cấu bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên đủ về số lượng, mạnh về chất lượng và là đơn vị có lực lượng trí thức có trình độ cao trên địa bàn Tỉnh. Cơ sở vật chất của Trường về cơ bản đã đáp ứng khá tốt nhu cầu quản lý, giảng dạy và học tập. Trường CĐCD Sóc Trăng thực hiện chức năng và nhiệm vụ sau đây:

a) Đào tạo, bồi dưỡng và liên kết đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ đào tạo; có phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn;

b) Nghiên cứu, phổ biến và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tham gia giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội của địa phương theo các lĩnh vực hoạt động của nhà trường;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng nhân lực các ngành kinh tế, xã hội - nhân văn, sư phạm, y tế, văn hóa - du lịch và một số ngành nghề khác theo hệ thống mã ngành giáo dục nghề nghiệp theo nhu cầu thị trường lao động và nhu cầu đòi hỏi của quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng và tiến tới mở rộng cung ứng dịch vụ đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực ở các trình độ cao đẳng, trung cấp và trình độ khác cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đúng quy định pháp luật.

Nhiệm vụ:

Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Giáo dục đại học 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 2018; Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014; Luật Giáo dục 2019 và các quy định pháp luật có liên quan đối với các hoạt động sau:

a) Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp,

trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên. Liên kết đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ đào tạo;

b) Tổ chức biên soạn, xây dựng hoặc lựa chọn, phê duyệt chương trình, giáo trình đào tạo, học liệu đối với từng ngành, nghề đào tạo;

c) Xây dựng Quy chế tuyển sinh, đào tạo, kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh;

d) Tổ chức các hoạt động đào tạo; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; in phối, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo. Tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe và đào tạo các ngành, nghề đặc thù theo quy định của Chính phủ;

đ) Quản lý người học, tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ và các hoạt động giáo dục toàn diện khác cho người học;

e) Tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp, việc làm cho người học và tổ chức hoạt động hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp;

f) Thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng đối với lao động nông thôn, lao động nữ, người khuyết tật và các chính sách khác;

g) Tuyển dụng, sử dụng, quản lý đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của trường bảo đảm đủ về số lượng, phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo;

h) Cử hoặc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của trường học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

i) Phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp và tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp; tổ chức cho đội ngũ nhà giáo, người học tham quan, thực tập tại doanh nghiệp và hỗ trợ giải quyết việc làm cho người học;

k) Phối hợp với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục thường xuyên để tuyên truyền, hướng nghiệp, phân luồng học sinh vào học các trình độ của giáo dục nghề nghiệp;

l) Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ về giáo dục nghề nghiệp, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành, địa phương;

m) Thực hiện dân chủ, công khai theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ vào thực tiễn giảng dạy, tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp cho người học. Có cơ chế để người học tham gia đánh giá hoạt động đào tạo; nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của nhà

trường;

n) Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính, tài sản của trường theo quy định của pháp luật;

o) Cung cấp dữ liệu về tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp của trường để xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định;

p) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Sứ mạng: Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng là cơ sở đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà và khu vực.

Mục tiêu: Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng đào tạo, bồi dưỡng nghề nghiệp theo hướng đào tạo đa ngành, nghề, đa lĩnh vực, nhằm đáp ứng nhu cầu cung ứng đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng theo nhu cầu thị trường lao động và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh đến năm 2025 và phấn đấu trở thành trường chất lượng cao, có uy tín về đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ của tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030.

Phương châm: Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng “Vì cộng đồng - phục vụ cộng đồng”.

1.2.2. Thành tích nổi bật của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Sóc Trăng, Bộ GD&ĐT, Bộ LĐ-TB&XH cùng với sự nỗ lực của tập thể cán bộ quản lý, viên chức và người lao động, Nhà trường đã không ngừng phát triển cả về quy mô và chất lượng đào tạo; từng bước đầu tư và hoàn thiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; đội ngũ cán bộ, giảng viên tăng cả về số lượng cũng như chất lượng. Đến nay, Nhà trường đã mở được nhiều ngành nghề đào tạo; quy mô tuyển sinh tương đối ổn định qua các năm. Sinh viên tốt nghiệp ra trường có kỹ năng tốt, đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Với những thành tích hoạt động trong thời gian qua, Nhà trường được tặng Cờ thi đua Hạng Nhất của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về “Đơn vị thi đua xuất sắc trong hoạt động của khối thi đua”; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về “Thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào thi đua Khối 8”; Bằng khen Bộ Công an về “Thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về “Thành tích xuất sắc qua 10 năm thực hiện công tác Giáo dục Quốc phòng - An ninh”; Bằng khen của Hiệp hội CĐCĐ Việt Nam về “Thành tích đóng góp cho sự phát triển của mô hình CĐCĐ Việt Nam”... Năm 2023, Trường đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục NN.

- Đảng ủy Nhà trường đã lãnh đạo Đảng bộ thực hiện tốt công tác xây dựng đảng và thực hiện nhiệm vụ chính trị tại đơn vị thể hiện ở các nhiệm vụ: lãnh đạo công tác chính trị tư tưởng thông qua việc tổ chức triển khai, quán triệt các Nghị quyết cho viên chức, người lao động và sinh viên; lãnh đạo công tác cán bộ để đảm bảo những cán bộ

của Trường có đủ phẩm chất và năng lực nhằm phát huy hết khả năng trong công tác; lãnh đạo công tác chuyên môn nghiệp vụ trong dạy và học theo yêu cầu đổi mới giáo dục; lãnh đạo tổ chức Công đoàn trong việc chăm lo đời sống và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động; lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh để tập hợp, đoàn kết thanh niên, phát huy sức mạnh của tuổi trẻ trong học tập và công tác và lãnh đạo công tác phát triển Đảng hằng năm cho quần chúng ưu tú. Với những thành tích đạt được, nhiều năm liền Đảng bộ Trường được công nhận là “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

- Tổ chức Công đoàn hoạt động có hiệu quả cao, phát huy vai trò làm chủ tập thể của người lao động, tham gia tích cực vào việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức các hoạt động phong trào nhằm tăng cường sự đoàn kết, gắn kết tập thể; góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị tại đơn vị. Công đoàn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tổ chức và thực hiện Nghị quyết Hội nghị Cán bộ viên chức hằng năm; thực hiện các phong trào thi đua sôi nổi có hiệu quả, đời sống của cán bộ viên chức ngày càng được nâng lên cả về vật chất lẫn tinh thần. Nhiều năm liền, Công đoàn Trường đạt danh hiệu “Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc”; nhiều đoàn viên được tặng Giấy khen Công đoàn viên chức Tỉnh, Liên đoàn Lao động Tỉnh, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam.

- Đoàn Trường, Hội Sinh viên đã tập hợp được đông đảo đoàn viên, thanh niên (ĐVTN), sinh viên tham gia các hoạt động khơi dậy tính sáng tạo và lý tưởng cách mạng. Với đặc điểm phần lớn ĐVTN là sinh viên nên các hoạt động của Đoàn, Hội đều hướng về chủ đề học tập, rèn luyện để ngày mai lập thân, lập nghiệp. Các hoạt động của Đoàn, Hội giúp sinh viên có định hướng đúng trong học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức để sau khi tốt nghiệp ra trường có thể tìm việc làm hoặc tự tạo việc làm. Đoàn Trường, Hội Sinh viên cũng đã tổ chức tốt các hoạt động ngoại khóa cho ĐVTN, sinh viên như văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao; tham gia tốt các hoạt động tình nguyện hè, hiến máu nhân đạo hằng năm... Công tác tập hợp thanh niên, giáo dục truyền thống có những chuyển biến tích cực. Đoàn Trường, Hội Sinh viên luôn đạt thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn, Hội và phong trào thanh niên do Trung ương Đoàn, Hội Sinh viên Việt Nam, Tỉnh đoàn Sóc Trăng và Đoàn Các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh phát động.

*** Một số thành tích cụ thể**

Năm	Hình thức khen thưởng	Nội dung khen thưởng
2008	Cờ thi đua Hạng Nhì của UBND tỉnh Sóc Trăng	Đơn vị thi đua xuất sắc trong hoạt động của khối thi đua
2008	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng	Thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
2008	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng	Thành tích xuất sắc trong việc chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở
2009	Cờ thi đua Hạng Nhất của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc	Đơn vị thi đua xuất sắc trong hoạt động của khối thi đua

	Trăng	
2009	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng	Thành tích xuất sắc trong việc chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở
2009	Giấy khen của Hiệp hội CĐCD Việt Nam	Thành tích xuất sắc cho sự phát triển của Hiệp hội CĐCD Việt Nam
2010	Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng	Thành tích xuất sắc qua 10 năm thực hiện công tác Giáo dục Quốc phòng - An ninh, 2001-2010
2010	Bằng khen của Hiệp hội CĐCD Việt Nam	Thành tích đóng góp cho sự phát triển của mô hình CĐCD Việt Nam
2012	Giấy khen của Công an tỉnh Sóc Trăng	Thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
2012	Giấy khen của Công an tỉnh Sóc Trăng	Thành tích trong thực hiện Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh, trật tự tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
2014	Bằng khen của Bộ Công an	Thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
2015	Bằng khen của UBND tỉnh Sóc Trăng	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2015
2015	Bằng khen của UBND tỉnh Sóc Trăng	Thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào thi đua Khối 8
2015	Bằng khen của UBND tỉnh Sóc Trăng	Thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2015
2021	Giấy khen của Ban Tổ chức Hội thi	Đạt giải Khuyến khích Hội thi trực tuyến cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng năm 2021
2021	Bằng khen của UBND tỉnh Sóc Trăng	Thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2021
2023	Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1.3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng

1.3.1. Cơ cấu tổ chức của Trường

Công tác tổ chức, xây dựng bộ máy của Nhà trường ngày càng hoàn thiện với các đơn vị như sau:

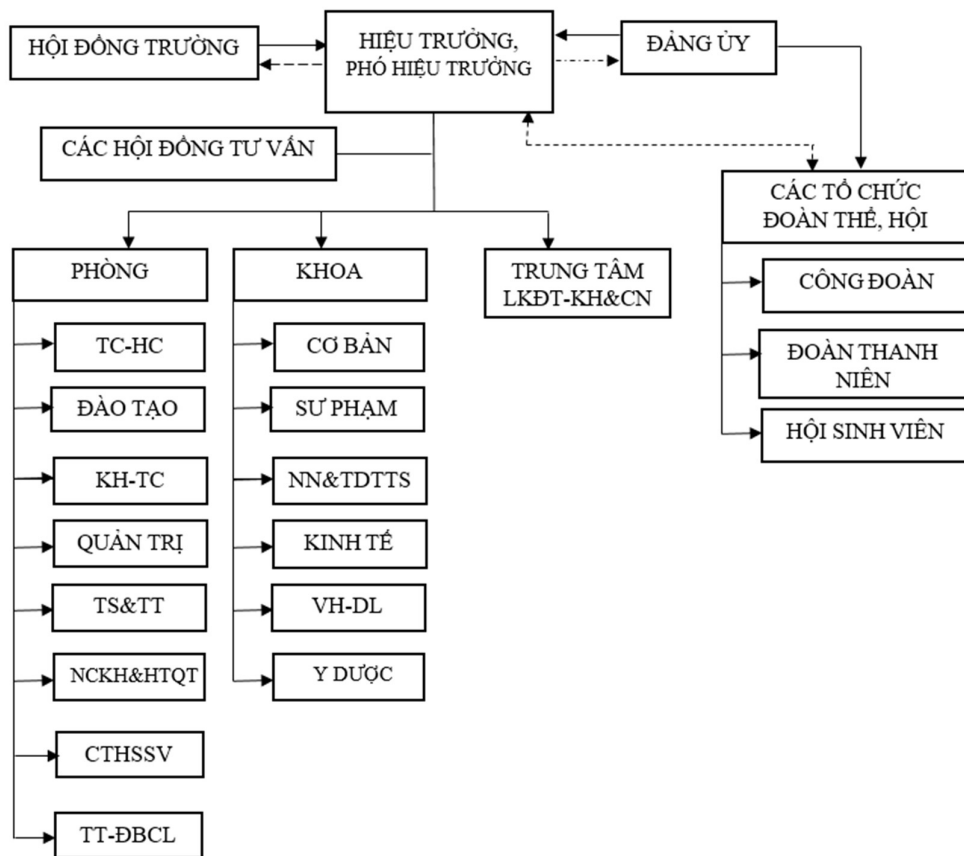
- 08 phòng chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính (TC-HC), Phòng Đào tạo, Phòng Kế hoạch - Tài chính (KH-TC), Phòng Quản trị, Phòng Tuyển sinh và Truyền thông (TS&TT), Phòng Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế (NCKH&HTQT), Phòng Công tác học sinh, sinh viên (CTHSSV), Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng (TT-ĐBCL).

- 06 khoa: Khoa Cơ bản, Khoa Sư phạm, Khoa Ngoại ngữ và Tiếng Dân tộc thiểu số (NN&TDTTS), Khoa Kinh tế, Khoa Văn hóa - Du lịch (VH-DL), Khoa Y- Dược và các bộ môn thuộc khoa.

- 01 trung tâm: Trung tâm Liên kết đào tạo - Khoa học và Công nghệ (LKĐT-KH&CN)

- Các hội đồng tư vấn cấp trường, cấp khoa.

- Tổ chức Đảng và các đoàn thể.



Hình 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường CĐCD Sóc Trăng

1.3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nhà trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
1. Lãnh đạo Trường	Đinh Thị Thái Hà	1972	ThS. Văn học Việt Nam	Hiệu trưởng
	Nguyễn Văn Tâm	1973	ThS. Lí luận và Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên				
Đảng bộ	Đinh Thị Thái Hà	1972	ThS. Văn học Việt Nam	Bí thư
Công đoàn	Đinh Thị Thái Hà	1972	ThS. Văn học Việt Nam	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Lê Văn Hiếu	1986	ThS. Giáo dục thể chất	Bí thư
Hội Sinh viên				Chủ tịch
3. Trưởng các phòng chức năng				
Phòng TC-HC	Trương Tấn Minh	1975	Cử nhân Tin học	Trưởng phòng
Phòng Đào tạo	Võ Thanh Sang	1976	ThS. Quản trị kinh doanh	Trưởng phòng
Phòng KH-TC	Quách Hồng Duyên	1984	ThS. Quản trị kinh doanh	Trưởng phòng
Phòng Quản trị	Nguyễn Trần Hoàng Vũ	1984	ThS. Kỹ thuật điện	Phó Trưởng phòng phụ trách
Phòng TS&TT	Nguyễn Thị Thuở	1981	TS. Khoa học cây trồng	Trưởng phòng
Phòng NCKH&HTQT	Nguyễn Tuyết Lan	1983	ThS. Lí luận và Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	Trưởng phòng
Phòng CTHSSV	Diệp Anh Huy	1976	ThS. Triết học	Trưởng phòng
Phòng TT-ĐBCL	Điền Huỳnh Ngọc Tuyết	1968	ThS. Vi sinh học	Trưởng phòng
4. Trưởng các khoa				

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tổng số	40	53	93

1.3.4. Các ngành nghề và quy mô đào tạo của Trường

1.3.4.1. Các ngành nghề đào tạo

Các ngành nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của Trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 38/2024/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 31/5/2024 như sau:

a) Tại trụ sở chính: số 139, đường Lê Hồng Phong, ấp Hòa Mỹ, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Nhóm ngành, nghề Nghệ thuật trình diễn			
1	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	5210216	10	Trung cấp
2	Sáng tác âm nhạc	5210227	10	Trung cấp
II	Nhóm ngành, nghề Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài			
1	Tiếng Anh	6220206	50	Cao đẳng
III	Nhóm ngành, nghề Kinh doanh			
1	Thương mại điện tử	6340122	50	Cao đẳng
IV	Nhóm ngành, nghề Kế toán - Kiểm toán			
1	Kế toán	6340301	50	Cao đẳng
V	Nhóm ngành, nghề Quản trị - Quản lý			
1	Quản trị văn phòng	6340403	30	Cao đẳng

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
2	Quản trị kinh doanh	6340404	50	Cao đẳng
VI	Nhóm ngành, nghề Luật			
1	Pháp luật	5380101	30	Trung cấp
VII	Nhóm ngành, nghề Công nghệ thông tin			
1	Tin học ứng dụng	6480205	50	Cao đẳng
VIII	Nhóm ngành, nghề Công tác xã hội			
1	Công tác xã hội	6760101	30	Cao đẳng
IX	Nhóm ngành, nghề Du lịch			
1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	6810101	50	Cao đẳng
2	Hướng dẫn du lịch	6810103	50	Cao đẳng

b) Tại địa điểm đào tạo: số 137 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Nhóm ngành, nghề Dược học			
1	Dược	6720201	70	Cao đẳng
		5720201	25	Trung cấp
II	Nhóm ngành, nghề Điều dưỡng - Hộ sinh			

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
2	Điều dưỡng	6720301	70	Cao đẳng
		5720301	25	Trung cấp

1.3.4.2. Quy mô đào tạo (Khối GDNN)

STT	Ngành/ngành đào tạo	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1.	Tin học ứng dụng	54	69	74
2.	Kế toán	145	129	131
3.	Quản trị kinh doanh	83	74	96
4.	Quản trị văn phòng	14	12	12
5.	Tiếng Anh	36	41	49
6.	Công tác xã hội (Trung cấp)	Đóng ngành		0
7.	Pháp luật (Trung cấp)	09	Không tuyển sinh được	0
8.	Chăn nuôi thú y (Trung cấp)	08	Đóng ngành	0
9.	Thanh nhạc (Trung cấp)	04	Đóng ngành	0
10.	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (Trung cấp)	02	Không tuyển sinh được	0
11.	Dược (Cao đẳng)	54	139	224
12.	Điều dưỡng (Cao đẳng)	30	68	124
Tổng cộng		439	532	710

1.3.4.3. Số lượng tốt nghiệp (Khối GDNN)

STT	Ngành/ngành đào tạo	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Kế toán	50	41	34
2	Quản trị kinh doanh	25	18	25
3	Tiếng Anh	05	06	14
4	Quản trị văn phòng	01	10	01
5	Tin học ứng dụng	23	13	11
6	Công tác xã hội	-	-	0

7	Trung cấp Pháp luật	09	01	0
8	Trung cấp Chăn nuôi thú y (chính quy)	05	01	0
9	Trung cấp Chăn nuôi thú y (VLVH)	17	-	0
10	Trung cấp Thanh nhạc	04	-	0
11	Trung cấp Biểu diễn nhạc cụ	02	-	0
12	Dược (Cao đẳng)			51
13	Điều dưỡng (Cao đẳng)			28
Tổng cộng		141	90	164

1.4. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính của Trường

1.4.1. Tổng diện tích đất toàn Trường: 156.338,2 m²

1.4.1.1 Diện tích hạng mục và công trình tại trụ sở chính: (Số 139, đường Lê Hồng Phong, ấp Hòa Mỹ, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng)

TT	Các công trình, hạng mục	ĐVT	Số lượng	Diện tích (m ²)		Ghi chú
				Xây dựng	Sàn Xây dựng	
1	Khu hiệu bộ, Dây nhà học A, B, C, Hội trường, Ký túc xá, Nhà Đa chức năng,... và các công trình hạng mục gắn liền với đất. (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M158239, ngày 01/11/1998, thay đổi ngày 14/11/2013 do Sở Tài nguyên và Môi trường Sóc Trăng cấp)	giấy	1		66.876,1	
2	Khu D, E và khác (khôi nhà học Cơ bản, tổng hợp,... và các công trình hạng mục gắn liền với đất). (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB877885, ngày 08/11/2010; số	giấy	4		82.315,9	

	BN841749, ngày 18/11/2013; số BN841751, ngày 18/11/2013 và số BN841752, ngày 18/11/2013)					
Tổng cộng					149.192	
I	Khu Hiệu bộ và văn phòng làm việc các đơn vị thuộc và trực thuộc					
1.1	Khôi nhà làm việc (1 trệt 2 lầu) khu Hiệu bộ	khôi	1	761,75	2.285,25	
1.2	Dãy 4 phòng làm việc Trung tâm, bộ phận tuyển sinh và Văn phòng các Đoàn thể	dãy	1	146,34	146,34	
1.3	Văn phòng làm việc Khoa Văn hóa - Nghệ thuật.	phòng	2	112,32	112,32	
1.4	Văn phòng làm việc Trung tâm NN-TH, Phòng CTHSSV&QLTBVT (Tầng trệt Khôi nhà Cơ bản)	phòng	2	0	100	
1.5	Văn phòng làm việc Khoa NN&TDTTS; Khoa Kinh tế, Phòng CTHSSV (Tầng 1 khối nhà Cơ bản)	phòng	5	0	360	
1.6	Văn phòng Khoa Cơ bản	phòng	1	60	60	
1.7	Hội trường 400 chỗ (khu Hiệu bộ)	HT	1	860	860	
1.8	Phòng trực, hội đồng thi	phòng	1	44	44	
1.9	Hội trường 500 chỗ (khu D)	HT	1	1.101	1.101	
1.10	Nhà Bảo vệ công chính	phòng	1	10,24	10,24	
1.11	Nhà Bảo vệ công Khu D&E	phòng	1	10,24	10,24	
Tổng cộng			17	3.105,89	5.089,39	
II	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG VĂN HOÁ, THỂ THAO, GIẢI TRÍ VÀ CÁC CÔNG TRÌNH Y TẾ, DỊCH VỤ					

2.1	Ký túc xá A	khối	1	533	1.402	
2.2	Ký túc xá B	khối	1	533	1.402	
2.3	Nhà đa chức năng và các công trình phụ trợ	nhà	1	1.350	1.350	
2.4	Sân tập bóng chuyền	sân	1	900	900	
2.5	Sân tập bóng rổ	sân	1	900	900	
2.6	Sân bóng đá cỏ nhân tạo và công trình phụ trợ gắn liền	sân	1	2.400	2400	
2.7	Sân thực hành GDQP	sân	2	0	0	
2.8	Nhà xe HSSV&HV	nhà	2	1.200	1.200	
2.9	Nhà xe HSSV&HV Nội trú và CB-GV	nhà	2	245	245	
2.10	Quầy phục vụ dụng cụ TDTT	quầy	1	34	34	
2.11	Nhà nghỉ phục vụ GV thỉnh giảng, liên kết đào tạo khu Hiệu bộ	phòng	6	210,6	210,6	
2.13	Nhà nghỉ giữa giờ dành cho GV tại Khu E	phòng	2	0	50	
2.14	Nhà nghỉ giữa giờ dành cho GV tại Khu D	phòng	2	0	90	
2.15	Căn tin phục vụ GV, HSSV&HV	căn	2	350	350	
2.16	Phòng Y tế học đường	phòng	1	0	30	
2.17	Phòng luyện tập dụng cụ TDTT (GYM)	phòng	1	168	168	
	Tổng cộng		27	8.823,6	10.731,6	
III	THƯ VIỆN		1	400	800	
IV	PHÒNG HỌC LÝ THUYẾT, THỰC HÀNH, THÍ NGHIỆM					
4.1	Khối nhà học A các phòng học lý thuyết và nhà vệ sinh, lối đi chung, cầu thang,...	phòng	15	414,3	1.243	
4.2	Phòng học lý thuyết Khu C 100 chỗ/phòng	phòng	2	112,32	224,64	

4.3	Khối nhà học B (Trường THSP đang sử dụng)	phòng	15	414,33	1.243	
<i>Các phòng học lý thuyết khu D (1 trệt 3 lầu)</i>						
4.4	Phòng 60 chỗ	phòng	18	264	1.584	
	Phòng 100 chỗ ngồi	phòng	1	132,5	132,5	
<i>Các phòng học lý thuyết Khu E (1 trệt 3 lầu)</i>						
4.5	Phòng 70 chỗ	phòng	12	324	1.296	
	Phòng 100 chỗ ngồi	phòng	4	126	504	
Tổng các phòng học lý thuyết khối GDNN, Sư phạm			67	1.787,45	6.227,14	
4.6	Phòng thực hành máy tính (30 máy tính/phòng)	phòng	8	0	755,5	
4.7	Thực hành mạng máy tính	phòng	1	0	88	
4.8	Phòng thực hành Bán hàng và Chăm sóc khách hàng	phòng	1	0	56,8	
4.9	Phòng thực hành Quản trị sản xuất và nhân sự	phòng	1	0	72	
4.10	Phòng thực hành Phiên tòa giả định	phòng	1	0	125	
4.11	Phòng thực hành Marketing và Quản trị kinh doanh	phòng	1	0	51	
4.12	Phòng thực hành Thư ký văn phòng	phòng	1	0	51	
4.13	Phòng thực hành Ngoại ngữ (Lab)	phòng	2	0	220	
4.14	Phòng thực hành Công tác xã hội	phòng	1	0	30	
4.15	Phòng thực hành Hội nghị	phòng	1	0	87,5	
4.16	Phòng thực hành Sinh (Sư phạm)	phòng	1	84	84	
4.17	Phòng thực hành Hóa (Sư phạm)	phòng	1	0	84	
4.18	Phòng thực hành Mầm non (Sư phạm)	phòng	1	335,23	335,23	
4.19	Phòng Thực hành luyện Múa (Sư phạm)	phòng	1	0	112,32	

4.20	Phòng thực hành Nhạc (Đàn Organ)	phòng	1	0	112,32	
4.21	Phòng thực hành nhạc cụ dân tộc	phòng	1	0	56,16	
4.22	Phòng thực hành Đàn Piano	phòng	1	0	56,16	
4.23	Phòng thực hành Tiếp tân	phòng	1	55	55	
4.24	Phòng Thực hành Cơ sở	phòng	1	55	55	
4.25	Phòng thực hành Buồng	phòng	1	110	110	
Tổng các phòng thực hành, thí nghiệm khối GDNN, Sư phạm			28	639,23	2.596,99	
Tổng Lý thuyết và thực hành, thí nghiệm			95	14.756,17	25.445,12	
V	Công trình, hạng mục gắn liền với nhà					
1	Nhà vệ sinh, lối đi chung và hệ thống thoát nước khối nhà C	hệ thống	1	668,38	896,04	
2	Nhà vệ sinh, cầu thang và lối đi chung, sân khối D	hệ thống	1	699,09	2.191,31	
3	Nhà vệ sinh, cầu thang và lối đi chung, sân khối E Văn phòng làm việc, phòng thực hành	hệ thống	1	662,39	1.359,56	
4	Nhà vệ sinh, cầu thang và lối đi chung, sân khối E.	hệ thống	1	295,2	1.180,8	
Tổng cộng			4	2.325,06	5.627,71	
VI	Công trình, hạng mục gắn liền với đất					
1	Sân Trường và Đường giao thông nội bộ khu Hiệu bộ	hệ thống	1	2.150	2.150	
2	Sân Trường và Đường giao thông nội bộ khu D&E	hệ thống	1	1.899	1.899	
3	Hệ thống điện, cấp nước thoát nước, PCCC	hệ thống	1	1.350	1.350	

Tổng cộng			3	5.399	5.399	
VII	Công trình hạng mục công viên, cây xanh					
1	Khu vực cây xanh, công viên	khu	1	52.073,89	52.073,89	
2	Ao cá khu Hiệu bộ	khu	1	2.065,5	2.065,5	
3	Khu Hồ nước Khu E	khu	1	1.698	1.698	
Tổng cộng			3	55.837,39	55.837,39	
VIII	Khác					
1	Đất bàn giao cho Thực hành Sư phạm		1	13.000,00	13.000,00	
Tổng cộng			1	13.000,00	13.000,00	

1.4.1.2 Diện tích hạng mục và công trình tại Khoa Y - Dược: (Số 137, đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng)

TT	Các công trình, hạng mục	ĐVT	Số lượng	Diện tích (m ²)		Ghi chú
				Xây dựng	Sàn	
Tổng diện tích đất: Giấy chứng nhận QSD đất số DG 314539, ngày 25/4/2023)		tờ	1	7.146,2		
I	Phục vụ hành chính khoa					
1	Khối nhà làm việc văn phòng khoa, phòng họp và các bộ môn (khu Hành chính khoa) (1 trệt 1 lầu)	khối	1	267,3	534,6	
2	Phòng Hội thảo	phòng	1	90	90	
3	Văn phòng bộ phận tuyển sinh	phòng	1	50	50	
Tổng cộng			3	407,3	674,6	
II	Công trình xây dựng phục vụ HSSV và người học					
1	Căn tin	căn	1	85	85	
2	Nhà xe HSSV&HV	nhà	2	400	400	
3	Quầy văn phòng phẩm - Photocopy	quầy	1	40	40	
Tổng cộng			4	525	525	
III	Kho Lưu trữ tài liệu		1	0	25	

IV	Khu vực phòng học lý thuyết, thực hành, thí nghiệm và hạng mục khác gắn liền					
1. Các phòng học lý thuyết khối nhà A (1 trệt 1 lầu)						
1.1	Phòng 40 chỗ	phòng	2	192	108	
1.2	Phòng 40 chỗ	phòng	1	0	66	
1.3	Phòng 80 chỗ	phòng	1	0	96	
1.4	Khu vực vệ sinh, cầu thang và lối đi chung			80	274	
Tổng cộng			4	272	544	
2. Các phòng học lý thuyết khối nhà B (1 trệt 1 lầu)						
2.1	Phòng 30 chỗ	phòng	2	96	96	
2.2	Phòng Thực hành CS người bệnh tại buồng	phòng	0	66	66	
2.3	Phòng 40 chỗ	phòng	1	0	66	
2.4	Phòng 80 chỗ	phòng	1	0	96	
2.5	Khu vực vệ sinh, cầu thang và lối đi chung		0	113,5	227	
Tổng cộng			4	275,5	551	
3. Các phòng học lý thuyết khối nhà C (1 trệt 1 lầu)						
3.1	Phòng 60 chỗ	phòng	2	66	132	
3.2	Phòng 80 chỗ	phòng	2	96	192	
3.3	Khu vực vệ sinh, cầu thang và lối đi chung		0	113,5	227	
Tổng cộng			4	275,5	551	
4. Phòng học lý thuyết khối nhà D						
4.1	Phòng 60 chỗ	phòng	1	70	70	
4.2	Phòng 90 chỗ	phòng	1	134	134	
4.3	Phòng lưu trữ tài liệu	phòng	1	25	25	
Tổng cộng			3	229	229	
5. Phòng học thực hành khối nhà E						
5.1	Chăm sóc sơ sinh	phòng	1	60	60	
5.2	Sản khoa	phòng	1	60	60	
5.3	Bán thuốc	phòng	1	36	36	
5.4	Vật lý trị liệu 1	phòng	1	60	60	

5.5	Vật lý trị liệu 2	phòng	1	60	60	
5.6	Khu vực vệ sinh và lối đi chung			106	106	
Tổng cộng			5	382	382	
6. Phòng học thực hành khối nhà F						
6.1	Huyết học - Truyền máu - Giải phẫu bệnh	phòng	1	100	100	
6.2	Hóa sinh - Miễn dịch	phòng	1	90	90	
6.3	Vi sinh - Ký sinh trùng	phòng	1	60	60	
6.4	Lối đi chung		0	50	50	
Tổng cộng			3	300	300	
7. Các phòng học thực hành khối nhà G (1 trệt 2 lầu)						
7.1	Hóa - Kiểm nghiệm	phòng	1	55	55	
7.2	Hóa dược - Dược lý - Dược Lâm sàng	phòng	1	50	50	
7.3	Bào chế	phòng	1	50	50	
7.4	Thực vật dược - Dược liệu - Dược cổ truyền	phòng	1	50	50	
7.5	Chăm sóc phụ nữ và Kế hoạch hóa gia đình	phòng	1	0	55	
7.6	Cấp cứu và chăm sóc tích cực	phòng	1	0	50	
7.7	Kỹ thuật điều dưỡng	phòng	1	0	100	
7.8	Giải phẫu	phòng	1	0	55	
7.9	Hoạt động trị liệu	phòng	1	0	50	
7.10	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	phòng	1	0	50	
7.11	Y học cổ truyền phục hồi chức năng	phòng	1	0	50	
7.12	Khu vực vệ sinh, cầu thang và lối đi chung		1	120,33	361	
Tổng cộng			12	325,33	976	
8. Vườn thuốc Nam		vườn	1	300	300	
Tổng (I+II+III+IV)				3.291,63	5.057,6	
V	Công trình, hạng mục gắn liền với đất					

1	Sân trường và đường giao thông nội bộ		1	880	880	
2	Các hệ thống cấp thoát nước, PCCC,..		1	593	593	
3	Khu vực trồng cây xanh, ao nước,...		1	2.381,57	2.381,57	
Tổng cộng			3	3.854,57	3.854,57	

1.4.2. Tổng số đầu sách trong thư viện của Trường

- Tổng số đầu sách trong thư viện của Trường: 10.669 quyển
- Tổng số bản sách trong thư viện của Trường: 80.461 bản

1.4.3. Tổng số máy tính của Trường

Tổng số máy tính của trường: **397** máy, trong đó:

+ Dùng cho văn phòng: **115** máy

+ Dùng cho dạy và học: **282** máy (06 phòng phục vụ giảng, 01 phòng phục vụ cho việc dạy thực hành cài đặt, lắp ráp 20 máy, 01 Phòng thực hành mạng máy tính và 02 phòng học Ngoại ngữ)

1.4.4. Tổng kinh phí đào tạo trong 05 năm trở lại đây

- Năm 2020: **29.500.000.000** đồng
- Năm 2021: **32.000.000.000** đồng
- Năm 2022: **31.044.000.000** đồng
- Năm 2023: **5.706.739.423** đồng
- Năm 2024 (ước tính): **5.000.000.000** đồng

1.4.5. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 05 năm trở lại đây

- Năm học 2020: **1.841.000.000** đồng
- Năm học 2021: **1.502.000.000** đồng
- Năm học 2022: **3.610.581.984** đồng
- Năm học 2023: **728.271.782** đồng
- Năm học 2024 (ước tính): **800.000.000** đồng

2. Thông tin khái quát về Khoa Kinh tế

- Tên đơn vị: Khoa Kinh tế.

- Địa chỉ: Khoa Kinh tế - Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng; Số 139, đường Lê Hồng Phong, ấp Hòa Mỹ, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Website: <https://www.stcc.edu.vn>

2.1. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của đơn vị

Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng được thành lập theo Quyết định số 2917/QĐ-BGD&ĐT ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường thực hiện mô hình đào tạo đa cấp, đa ngành, đa lĩnh vực; với phương châm giúp người học có thể dễ dàng chọn lựa ngành nghề phù hợp với khả năng học tập và ứng dụng vào công việc.

Năm 2020 trường nhận Quyết định số 1251/QĐ-BLĐTBXH ngày 06/9/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật, Trường Trung cấp Y tế, Trường Cao đẳng Sư phạm vào Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng.

Theo đó, Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng sau khi sáp nhập là Trường công lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng và có nhiệm vụ: Đào tạo theo 3 cấp trình độ: Cao đẳng, trung cấp và sơ cấp; bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo yêu cầu của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và người lao động; nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật - công nghệ nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, hợp tác, liên kết tổ chức đào tạo; tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật; hoạt động theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật.

Trong đó Khoa Kinh tế là đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng Sóc Trăng qua hơn 18 năm xây dựng và trưởng thành, đã đào tạo được một đội ngũ nhân lực kinh tế đủ về số lượng và đa dạng về chuyên ngành góp phần cung cấp nguồn nhân lực kinh tế đảm bảo về số lượng cơ bản để bổ sung, thay thế và tăng cường nhân lực cho ngành kinh tế của tỉnh nhà, góp phần củng cố và hoàn thiện mạng lưới kinh tế địa phương.

Với sứ mạng “đào tạo nguồn nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở xuống, có đạo đức, tri thức và kỹ năng nghề nghiệp trong các lĩnh vực kinh tế, nông nghiệp, xã hội - nhân văn, khoa học kỹ thuật và công nghệ; tổ chức nghiên cứu, chuyển giao công nghệ phục vụ nhu cầu cộng đồng; hợp tác chặt chẽ với các cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ sở đào tạo trong nước và ngoài nước giới thiệu việc làm, đào tạo, bồi dưỡng góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong bối cảnh hội nhập quốc tế”.

Khoa Kinh tế - Trường Cao đẳng cộng đồng Sóc Trăng hoạt động trong lĩnh vực đào tạo và đào tạo liên tục cử nhân kinh tế. Trang bị cho người học năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo, giúp người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp của tỉnh nhà và thị trường lao động. Khoa với chức năng, nhiệm vụ được giao là đào tạo cử nhân kinh tế.

Khoa Kinh tế là cầu nối giữa doanh nghiệp với người học, có đội ngũ giảng viên có đủ trình độ và chuyên môn đáp ứng tốt cho công tác giảng dạy, hiện tại Khoa có 01 tiến sĩ, 14 thạc sĩ, 02 cử nhân. Cơ sở vật chất hiện tại trường được trang bị phương tiện trình chiếu hiện đại, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập theo phương pháp mới.

Khoa Kinh tế đào tạo cao đẳng với các ngành, nghề thuộc lĩnh vực Kinh tế như: Kế toán, Quản trị kinh doanh, Quản trị văn phòng, Thương mại điện tử và Tin học ứng dụng. Các chương trình đào tạo được Khoa xây dựng theo phương pháp mới - dựa trên sự phân tích nhu cầu, phân tích nghề nghiệp, phân tích công việc từ các công ty, doanh nghiệp, xí nghiệp,... đáp ứng nhu cầu cần đào tạo.

Đội ngũ giảng viên của Khoa đều đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ với bề dày kinh nghiệm giảng dạy và hằng năm đều được bồi dưỡng, thực tập tại các doanh nghiệp phù hợp với chuyên môn giảng dạy.

*** Khoa Kinh tế thực hiện với chức năng, nhiệm vụ:**

- Quản lý giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học thuộc khoa theo phân công của Hiệu trưởng;

- Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động ngoại khóa khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy hằng năm của Trường;

- Xây dựng chương trình đào tạo của từng ngành, nghề theo từng trình độ đào tạo thuộc khoa quản lý hoặc do Hiệu trưởng giao; tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học, mô-đun, tín chỉ liên quan bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các môn học, mô-đun, tín chỉ của chương trình đào tạo, bồi dưỡng hoặc giữa các trình độ đào tạo;

- Tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn tài liệu, giáo trình đào tạo theo định hướng phát triển của Trường; phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên theo quy định;

- Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo;

- Xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của cộng đồng và thị trường lao động;

- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ quan, đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến ngành nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của khoa;

- Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên; ngành, nghề đào tạo và cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học; tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; thực hiện các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình đào tạo;

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho giảng viên, người học; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên thuộc khoa;

- Tổ chức đánh giá giảng viên trong khoa và tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong Trường theo quy định;

- Quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo quy định của Hiệu trưởng; đề xuất, xây dựng các kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị đào tạo của khoa;

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Hiệu trưởng.

*** Thành tích đạt được**

- Thành tích tập thể:

- + Năm học 2021 - 2022: Tập thể Khoa đạt danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- + Năm học 2022 - 2023: Tập thể Khoa đạt danh hiệu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- + Năm học 2023 - 2024: Tập thể Khoa đạt danh hiệu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Thành tích của cá nhân:

- + Năm 2021: Khoa có 01 GV nhận bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh.

- + Năm 2022: Khoa có 01 GV nhận bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh.

- + Năm 2023: Khoa có 01 GV tham gia “Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh” đạt 01 giải ba; có 01 GV nhận bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh.

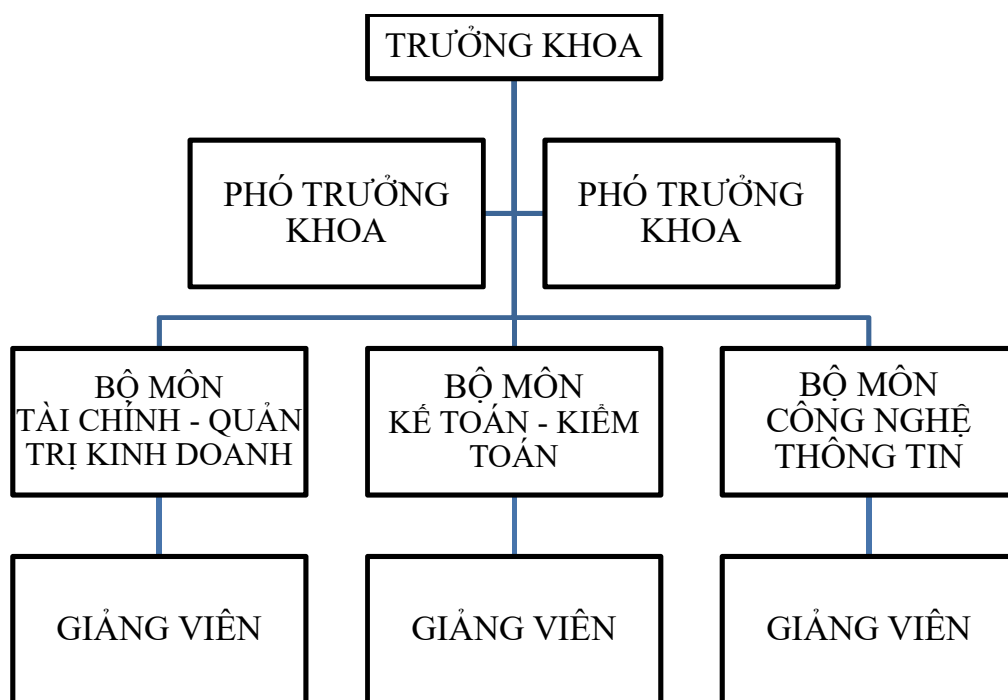
- Trong công tác nghiên cứu khoa học:

- + Trong năm học 2021 - 2022, Khoa Kinh tế đã đạt được nhiều kết quả trong công tác nghiên cứu khoa học: Khoa sinh hoạt 04 chuyên đề; 04 đề tài NCKH; 06 bài báo khoa học chuyên ngành.

- + Trong năm học 2022 - 2023, Khoa Kinh tế đã đạt được nhiều kết quả trong công tác nghiên cứu khoa học: Khoa sinh hoạt 06 chuyên đề; 02 giáo trình đào tạo; 02 sáng kiến kinh nghiệm, 03 đề tài NCKH; 03 bài báo khoa học chuyên ngành.

- + Trong năm học 2023 - 2024, Khoa Kinh tế đã đạt được nhiều kết quả trong công tác nghiên cứu khoa học: Khoa sinh hoạt 06 chuyên đề; 02 giáo trình đào tạo; 01 sáng kiến kinh nghiệm, 03 đề tài NCKH; 05 bài báo khoa học chuyên ngành.

2.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Khoa:



2.3. *Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy nghề Kế toán trình độ cao đẳng*

Tổng số giảng viên thuộc Bộ môn Kế toán - Kiểm toán, gồm: 01 Trưởng Bộ môn, 02 giảng viên cơ hữu, giảng viên tham gia giảng dạy các môn chuyên ngành.

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
1. Lãnh đạo khoa	Trương Ngọc Phụng	1976	Thạc sĩ	Phó Trưởng khoa (phụ trách)
	Lê Thị Chi	1982	Thạc sĩ	Phó Trưởng khoa
2. Bộ môn Kế toán - Kiểm toán	Lưu Thị Thảo Nguyên	1990	Thạc sĩ	Trưởng BM
	Thái Thảo Trân	1989	Thạc sĩ	Giảng viên
	Đỗ Thị Hoàng Phương	1986	Thạc sĩ	Giảng viên

Tổng số giảng viên của Khoa Kinh tế

- Nam: 5 - Nữ: 12

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	1	0	1
Thạc sĩ	3	11	14
Đại học	1	1	2
Tổng số	5	12	17

3. Thông tin về Chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán, trình độ cao đẳng

CTĐT ngành, nghề Kế toán, trình độ cao đẳng của Trường được ban hành theo Quyết định số 331/QĐ-CĐCD ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng ngành, nghề Kế toán;

*** Đối với Cao đẳng Kế toán (chính quy)**

- Tên ngành, nghề: Kế toán
- Mã ngành, nghề: 6340301
- Trình độ đào tạo: Cao đẳng
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
- Thời gian đào tạo: 2,0 - 3,0 năm

3.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.1.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo Cử nhân thực hành trình độ cao đẳng Kế toán nắm vững kiến thức cơ bản, có kỹ năng thực hành nghiệp vụ kế toán, thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán; kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin về tình hình sử dụng tài chính ở các đơn vị và doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Có phẩm chất chính trị, có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp; có sức khỏe tốt; đồng thời có khả năng học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể

*** Kiến thức**

- Trình bày được các nguyên tắc kế toán;
- Mô tả được chế độ kế toán;
- Trình bày được hệ thống văn bản pháp luật về thuế;
- Biết được phương pháp sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, trong nghiên cứu để soạn thảo các hợp đồng thương mại;
- Xác định được vị trí, vai trò của kế toán trong ngành kinh tế;
- Mô tả được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong doanh nghiệp, mối quan hệ giữa các bộ phận trong doanh nghiệp;
- Vận dụng được các văn bản liên quan đến ngành kế toán;

- Trình bày được tên các loại chứng từ kế toán được sử dụng trong các vị trí việc làm;
- Trình bày được phương pháp lập chứng từ kế toán; phương pháp kế toán các nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp;
- Trình bày được quy trình xây dựng định mức chi phí;
- Phân bổ được doanh thu nhận trước, ghi nhận doanh thu, thu nhập theo cơ sở dồn tích;
- Phân bổ được chi phí trả trước, trích trước phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Điều chỉnh được tỷ giá hối đoái liên quan đến ngoại tệ;
- Trình bày được phương pháp ghi sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp; phương pháp thu thập, sắp xếp, quản lý, lưu trữ hồ sơ, sổ sách chứng từ kế toán; phương pháp kiểm tra, đối chiếu, xử lý trong công tác kế toán; các phương pháp kê khai thuế, báo cáo ấn chỉ; phương pháp lập báo cáo tài chính; phương pháp lập báo cáo kế toán quản trị; phương pháp phân tích tình hình tài chính cơ bản của doanh nghiệp;
- Trình bày được phương pháp sử dụng phần mềm hỗ trợ kê khai thuế, phần mềm kê khai hải quan, biết cách sử dụng chữ ký số khi nộp tờ khai, nộp thuế điện tử;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định;
- Phụ trách kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.

*** Kỹ năng**

- Tổ chức được công tác tài chính kế toán phù hợp với từng doanh nghiệp;
- Thiết lập mối quan hệ với ngân hàng, các tổ chức tín dụng và các cơ quan quản lý chức năng;
- Lập được chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán theo từng vị trí công việc;
- Sử dụng được chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp;
- Xây dựng được hệ thống định mức chi phí;
- Phân bổ được doanh thu nhận trước, ghi nhận doanh thu, thu nhập theo cơ sở dồn tích;
- Phân bổ được chi phí trả trước, trích trước phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- Điều chỉnh được tỷ giá hối đoái liên quan đến ngoại tệ;
- Lập được kế hoạch tài chính doanh nghiệp;
- Lập được báo cáo tài chính và báo cáo thuế của doanh nghiệp;
- Xây dựng được báo cáo kế toán quản trị của doanh nghiệp;
- Phân tích được một số chỉ tiêu kinh tế, tài chính doanh nghiệp;
- Kiểm tra, đánh giá được công tác tài chính, kế toán của doanh nghiệp;
- Cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị;
- Tham mưu được cho lãnh đạo doanh nghiệp những ý kiến cải tiến làm cho công tác kế toán và công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp đúng pháp luật;
- Báo cáo với lãnh đạo các đơn vị và đề xuất các giải pháp đúng đắn để hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị tuân thủ đúng pháp luật, đồng thời mang lại hiệu quả cao hơn;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; sử dụng thành thạo 2 đến 3 phần mềm kế toán doanh nghiệp thông dụng; sử dụng được phần mềm hỗ trợ kê khai, kê khai hải quan, sử dụng được chữ ký số khi nộp tờ khai, nộp thuế điện tử;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

*** *Mức độ tự chủ và trách nhiệm***

- Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm;
- Tổ chức, đánh giá, phân tích các hoạt động nhóm;
- Có ý thức học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn;
- Có ý thức trách nhiệm trong công việc, trong sử dụng, bảo quản tài sản trong doanh nghiệp.

3.2. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu, tuân thủ đúng chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Kế toán vốn bằng tiền;
- Kế toán hàng tồn kho và phải trả người bán;
- Kế toán tài sản cố định, bất động sản đầu tư, đầu tư tài chính và các khoản vay;
- Kế toán bán hàng và phải thu khách hàng;
- Kế toán tiền lương, các khoản trích theo lương;

- Kế toán chi phí và tính giá thành;
- Kế toán thuế;
- Kế toán tổng hợp.

3.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề kế toán doanh nghiệp, trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

3.4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học: **35** môn học
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **88** tín chỉ (*lý thuyết: 43 tín chỉ, thực hành: 45 tín chỉ*); **2.160** giờ
- Khối lượng các môn chung: **435** giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: **1.725** giờ
- Khối lượng lý thuyết: **670** giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **1.397** giờ; Thi, kiểm tra: **93** giờ (*lý thuyết chiếm 31%, thực hành chiếm 69%*).

3.5. Nội dung chương trình đào tạo

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ			Số giờ			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			LT	TH		Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ KT
I	Các môn học chung	18	10	8	435	157	255	23

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ			Số giờ			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			LT	TH		Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ KT
CT001	Giáo dục chính trị	4	3	1	75	41	29	5
PL001	Pháp luật	2	2	0	30	18	10	2
TC001	Giáo dục thể chất	2	0	2	60	5	51	4
QP001	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	2	1	75	36	35	4
TH001	Tin học	3	1	2	75	15	58	2
TA001	Tiếng Anh 1	2	1	1	60	21	36	3
TA002	Tiếng Anh 2	2	1	1	60	21	36	3
II	Các môn học chuyên môn	70	33	37	1.725	513	1.143	69
<i>II.1</i>	<i>Môn học cơ sở</i>	<i>17</i>	<i>10</i>	<i>7</i>	<i>360</i>	<i>138</i>	<i>206</i>	<i>16</i>
KT002	Luật kinh tế	2	2	0	30	18	10	2
KT004	Kinh tế vi mô	2	1	1	45	15	28	2
KT005	Nguyên lý thống kê	2	1	1	45	15	28	2
KT006	Tài chính tiền tệ	2	1	1	45	15	28	2

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ			Số giờ			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			LT	TH		Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ KT
KT024	Marketing căn bản	2	1	1	45	15	28	2
KT033	Quản trị học	2	1	1	45	15	28	2
KT034	Quản lý ngân sách Nhà nước	2	1	1	45	15	28	2
KT037	Nguyên lý kế toán	3	2	1	60	30	28	2
II.2	Môn học chuyên môn	42	20	22	1.005	325	633	47
KT009	Thuế	2	1	1	45	15	28	2
KT010	Tài chính doanh nghiệp	3	2	1	60	30	28	2
KT011	Kế toán tài chính 1	3	2	1	60	30	28	2
KT012	Kế toán tài chính 2	4	3	1	75	45	27	3
KT013	Kế toán tài chính 3	4	3	1	75	45	27	3
KT014	Thực hành kế toán tài chính 1	2	0	2	60	5	51	4

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ			Số giờ			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			LT	TH		Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ KT
KT015	Thực hành kế toán tài chính 2	2	0	2	60	5	51	4
KT016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	2	1	60	30	27	3
KT017	Kế toán hành chính sự nghiệp	4	3	1	75	45	27	3
KT018	Kiểm toán	2	1	1	45	15	28	2
KT019	Tin học kế toán	2	1	1	45	15	28	2
KT021	Thực hành quy trình luân chuyển chứng từ kế toán	2	0	2	60	5	51	4
KT022	Thực tập nghề nghiệp	3	0	3	135	5	125	5
KT029	Thực hành phần mềm kế toán	2	0	2	60	5	51	4
KT035	Kế toán quản trị	2	1	1	45	15	28	2
KT036	Kế toán và khai báo thuế	2	1	1	45	15	28	2

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ			Số giờ			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			LT	TH		Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ KT
<i>II.3</i>	<i>Môn học tự chọn (tự chọn 6 TC, 135 giờ)</i>	<i>6</i>	<i>3</i>	<i>3</i>	<i>135</i>	<i>45</i>	<i>84</i>	<i>6</i>
KT008	Quản trị doanh nghiệp	2	1	1	45	15	28	2
KT025	Kinh tế vĩ mô	2	1	1	45	15	28	2
KT026	Kế toán ngân sách xã, phường, thị trấn	2	1	1	45	15	28	2
KT027	Kế toán thương mại dịch vụ	2	1	1	45	15	28	2
KT028	Kế toán ngân hàng	2	1	1	45	15	28	2
KT030	Thông kê doanh nghiệp	2	1	1	45	15	28	2
KT032	Thị trường chứng khoán	2	1	1	45	15	28	2
KT037	Nghiệp vụ ngân hàng	2	1	1	45	15	28	2
KT055	Nghiệp vụ thanh toán quốc tế	2	1	1	45	15	28	2

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ			Số giờ			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			LT	TH		Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ KT
<i>II.4</i>	<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	5	0	5	225	5	220	0
KT023	Thực tập tốt nghiệp + khóa luận tốt nghiệp	5	0	5	225	5	220	0
Tổng cộng		88	43	45	2.160	670	1.398	92

3.6. Hướng dẫn sử dụng chương trình

3.6.1. Các môn học chung

- Môn Giáo dục Chính trị: Thực hiện theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐT BXH, ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Môn Pháp luật: Thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐT BXH, ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Môn Giáo dục thể chất: Thực hiện theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐT BXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh: Thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐT BXH, ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Môn Tin học: Thực hiện theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐT BXH, ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Môn Tiếng Anh: Thông tư số 03/2019/TT-BLĐT BXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3.6.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo)

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Trường có thể bố trí tham quan, học tập dã ngoại tại một số doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành đào tạo.

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm thích hợp.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	Từ 5h00' đến 6h00'; 17h00' đến 18h00' hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua phương tiện thông tin đại chúng; - Sinh hoạt tập thể - Sinh hoạt kỹ năng mềm	Ngoài giờ học hàng ngày vào lúc 19h00' đến 21h 00' (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Giáo dục SKSS/SKTD/HIV theo Công văn số 1900/TCDN-HSSV	Lồng ghép giảng dạy vào chương trình đào tạo
6	Tham quan	Mỗi năm học 01 lần

3.6.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học

Việc kiểm tra và đánh giá kết quả môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và Quyết định số 288/QĐ-CĐCĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng.

3.6.4. Hướng dẫn sinh viên chọn môn học tự chọn

Sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Nhà trường vào đầu mỗi học kỳ, năm học hoặc được tự chọn tùy ý trong số các môn học tự chọn được xây dựng và phân bổ thời gian tại mục II.3 trong nội dung chương trình đào tạo để tích lũy đủ số môn học và tín chỉ đã quy định (tổng số môn học được tự chọn là 03 môn học, 06 tín chỉ, 135 giờ) trong chương trình đào tạo.

3.6.5. Hướng dẫn tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

- Hướng dẫn tốt nghiệp:

Sinh viên thực tập tốt nghiệp và thực hiện khóa luận tốt nghiệp với khối lượng 05 tín chỉ, 225 giờ.

- Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng Nhà trường căn cứ vào kết quả xét tốt nghiệp để công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng “Cử nhân thực hành” theo Thông tư số 10/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017 của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và Thông tư số 24/2020/TT-BLĐT BXH ngày 30/12/2020 của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017 Quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng./.

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chất lượng giáo dục và công tác kiểm định chất lượng giáo dục là một trong những nội dung được quan tâm hàng đầu của ngành giáo dục ở Việt Nam. Chất lượng cơ sở GDNN đang là vấn đề thu hút sự quan tâm của các nhà quản lý, doanh nghiệp, người học và toàn xã hội. Từ đây, các cơ sở GDNN muốn phát triển bền vững phải dựa trên cơ sở phân tích, đánh giá một cách toàn diện hiệu quả của quá trình hoạt động, xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đó nhằm phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế, tồn tại.

Để đạt được những mục tiêu về kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ LĐ-TB&XH đã ban hành Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 về Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó một trong các nhiệm vụ quan trọng là đẩy mạnh hoạt động đánh giá chất lượng đối với chương trình đào tạo.

Trong những năm qua, Trường CĐCD Sóc Trăng luôn xác định chất lượng GDNN là yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Nhà trường. Chính vì vậy, Nhà trường rất chú trọng việc xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH. Đồng thời, Trường cũng thường xuyên tiến hành hoạt động tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL GDNN theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH.

Đồng hành cùng với Trường CĐCD Sóc Trăng, Khoa Kinh tế là một trong những đơn vị có lịch sử hình thành và phát triển đóng góp cho sự phát triển chung của Nhà trường, đào tạo các lớp cao đẳng, trình độ sinh viên có chất lượng, đáp ứng nhu cầu của địa phương, khu vực và cả nước. Khoa thường xuyên quan tâm đến bảo đảm chất lượng ngành đào tạo Kế toán. Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo chương trình Kế toán trình độ cao đẳng, Khoa đã và đang áp dụng nhiều biện pháp để duy trì và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo Kế toán trình độ cao đẳng do Khoa quản lý. Khoa Kinh tế đã xác định tự đánh giá là một khâu quan trọng trong đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo; chủ động tham gia công tác tự đánh giá chất lượng đối với chương trình đào tạo, đồng thời với xây dựng văn hóa chất lượng trong Khoa và trong các hoạt động đào tạo của Khoa.

Tự đánh giá CTĐT Kế toán trình độ cao đẳng trước hết thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Khoa trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác theo chức năng nhiệm vụ được giao; phù hợp với triết lý giáo dục, tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của Nhà trường; phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển của Khoa. Bên cạnh đó tự đánh giá còn là cơ sở cho việc đăng ký đánh giá ngoài chất lượng của CTĐT.

Trong quá trình triển khai tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá CTĐT Kế toán căn

cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ LĐ-TB&XH để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng của CTĐT. Thông qua quá trình đánh giá sẽ chỉ ra những mặt mạnh và mặt yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh nhằm cải tiến để đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra. Từ kết quả tự đánh giá, Nhà trường có cơ sở nhận thức đầy đủ, khách quan về mức độ đạt chuẩn chất lượng của các hoạt động theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn thống nhất do Bộ LĐ-TB&XH ban hành. Đó cũng là cơ sở nhằm giúp Nhà trường không ngừng phát huy những điểm mạnh và xây dựng kế hoạch cải tiến nhằm khắc phục sớm nhất, hiệu quả nhất những tồn tại, hạn chế; từng bước đáp ứng yêu cầu về các điều kiện bảo đảm chất lượng để phát triển Trường theo hướng bền vững.

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá

Trường CĐCD Sóc Trăng thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT dựa trên những căn cứ sau:

- Thông tư 15/2017/TT-BLĐTB&XH ngày 08/6/2017 của Bộ Trưởng Bộ LĐ-TB&XH về việc quy định tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL GDNN;

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ LĐ-TB&XH về việc quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN;

- Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn KĐCL CTĐT trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục GDNN.

- Căn cứ Quyết định số 191/QĐ-CĐCD ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2024.

1.2. Mục đích tự đánh giá

Việc đánh giá chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán cho thấy được điểm mạnh và điểm hạn chế của chương trình đào tạo, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên và học sinh sinh viên trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, làm rõ vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo toàn trường, giúp trường nâng cao chất lượng đào tạo, tiến tới xây dựng Trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu Nhà trường.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá

- Làm rõ được thực trạng hiện tại của Trường, đặc biệt đi sâu vào các hoạt động có liên quan đến công tác đào tạo ngành, nghề Kế toán trình độ Cao đẳng, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá và so sánh từ đó đưa ra những nhận định, xác định được những điểm mạnh, những điểm còn tồn tại và đề ra được những giải pháp để phát huy được

những điểm mạnh, khắc phục những tồn tại một cách có hiệu quả.

- Trong từng tiêu chuẩn ở các tiêu chí phải xây dựng được các kế hoạch hành động cụ thể để cải tiến, nâng cao chất lượng của chương trình đào tạo.

- Trong quá trình tự đánh giá phải thể hiện được: Nội dung đánh giá đảm bảo trung thực, khách quan, các thông tin, phân tích đánh giá cần rõ ràng, cụ thể, bám sát chức năng, nhiệm vụ của đơn vị. Các nội dung đánh giá có minh chứng phù hợp để chứng minh, đồng thời phải đảm bảo thời gian theo kế hoạch.

- Kết quả tự đánh giá chất lượng được công khai nội bộ; được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về GDNN và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

1.4. Phương pháp tự đánh giá

- Căn cứ vào quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo được quy định tại Thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN. Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá cho từng chương trình đào tạo năm 2024, quán triệt mục đích yêu cầu của công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, trên cơ sở năng lực chuyên môn của từng thành viên, Hội đồng phân công cho từng thành viên và từng đơn vị có liên quan phụ trách từng tiêu chuẩn, tiêu chí.

- Các đơn vị nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ CĐ và các hồ sơ, tài liệu liên quan, từ đó xây dựng kế hoạch tự đánh giá của đơn vị, phân công cho các thành viên trong đơn vị, triển khai thu thập thông tin và minh chứng, phân tích xử lý các thông tin và minh chứng, viết báo cáo tự đánh giá của đơn vị theo sự phân công của Hội đồng. Sau khi hoàn thiện gửi báo cáo tự đánh giá về hội đồng tự đánh giá chất lượng.

1.5. Các bước tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá của Trường gồm các bước sau:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Kế toán năm 2024.

2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng.

3. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo ngành Kế toán năm 2024.

4. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
TT	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định
	Tổng điểm	100	94
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	6 điểm	6 điểm
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2 điểm	2 điểm
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	14 điểm	12 điểm
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2 điểm	2 điểm

	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2 điểm	0 điểm
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16 điểm	14 điểm
	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2 điểm	0 điểm
	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2 điểm	2 điểm
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	24 điểm	24 điểm

	Tiêu chuẩn 1: CTĐT được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 4: CTĐT thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu GDNN.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2 điểm	2 điểm
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16 điểm	14 điểm

	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2 điểm	0 điểm
	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2 điểm	2 điểm
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ người học	8 điểm	8 điểm
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học;	2 điểm	2 điểm

	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập;	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp;	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, TDTT cho người học.	2 điểm	2 điểm
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16 điểm	16 điểm
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2 điểm	2 điểm

	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2 điểm	2 điểm
	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2 điểm	2 điểm

2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

2.2.1. TIÊU CHÍ 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu:

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Kế toán trình độ cao đẳng phù hợp mục tiêu của nhà trường và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định. Nhà trường có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho Khoa Kinh tế là đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo nghề Kế toán; Khoa Kinh tế hàng năm hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Hàng năm, Nhà trường nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học theo nghề theo cấp trình độ, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

**** Những điểm mạnh:***

Nhà trường có quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Kế toán trong đó bao gồm chương trình chi tiết, thể hiện đầy đủ mục tiêu chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo được công bố công khai trên trang web của trường, trên thư viện điện tử của Nhà trường. Mục tiêu chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh hàng năm. Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu phát triển của Trường.

Nhà Trường có quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong đó có Khoa Kinh tế. Các năm 2022, 2023, 2024 Khoa đều có báo cáo tổng kết công tác của đơn vị. Tập thể và cá nhân Khoa Kinh tế được lãnh đạo cấp trên, Nhà trường khen thưởng trong công tác đào tạo.

Trường đã thực hiện nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, học chương trình đào tạo đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

**** Những tồn tại: Không có***

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*** Năm học 2023 - 2024 và các năm tiếp theo, Nhà trường tiếp tục rà soát điều chỉnh mục tiêu chương trình đào tạo phù hợp với thực

tế phát triển của xã hội, nhu cầu của các doanh nghiệp và nhu cầu chung của địa phương.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	6 điểm
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Kế toán trình độ cao đẳng là ngành, nghề đào tạo Cử nhân thực hành Kế toán có kỹ năng thực hành nghiệp vụ kế toán, thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán; kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin về tình hình sử dụng tài chính ở các đơn vị và doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Để hành nghề tốt, người kế toán viên phải có phẩm chất chính trị, có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp; có sức khỏe tốt; đồng thời có khả năng học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường.

Kiến thức

- Trình bày được các nguyên tắc kế toán;
- Mô tả được chế độ kế toán;
- Trình bày được hệ thống văn bản pháp luật về thuế;
- Biết được phương pháp sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, trong nghiên cứu để soạn thảo các hợp đồng thương mại;
- Xác định được vị trí, vai trò của kế toán trong ngành kinh tế;
- Mô tả được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong doanh nghiệp, mối quan hệ giữa các bộ phận trong doanh nghiệp;
- Vận dụng được các văn bản liên quan đến ngành kế toán;
- Trình bày được tên các loại chứng từ kế toán được sử dụng trong các vị trí việc làm;
- Trình bày được phương pháp lập chứng từ kế toán; phương pháp kế toán các nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp;

- Trình bày được quy trình xây dựng định mức chi phí;
- Phân bổ được doanh thu nhận trước, ghi nhận doanh thu, thu nhập theo cơ sở dồn tích;
- Phân bổ được chi phí trả trước, trích trước phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Điều chỉnh được tỷ giá hối đoái liên quan đến ngoại tệ;
- Trình bày được phương pháp ghi sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp; phương pháp thu thập, sắp xếp, quản lý, lưu trữ hồ sơ, sổ sách chứng từ kế toán; phương pháp kiểm tra, đối chiếu, xử lý trong công tác kế toán; các phương pháp kê khai thuế, báo cáo ẩn chi; phương pháp lập báo cáo tài chính; phương pháp lập báo cáo kế toán quản trị; phương pháp phân tích tình hình tài chính cơ bản của doanh nghiệp;
- Trình bày được phương pháp sử dụng phần mềm hỗ trợ kê khai thuế, phần mềm kê khai hải quan, biết cách sử dụng chữ ký số khi nộp tờ khai, nộp thuế điện tử;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định;
- Phụ trách kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Kỹ năng

- Tổ chức được công tác tài chính kế toán phù hợp với từng doanh nghiệp;
- Thiết lập mối quan hệ với ngân hàng, các tổ chức tín dụng và các cơ quan quản lý chức năng;
- Lập được chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán theo từng vị trí công việc;
- Sử dụng được chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp;
- Xây dựng được hệ thống định mức chi phí;
- Phân bổ được doanh thu nhận trước, ghi nhận doanh thu, thu nhập theo cơ sở dồn tích;
- Phân bổ được chi phí trả trước, trích trước phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Điều chỉnh được tỷ giá hối đoái liên quan đến ngoại tệ;
- Lập được kế hoạch tài chính doanh nghiệp;
- Lập được báo cáo tài chính và báo cáo thuế của doanh nghiệp;
- Xây dựng được báo cáo kế toán quản trị của doanh nghiệp;

- Phân tích được một số chỉ tiêu kinh tế, tài chính doanh nghiệp;
- Kiểm tra, đánh giá được công tác tài chính, kế toán của doanh nghiệp;
- Cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị;
- Tham mưu được cho lãnh đạo doanh nghiệp những ý kiến cải tiến làm cho công tác kế toán và công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp đúng pháp luật;
- Báo cáo với lãnh đạo các đơn vị và đề xuất các giải pháp đúng đắn để hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị tuân thủ đúng pháp luật, đồng thời mang lại hiệu quả cao hơn;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; sử dụng thành thạo 2 đến 3 phần mềm kế toán doanh nghiệp thông dụng; sử dụng được phần mềm hỗ trợ kê khai, kê khai hải quan, sử dụng được chữ ký số khi nộp tờ khai, nộp thuế điện tử;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm;
- Tổ chức, đánh giá, phân tích các hoạt động nhóm;
- Có ý thức học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn;
- Có ý thức trách nhiệm trong công việc, trong sử dụng, bảo quản tài sản trong doanh nghiệp.

(1.1.01- Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán).

Ngoài ra, chuẩn đầu ra của ngành Kế toán cũng thể hiện rõ mục tiêu CTĐT về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm *(1.1.02- Quyết định số 423/QĐ-CĐCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc ban hành chuẩn đầu ra ngành, nghề cao đẳng Kế toán).*

Mục tiêu của ngành cũng được thể hiện rõ ở chức năng, nhiệm vụ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị *(1.1.03- Quyết định số 262/QĐ-CĐCĐ ngày 31/7/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Khoa Kinh tế, Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng).*

Căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Sóc Trăng và tình hình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, Trường đã đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, nhu cầu sử dụng lao động của các cơ quan, doanh

nghiệp, nhu cầu phát triển kinh tế xã hội tỉnh nhà như trong Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 11/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Nghị quyết nêu rõ: “Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực tiễn, vận dụng tri thức, kỹ năng được đào tạo để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong quá trình lao động, sản xuất, đáp ứng đầy đủ các yếu tố về thể lực, trí lực, tâm lực, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động của tỉnh”. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, các kế hoạch phát triển ngắn hạn theo từng giai đoạn, từng năm của Nhà trường luôn gắn kết chặt chẽ với mục tiêu đã xác định ban đầu và phù hợp với việc đáp ứng nhu cầu nhân lực của địa phương (**1.1.04- Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 11/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030**). Nhà trường đã thực hiện việc đăng ký hoạt động GDNN và được Tổng cục GDNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN cho ngành Cao đẳng Kế toán (**1.1.05- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 18/10/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365a/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 28/11/2018; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 97/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 11/8/2020; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97a/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 15/4/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97b/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 18/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 38/2024/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 31/5/2024**).

Việc đào tạo nguồn nhân lực kinh tế trực tiếp trong công tác kế toán, nhằm trang bị cho người học có kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các kỹ năng của nghề Kế toán giúp người học có thể giải quyết được các tình huống phức tạp và xử trí nhanh các tình huống sát thực tế. Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp với sứ mạng của Trường: “Trường CĐCD Sóc Trăng là nơi đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, có đạo đức, tri thức và kỹ năng nghề nghiệp trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội - nhân văn, sư phạm, y tế, văn hóa - nghệ thuật; tổ chức nghiên cứu, chuyển giao công nghệ phục vụ nhu cầu cộng đồng; hợp tác chặt chẽ với các cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ sở hoạt động trên lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa - nghệ thuật trong nước và ngoài nước giới thiệu việc làm, đào tạo, bồi dưỡng góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong bối cảnh hội nhập quốc tế”. Đến năm 2023, sứ mạng của Trường được điều chỉnh như sau: “Trường CĐCD Sóc Trăng là cơ sở đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà và khu vực”. Mục tiêu, sứ mạng của Trường còn được công bố công khai trên website của Nhà trường (**1.1.06- Trang web của Nhà trường: <http://www.stcc.edu.vn>**).

Mục tiêu của CTĐT ngành, nghề Kế toán được công bố công khai trên trang Web của Trường, thông tin tuyển sinh của ngành, nghề được nêu trên các tờ rơi thông báo tuyển sinh (**1.1.07- Thông báo tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023, 2024**). Ngoài ra, mục tiêu của CTĐT còn được phổ biến tới HSSV thông qua các buổi sinh hoạt, học tập

đầu khóa (**1.1.08- Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Danh sách học sinh, sinh viên tham dự tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024**).

Mục tiêu đào tạo của ngành Kế toán định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật, điều chỉnh phù hợp nhu cầu thực tế. Năm 2021, Trường đã xây dựng và ban hành CTĐT ngành, nghề Kế toán theo phương thức tích lũy tín chỉ nhằm đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động (**1.1.01- Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán**). Năm 2023, Trường đã ban hành chuẩn đầu ra ngành, nghề cao đẳng Kế toán để người học biết được kiến thức học được có thể đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề Kế toán (**1.1.09- Quyết định số 423/QĐ-CĐCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc ban hành chuẩn đầu ra theo vị trí việc làm ngành nghề đào tạo trình độ cao đẳng Kế toán**).

Kết quả khảo sát các đối tượng có liên quan (cán bộ quản lý, nhà giáo, cựu HSSV, đơn vị sử dụng lao động) cho thấy, mục tiêu của chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán trình độ cao đẳng là phù hợp với mục tiêu của Nhà trường và của thị trường lao động; đồng thời được rà soát theo quy định, công bố công khai (**1.1.10- Bộ hồ sơ khảo sát các đối tượng năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng, trong đó qui định chức năng, nhiệm vụ của Khoa Kinh tế (**1.2.01- Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 75/QĐ-CĐCĐ ngày 07/5/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 168/QĐ-CĐCĐ ngày 23/5/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; 1.2.02- Quyết định số 262/QĐ-CĐCĐ ngày 31/7/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Khoa Kinh tế, Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng; Quyết định 657/QĐ-CĐCĐ ngày 13/11/2024 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Khoa Kinh tế**). Trên cơ sở đó, Khoa Kinh tế và các bộ môn phân công giảng viên đảm nhiệm cụ thể từng môn học để thực hiện chương trình đào tạo (**1.2.03- Quyết định của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc phân công giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024**).

Hầu hết các giảng viên trong khoa hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Hàng năm, Khoa thực hiện việc báo cáo tổng kết theo năm học nhằm đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ và tiến độ đào tạo. *(1.2.04- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của khoa năm học 2021-2022, 2022-2023; 2023-2024)*. Qua đó, làm cơ sở để nhà trường đánh giá lại những công tác đã làm được, những mặt còn hạn chế và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm cho năm học mới. *(1.2.05- Báo cáo tổng kết năm học 2021-2022, 2022-2023; 2023-2024)*.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao. Khoa Kinh tế luôn đoàn kết, phát huy sức mạnh tập thể hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Trong 3 năm học 2021-2022, 2022-2023; 2023-2024, Khoa đều đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến cấp cơ sở, được giấy khen của Hiệu trưởng và được các cơ quan cấp trên khen thưởng năm 2022 *(1.2.06- Quyết định công nhận kết quả đánh giá xếp loại viên chức và người lao động năm học 2021-2022, 2022-2023; 2023-2024; 1.2.07- Quyết định công nhận danh hiệu thi đua tập thể và cá nhân năm học 2021-2022, 2022-2023; 2023-2024; 1.2.08- Bằng khen, giấy khen cá nhân, tập thể của cấp trên khen thưởng Khoa Kinh tế năm học 2021-2022)*.

Theo kết quả đánh giá, phân loại viên chức hàng năm:

Năm	Số lượng viên chức của Khoa	Danh hiệu cá nhân					Ghi chú
		HTXS NV	HTTNV	HTNV	Không HTNV	Không xét	
2022	16	5	11	0	0	0	
2023	16	3	13	0	0	0	
2024	16	3	13	0	0	0	

(1.2.06- Kết quả đánh giá, phân loại viên chức của Trường năm 2022, 2023, 2024)

Theo Kết quả bình xét thi đua qua các năm học:

Năm học	Số lượng giảng viên Khoa Kinh tế	Danh hiệu tập thể	Danh hiệu cá nhân		
			CSTD cơ sở	LĐTT	Không đạt LĐTT
2021-2022	16	Xuất sắc	3	13	0
2022-2023	16	LĐTT	3	13	0
2023-2024	16	LĐTT	3	13	0

*(1.2.07- Kết quả bình xét thi đua của Trường năm học 2021-2022,
2022-2023, 2023-2024)*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp hàng năm tại đơn vị được sử dụng đúng mục đích, rõ ràng và được cơ quan chủ quản, cơ quan kiểm soát chi như Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh thẩm tra phê duyệt theo từng năm. Tuy nhiên nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp hàng năm còn thấp so với tình hình biến động tăng của giá cả thị trường và sự thay đổi của nhu cầu tiền lương nên kinh phí chưa đáp ứng được việc ổn định thu nhập của người lao động trong trường. Nguồn lực tài chính dùng cho hoạt động của Nhà trường là nguồn thu dịch vụ (học phí các lớp hệ chính quy, tỉ lệ học phí các lớp liên kết đào tạo, các khoản thu khác), nguồn thu dịch vụ khác như cho thuê nhà giữ xe, căn tin, cho thuê hội trường, phòng học, đào tạo và thi cấp chứng chỉ anh văn, tin học, các lớp ngắn hạn... nguồn thu này không ổn định và biến động theo từng năm và có chiều hướng thay đổi về quy mô, số lượng. *(1.3.01- Quyết định 19/QĐ-CĐCĐ ngày 20/01/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc phê duyệt dự toán thu, chi nguồn thu học phí và dịch vụ khác năm 2021 của Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định 3476/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán chi ngân sách tỉnh cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh sử dụng ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng năm 2022; Quyết định 32/QĐ-CĐCĐ ngày 21/01/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc phê duyệt dự toán thu, chi nguồn thu học phí, thu dịch vụ và thu khác năm 2022 của Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định 3334/QĐ-UBND ngày 09/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán chi ngân sách tỉnh cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh sử dụng ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng năm 2023; Quyết định 51/QĐ-CĐCĐ ngày 18/01/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc phê duyệt dự toán thu, chi nguồn thu học phí và dịch vụ khác năm 2023 của Trường CĐCĐ Sóc Trăng)*

Hàng năm, nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, Nhà trường căn cứ chương trình đào tạo để xác định kinh phí chi cho 01 SV học trình độ cao đẳng/năm học của trường dựa vào các dữ liệu đầu vào như sau:

- Dự trù vật tư đào tạo năm học, định mức tiêu hao vật tư đào tạo/người học (căn cứ vào đề nghị của các Khoa đối với từng ngành, nghề cụ thể).
- Chi phí nhân công (chi lương và các khoản theo lương, tiền vượt giờ, thanh toán các hợp đồng thỉnh giảng...).
- Các chi phí khác (chi phí khấu hao tài sản, thiết bị đào tạo...).

Trường luôn theo dõi và tổng hợp các nguồn thu phát sinh hàng tháng, hàng quý, hàng năm (**1.3.02- Báo cáo công khai tài chính hàng quý và biên bản công khai tình hình thu chi và thống nhất mức chi thu nhập đối với viên chức và người lao động hàng năm các năm 2021, 2022, 2023; 1.3.03- Đối chiếu nguồn thu với kho bạc hàng tháng**). Trên cơ sở căn cứ kết quả đào tạo, tài chính hàng năm nhà trường đều có tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí hoạt động. Ngoài việc đảm bảo đủ kinh phí phục vụ cho hoạt động đào tạo của nhà trường thì nhà trường cũng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế môn bài (**1.3.04- Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2021, 2022, 2023; 1.3.05- Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát nội bộ năm 2021, 2022, 2023, 2024**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 02 điểm

2.2.2. TIÊU CHÍ 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu:

Hàng năm, nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch;

Nhà trường có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định;

Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

*** Những điểm mạnh:**

Trường đã ban hành quy chế tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định phù hợp với điều kiện thực tế tuyển sinh của trường đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo; liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại doanh nghiệp.

Đội ngũ nhà giáo của trường đều thực hiện tốt phương pháp đào tạo kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm. Đảm bảo 100% sinh viên trước khi tốt nghiệp đều được đi thực tập tại các đơn vị chuyên môn.

Hàng năm, trường đều xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng

hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cập nhật với công nghệ mới.

Trường thực hiện đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

* *Những tồn tại:* Đối với ngành, nghề Kế toán, Nhà trường chưa tổ chức đào tạo liên thông.

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Trong thời gian tới, Khoa Kinh tế sẽ tham mưu nhà trường và tiến hành xây dựng chương trình cao đẳng liên thông nghề Kế toán.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	12/14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	0

Tiêu chuẩn 1: Hàng năm cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ngành, nghề Kế toán, trình độ Cao đẳng của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng được cấp phép đào tạo theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 38/2024/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 31 tháng 5 năm 2024 (**1.1.05-** Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 18/10/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365a/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 28/11/2018; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 97/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 11/8/2020; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97a/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 15/4/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97b/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 18/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 17/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 01/3/2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 109/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 27/12/2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 38/2024/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 31/5/2024).

Nhà trường căn cứ Thông tư 05/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 02/3/2017; thông tư 05/2021/TT-BLĐTĐBXH ngày 7/7/2021 để xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh đảm bảo đúng quy định. Nội dung của quy chế quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phạm vi tuyển sinh, ngành nghề tuyển sinh, chính sách ưu tiên trong tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh, hồ sơ đăng ký và phương thức nộp hồ sơ, tổ chức phúc tra, xác định thí sinh trúng tuyển, đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, kiểm tra kết quả xét tuyển và hồ sơ của thí sinh trúng tuyển, xử lý thông tin vi phạm quy chế... Cụ thể trường lựa chọn hình thức tuyển sinh là xét tuyển đối với tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán (mã 6340301); đối tượng tuyển sinh phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đồng thời điểm ngưỡng đầu vào trung bình cộng tối thiểu là 5.0 trở lên. Thời gian tuyển sinh theo các đợt tuyển sinh chung của Trường (**2.1.01- Quy chế tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023, 2024**).

* Trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định

Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành, nghề trên cơ sở căn cứ vào quy mô cho phép trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN, số lượng thiết bị, phòng học lý thuyết, thực hành của từng ngành, nghề, giáo viên thực tế và nhu cầu sử dụng lao động của địa phương cho phù hợp. Cụ thể trường tính toán giáo viên quy đổi của từng nghề hàng năm và số HSSV hiện có để tính số lượng tuyển sinh từng nghề không vượt quá tỷ lệ HSSV/Giáo viên theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 14 của Nghị định số 143/2016 Nghị định của Chính phủ ngày 14/10/2016 quy định đầu tư hoạt động GDNN (**1.1.05- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 18/10/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365a/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 28/11/2018; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 97/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 11/8/2020; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97a/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 15/4/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97b/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 18/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 17/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 01/3/2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 109/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 27/12/2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 38/2024/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 31/5/2024; 2.1.02- Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023, 2024**).

* Thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Hàng năm, trên cơ sở chỉ tiêu tuyển sinh đã được xác định cũng như căn cứ Quy chế tuyển sinh, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch tuyển sinh cụ thể, chi tiết và thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký tuyển sinh nhằm bảo đảm công tác tuyển sinh đúng quy định, đạt hiệu quả. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh đúng theo quy định tại quy chế tuyển sinh của Trường và theo đúng quy định tại thông tư số 05/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 02/3/2017; thông tư 05/2021/TT-BLĐTĐBXH ngày 7/7/2021 của Bộ

Lao động - Thương binh và Xã hội (**2.1.03-** Kế hoạch tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023, 2024; **2.1.04-** Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký HĐTS các năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Nhà trường đã triển khai tổ chức tư vấn tuyển sinh công khai, rộng rãi đến các đối tượng có nhu cầu học nghề; các trường THPT trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận. Hồ sơ đăng ký dự tuyển vào trường thông qua đăng ký trực tuyến trên website nhà trường hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tuyển sinh của nhà trường

Hồ sơ đăng ký dự tuyển bao gồm:

- Phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp theo mẫu quy định;
- Bản sao có chứng thực các loại giấy tờ cần thiết khác theo yêu cầu và tiêu chí xét tuyển của Nhà trường.

(**2.1.05-** Kế hoạch tư vấn tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023, 2024; **1.1.07-** Thông báo tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023, 2024; **2.1.06-** Hồ sơ đăng ký dự tuyển của HSSV các năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Hàng năm, Nhà trường tuyển sinh theo đúng quy định, dựa vào chỉ tiêu tuyển sinh trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (**1.1.02 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN của trường từ 2017 đến nay**). Trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh. Sau mỗi đợt tuyển sinh, Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh tổng hợp hồ sơ dự tuyển theo từng nghề, từng cấp trình độ. Hội đồng tuyển sinh tiến hành họp xét tuyển theo quy định của quy chế tuyển sinh đã được ban hành; Hội đồng đánh giá và thống nhất duyệt danh sách trúng tuyển. Căn cứ đề xuất của Hội đồng tuyển sinh, Hiệu trưởng ký Quyết định công nhận danh sách trúng tuyển và thông báo nhập học đến người học (**2.1.07-** Danh sách thí sinh dự tuyển theo từng ngành, nghề các năm 2021, 2022, 2023, 2024; **2.1.08-** Bảng đề xuất phương án trúng tuyển các năm 2021, 2022, 2023, 2024; **2.1.09-** Biên bản họp HĐTS các năm 2021, 2022, 2023, 2024; **2.1.10-** Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển các năm 2021, 2022, 2023, 2024; **2.1.11-** Giấy báo trúng tuyển các năm 2021, 2022, 2023, 2024; **2.1.12-** Thông báo đăng ký và nộp hồ sơ nhập học các năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Sau khi HSSV thực hiện đầy đủ các thủ tục nhập học, Phòng Công tác HSSV tham mưu quyết định tiếp nhận, phân lớp trình Hiệu trưởng phê duyệt (**2.1.13-** Quyết định tiếp nhận và phân lớp các năm 2021, 2022, 2023, 2024; **2.1.14-** Hồ sơ nhập học của HSSV các năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Kết quả tuyển sinh qua các năm như sau:

TT	Ngành, nghề	Quy mô	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
I	Cao đẳng					

1	Kế toán	50	50	41	55	49
---	---------	----	----	----	----	----

Định kỳ, Nhà trường gửi báo cáo kết quả tuyển sinh về cơ quan chủ quản và Sở LĐTĐBXH tỉnh Sóc Trăng theo quy định (*2.1.15- Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023, 2024*).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo của trường, trong đó có công tác tuyển sinh. Nhà trường thành lập Đoàn kiểm tra, bao gồm các thành viên có chuyên môn, năng lực... Kết quả kiểm tra công tác tuyển sinh cho thấy: Công tác tuyển sinh của Nhà trường được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo công bằng, công khai và rõ ràng. Trong 3 năm qua, không có đơn thư khiếu nại, phản ánh nào về công tác tuyển sinh của nhà trường (*2.1.16- Báo cáo công tác tuyển sinh năm học 2021- 2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.1.17- Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017; Thông tư 04/2022/TT - BLĐTĐBXH ngày 30/3/2022 quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, Thông tư 23/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 16/12/2018 quy định về hồ sơ sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Trường ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo Quyết định số 425/QĐ-CĐCĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng. Quy định mẫu hồ sơ sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo Quyết định quy định hệ thống biểu mẫu hồ sơ, sổ sách phục vụ đào tạo (*2.2.01- Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 156/QĐ-CĐCĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 288/QĐ-CĐCĐ ngày 01/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quy định tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 425/QĐ-CĐCĐ ngày 06/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; 2.2.02- Quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo Quyết định số 258/QĐ-CĐCĐ ngày 15/10/2019 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; 2.2.03- Quyết định miễn học, miễn thi, quy đổi và chuyển điểm môn học/mô đun của Trường CĐCĐ năm 2021, 2022, 2023, 2024*).

Ngành, nghề Kế toán trình độ Cao đẳng, nhà trường tổ chức đào tạo có chương trình đào tạo được phê duyệt và được cấp phép đào tạo theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN *(1.1.05- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365/2017/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 18/10/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365a/2017/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 28/11/2018; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 97/2020/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 11/8/2020; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97a/2020/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 15/4/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97b/2020/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 18/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 17/2022/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 01/3/2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 109/2022/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 27/12/2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 38/2024/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 31/5/2024).*

Hàng năm, khi bắt đầu một khoá học, căn cứ vào các CTĐT đã được phê duyệt, phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo dự kiến cho 100% các lớp mới vào trường theo quyết định về việc nhập học cho HSSV. Kế hoạch đào tạo thể hiện toàn bộ thời gian, hoạt động của CTĐT; xác định thời điểm bắt đầu và kết thúc của mỗi học kỳ, năm học, khóa học; thời gian, thời lượng đào tạo các MH/MĐ phù hợp với CTĐT; thời gian đào tạo lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch và tổ chức các hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; thời gian thi hết MH/MĐ, xét và công nhận tốt nghiệp; thời gian nghỉ hè, lễ tết, khai giảng, bế giảng; thời gian học tập ngoại khóa và một số nội dung khác tùy theo từng ngành, nghề của Trường theo phương thức đào tạo tích lũy tín chỉ.

Từ năm 2021 đến nay, trường đã xây dựng và phê duyệt kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo cho 100% các lớp ngành, nghề Kế toán trình độ Cao đẳng.

Năm học 2021 - 2022: Trường thực hiện đào tạo với 50 SV cho 01 lớp. Trường đã xây dựng và phê duyệt kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo cho 01 lớp đạt tỉ lệ 100%;

Năm học 2022 - 2023: Trường thực hiện đào tạo với 50 SV cho 01 lớp. Trường đã xây dựng và phê duyệt kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo cho 01 lớp đạt tỉ lệ 82%;

Năm học 2023 - 2024: Trường thực hiện đào tạo với 50 SV cho 01 lớp. Trường đã xây dựng và phê duyệt kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo cho 01 lớp đạt tỉ lệ 100%.

Hàng năm, trước mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện của bản thân, người học đăng ký học các MĐ/MH dự định sẽ học trong học kỳ đó với Nhà trường. Phòng Đào tạo căn cứ kế hoạch đào tạo và số liệu học các MĐ/MH dự định sẽ học của HSSV để xây dựng tiến độ đào tạo cho từng lớp theo từng học kỳ, năm học. Tiến độ đào tạo thể hiện nội dung hoạt động của từng lớp học theo từng tuần, từng tháng trong thời gian của một năm học, làm cơ sở cho việc xây dựng thời khóa biểu học tập *(2.1.13- Quyết định tiếp nhận và phân lớp các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.04- Kế hoạch đào tạo các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.05- Tiến độ đào tạo các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).*

Căn cứ tiến độ đào tạo đã được phê duyệt, các khoa phân công giáo viên giảng dạy các môn học/mô đun theo kế hoạch, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt. Phòng Đào tạo phối hợp cùng khoa để lập thời khóa biểu. Các giáo viên được phân công giảng dạy lập kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án và thực hiện công tác giảng dạy để triển khai thực hiện giảng dạy các nội dung được xác định trong lịch trình giảng dạy với đầy đủ các hồ sơ lên lớp, bao gồm: Sổ lên lớp, sổ tay giáo viên, giáo án, kế hoạch giảng dạy. Trong quá trình tổ chức giảng dạy, mọi sự thay đổi, điều chỉnh kế hoạch, tiến độ đào tạo đều được thông qua Phòng Đào tạo trình Ban Giám hiệu xem xét và phê duyệt (**2.2.06- Kế hoạch phân công giờ giảng giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.07- Thời khóa biểu năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.08- Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.09- Sổ lên lớp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.10- Sổ tay giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.11- Giáo án năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024**).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức kiểm tra các hoạt động nội bộ, trong đó có nội dung kiểm tra về CTĐT, kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu và hồ sơ giảng dạy của nhà giáo. Kết quả kiểm tra, giám sát nội bộ hàng năm cho thấy Trường đã thực hiện đảm bảo về kế hoạch và tiến độ đào tạo (**1.3.05- Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát nội bộ năm 2021, 2022, 2023, 2024**).

Nhà trường đã tiến hành khảo sát ý kiến của người học và đội ngũ nhà giáo về nội dung Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học. Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ đánh giá ở mức Khá-Tốt đạt trên 90% đội ngũ nhà giáo (**1.1.10- Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường tổ chức đào tạo ngành, nghề Kế toán trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ. Trong chương trình đào tạo của Trường, mỗi mô đun/môn học đều có hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập của các môn học mô đun (phần VI. Hướng dẫn thực hiện môn học/mô đun) trong đó đã hướng dẫn sử dụng các phương pháp dạy học kết hợp trang bị kiến thức chuyên môn với thực hành tay nghề và các phương pháp dạy học như: phân tích, thảo luận, viết báo cáo, thực hiện mẫu, đóng vai....

Trường đã thực hiện phân công giáo viên giảng dạy các môn học, mô đun của theo đúng kế hoạch và tiến độ đào tạo (2.2.04- Kế hoạch đào tạo các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.05- Tiến độ đào tạo các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.08- Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Tùy theo từng môn học, mô đun các giáo viên của trường đã sử dụng các phương pháp giảng dạy khác nhau như dạy lý thuyết và dạy tích hợp để kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn, giải thích, dạy thực hành, mô phỏng, chia nhóm thực hành, thảo luận nhóm, làm bài tập thực hành, đóng vai...tùy theo từng bài học. Các bài giảng được giáo viên thực hiện giảng dạy trong các phòng học chuyên môn, phòng học thực hành phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, có chia nhóm thực hành trên các trang thiết bị... (2.2.09- Sổ lên lớp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.10- Sổ tay giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.11- Giáo án năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Hàng năm, Phòng Thanh tra đảm bảo chất lượng có tham gia dự giờ đánh giá chất lượng giờ giảng của giáo viên theo mục tiêu, nội dung CTĐT theo kế hoạch dự giờ của Khoa. Qua phiếu đánh giá bài giảng và Biên bản dự giờ chuyên môn cho thấy: Các giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp với các môn học, mô đun có sự kết hợp giữa trang bị kiến thức với kỹ năng thực hành, sử dụng các phương pháp phát huy tích tích cực của HSSV, khả năng làm việc độc lập của HSSV, tổ chức làm việc theo nhóm; khối lượng kiến thức, kỹ năng phù hợp với mục tiêu đào tạo và đối tượng người học (2.3.01- Kế hoạch dự giờ của Khoa năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.3.02 - Biên bản dự giờ của Khoa năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 1.3.05- Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát nội bộ năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Trường luôn đẩy mạnh công tác thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học; cụ thể như: thực hiện bài giảng điện tử; sử dụng hiệu quả các phần mềm mô phỏng trong dạy học tích cực; quản lý hồ sơ giảng viên, điểm học tập, điểm rèn luyện của sinh viên trên phần mềm “Quản lý đào tạo”. Hệ thống quản lý việc dạy và học, quản lý điểm, khung CTĐT, lịch giảng dạy của giảng viên cũng được quản lý trên phần mềm “Quản lý đào tạo” và lưu trữ trên máy tính. Nhà Trường đã triển khai cấp quyền cho HSSV xem điểm trực tiếp trên phần mềm Hệ thống quản lý đào tạo, qua đó giúp sinh viên dễ dàng theo dõi việc học tập của bản thân (2.3.03- Bài giảng điện tử của giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.3.04- Phần mềm quản lý đào tạo tại địa chỉ: <http://qltd.stcc.edu.vn/login>; 2.3.05- Bảng thống kê các mô đun, môn học có sử dụng phần mềm).

TT	Số MH, MĐ ứng dụng CNTT/Tổng số MHMĐ	Tên một số phần mềm, thiết bị mô phỏng ứng dụng
----	--------------------------------------	---

	Tên ngành, nghề	NH 2021-2022	NH 2022 - 2023	NH 2023 - 2024	
1	Kế toán	33/35 (94,3%)	33/35 (94,3%)	33/35 (94,3%)	Microsoft Viso 2010; Capcut; FastStone capture; Test pro; ED Quiz; Mcmix 64 bit; Proshow produce 9; Zoom meeting; Adobe photoshop CS6; Coreldraw 2020; Visual Anatomy Free; Phần mềm HTKK; phần mềm MISA SME, NET

Nhà giáo của trường đang sử dụng phổ biến các phần mềm để sử dụng trong soạn giáo án và thực hiện giảng dạy, soạn bài giảng điện tử như: các phần mềm Microsoft PowerPoint, phần mềm Proshow produce hay phần mềm Capcut trên cả máy tính và điện thoại để tạo video từ ảnh chụp hay là quay video thực tế từ đó tạo ra các video clip phục vụ học tập, ngoài ra nhà giáo còn dùng các phần mềm chuyên nghiệp để chỉnh sửa ảnh phục vụ làm bài giảng như Adobe Photoshop, Adobe Audio 1.5, phần mềm phần mềm Faststone capture để soạn thảo bài giảng trực tuyến và quay video màn hình cho các bài giảng trực tiếp. Chỉnh sửa âm thanh của video giảng dạy dựa trên phần mềm để căn chỉnh các âm thanh hướng dẫn cho video bài giảng cũng như các video hướng dẫn kỹ thuật. Một số các phần mềm, ứng dụng để giảng dạy trực tuyến như Zoom Cloud meeting, Google class, Google Form, Palet wall được khai thác để giảng dạy và hướng dẫn tự học như là một phần của bài giảng trên lớp.

Các phần mềm học mô phỏng kế toán được sử dụng trên cả máy tính như là phần mềm mô phỏng MISA SME, NET, HTKK, ...

Trường cũng sử dụng phần mềm giảng dạy trực tuyến Zoom Meeting và MS Team để giảng dạy online, sử dụng các phần mềm mô phỏng các quá trình kỹ thuật chuyên môn qua đó thực hiện chuẩn hóa bài giảng, là tài liệu phục vụ cho giảng dạy các quá trình chuyên môn nghề nghiệp...

Từ bảng thống kê trên cho thấy Trường đảm bảo trên 50% số môn học, mô đun chuyên ngành có sử dụng phần mềm mô phỏng trong quá trình đào tạo hoặc bài giảng điện tử có sử dụng video trong giảng dạy. Đối chiếu theo quy định, Nhà trường phải có ít nhất 50% số mô đun/môn học chuyên môn ngành, nghề có sử dụng thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo hoặc phần mềm mô phỏng; hoặc sử dụng các phần mềm hỗ trợ soạn bài giảng điện tử. Trường tự đánh giá đạt yêu cầu.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các môn học, mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo đều bố trí phân thực hành đồng thời có bố trí mô đun, môn học thực tập chuyên môn tại doanh nghiệp. Đối với ngành, nghề Kế toán, tất cả các môn học, mô đun chuyên môn ngoài việc thực tập tại trường còn được bố trí thực hành thực tế của môn học/mô đun tại các công ty, doanh nghiệp, xí nghiệp,... Sau khi xác định được thời gian thực tập tại các đơn vị thực tập, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và gửi giấy giới thiệu cử SV đi thực hành, thực tập tại đơn vị có danh sách kèm theo. Tại đơn vị sử dụng lao động, giáo viên giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập cho HSSV theo đề cương thực hành, thực tập. Kết thúc quá trình thực hành, thực tập đều có sự đánh giá của doanh nghiệp theo đúng quy định (2.4.01- Quy trình tổ chức thực tập nghề nghiệp cho HSSV (hệ GDNN) ban hành theo Quyết định số 171/QĐ-CĐCĐ ngày 15/4/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; 2.4.02- Hợp đồng/biên bản thỏa thuận với đơn vị sử dụng lao động về việc cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 2.4.03- Các hợp đồng nguyên tắc hợp tác đào tạo với đơn vị sử dụng lao động về việc cho người học thực hành, thực tập; 2.4.04- Bản công bố cơ sở thực hành, thực tập đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành kinh tế của đơn vị; 2.4.05- Kế hoạch cho người học đi thực hành, thực tập năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.4.06- Giấy giới thiệu của Trường về việc cử người học đi thực hành, thực tập... tại đơn vị sử dụng lao động; 2.4.07- Quyết định cho người học đi thực hành, thực tập năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.4.08- Đề cương thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 2.4.09- Danh sách người học đã được thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 2.4.10- Danh sách người học tốt nghiệp; 2.4.11- Báo cáo kết quả thực hành, thực tập của giáo viên giảng dạy).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình tổ chức đào tạo, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ trên cơ sở cụ thể hóa các thông tư của Bộ LĐ-TB&XH ban hành bao gồm: Quy chế, quy định về đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ (2.2.01- Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 288/QĐ-CĐCĐ ngày 01/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quy định tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 425/QĐ-CĐCĐ ngày 06/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng); quy trình xét,

công nhận tốt nghiệp của Trường **(2.5.01- Quyết định số 246/QĐ-CĐCD ngày 20/3/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành quy trình xét, công nhận tốt nghiệp của Trường CĐCD Sóc Trăng)**; cấp văn bằng, chứng chỉ **(2.5.02- Quyết định số 137/QĐ-CĐCD ngày 29/3/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành quy trình in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp của Trường CĐCD Sóc Trăng; Quyết định số 245/QĐ-CĐCD ngày 20/3/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành quy trình cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học của Trường CĐCD Sóc Trăng)**.

Phòng TT-ĐBCL và Phòng Đào tạo đã tham mưu ban hành các quy định liên quan đến thi kết thúc môn học, mô-đun/học phần và quy định về tổ chức, quản lý học và thi lại, học và thi lại để cải thiện điểm **(2.5.03- Quyết định số 653/QĐ-CĐCD ngày 29/12/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy định tổ chức thi các kỳ thi kết thúc môn học, môđun/học phần; Quyết định số 587/QĐ-CĐCD ngày 22/11/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy định tổ chức thi các kỳ thi kết thúc môn học, môđun/học phần; Quyết định số 339/QĐ-CĐCD ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy định về tổ chức, quản lý học và thi lại, học và thi lại để cải thiện điểm)**.

Phòng CTHSSV đã tham mưu ban hành các văn bản quy định về đánh giá kết quả rèn luyện HSSV như: Quy chế công tác HSSV tại Trường CĐCD Sóc Trăng; Hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện HSSV cao đẳng, trung cấp chính quy tại Trường **(2.5.04- Quyết định số 463/QĐ-CĐCD ngày 03/11/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên; Quyết định số 204/QĐ-CĐCD ngày 22/02/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế công tác học sinh, sinh viên; Quyết định số 564/QĐ-CĐCD ngày 26/9/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế Công tác học sinh, sinh viên; 2.5.05- Quyết định số 450/QĐ-CĐCD ngày 21/09/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện HSSV cao đẳng, trung cấp chính quy tại Trường CĐCD Sóc Trăng)**.

Trường tổ chức thực hiện kiểm tra, thi học phần đảm bảo nghiêm túc, khách quan, minh bạch và đúng quy chế **(2.5.06- Hồ sơ thi kết thúc học kỳ I, II năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024)**. Kết thúc mỗi kỳ thi đều có báo cáo kết quả tổ chức thi cho lãnh đạo Trường **(2.5.07- Báo cáo kết quả tổ chức thi kết thúc học kỳ I, II năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024)**. Trong quá trình thực hiện công tác thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, Nhà trường đều có cử viên chức Phòng TT-ĐBCL tham gia thanh tra các kỳ thi, cuối mỗi đợt thi đều có báo cáo kết quả công tác trên và kết quả thực hiện đều được ghi nhận là thực hiện nghiêm túc, khách quan **(2.5.08- Quyết định cử viên chức thanh tra kỳ thi kết thúc học kỳ I, II năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Báo cáo kết quả thanh tra kỳ thi kết thúc học kỳ I, II năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024)**.

Công tác tổ chức xét tốt nghiệp của Trường được diễn ra công khai, nghiêm túc theo đúng quy định và thực hiện lưu trữ đầy đủ hồ sơ từ khâu xét tốt nghiệp đến trao bằng tốt nghiệp cho HSSV. Kết quả kiểm tra, giám sát nội bộ hàng năm cho thấy công tác xét tốt nghiệp của Nhà trường được tiến hành nghiêm túc, công khai, đúng quy trình, quy định (2.5.09- Bộ hồ sơ xét tốt nghiệp lớp Kế toán - Khóa 13 năm 2022, Khóa 14 năm 2023; Khóa 15 năm 2024: Quyết định về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp, Biên bản xét tốt nghiệp, Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp, Kế hoạch tổ chức lễ bế giảng và trao bằng tốt nghiệp).

Việc tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV cũng được chú trọng triển khai một cách công bằng, công khai, nghiêm túc và đúng theo các quy định, hướng dẫn của Trường. Cụ thể: Hàng năm, Phòng CT-HSSV thông báo đến các khoa về việc đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV; khoa tổ chức cho các lớp họp xét kết quả rèn luyện sau đó trình Hội đồng cấp Khoa và Hội đồng cấp Trường họp xét phê duyệt kết quả và công khai đến HSSV (2.5.10- Thông báo về việc đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Biên bản họp xét đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Quyết định về việc công nhận kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Trường cấp phát văn bằng, chứng chỉ đảm bảo đúng quy định, nghiêm túc, khách quan. Căn cứ vào Quyết định công nhận tốt nghiệp, bộ phận in sao văn bằng, chứng chỉ dựa vào danh sách công nhận tốt nghiệp để in văn bằng, chứng chỉ. Trường tổ chức việc cấp văn bằng, chứng chỉ theo đúng thời gian quy định. Nhà trường cũng thực hiện việc kiểm tra các quy định về quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ (2.5.11- Quyết định công nhận và danh sách HSSV tốt nghiệp; Sổ theo dõi cấp phát, văn bằng chứng chỉ; 1.3.05- Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát nội bộ năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường luôn thực hiện đúng quy chế đào tạo của Tổng cục GDNN thuộc Bộ LĐTB &XH về công tác thanh kiểm tra hoạt động dạy và học nhà trường. Hàng năm, Phòng TT-ĐBCL lập kế hoạch kiểm tra, giám sát nội bộ trình lãnh đạo trường phê duyệt (2.6.01- Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Công tác tổ chức kiểm tra giám sát hoạt động dạy và học được Nhà trường thực hiện đúng theo kế hoạch, khách quan, chính xác, đảm bảo đúng quy trình. Kết quả kiểm tra, giám sát được Phòng TT-ĐBCL báo cáo bằng văn bản gửi lãnh đạo Nhà trường (2.6.02- Biên bản kiểm tra giám sát hoạt động dạy và học năm học 2021-2022, 2022-

2023, 2023-2024; **1.3.05-** Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024). Bên cạnh đó việc điều chỉnh các hoạt động dạy và học còn được thể hiện qua các phiếu điều chỉnh thời khóa biểu của giáo viên hoặc các ý kiến đóng góp sau dự giờ giảng của giáo viên hàng năm (**2.6.03-** Phiếu điều chỉnh thời khóa biểu của giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; **2.6.04-** Bộ hồ sơ thao giảng, dự giờ: Kế hoạch thao giảng, dự giờ, danh sách thao giảng, dự giờ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Nhà trường đã tiến hành khảo sát ý kiến của người học, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý về nội dung Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học. Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ đánh giá ở mức Khá - Tốt đạt trên 90% ở đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ nhà giáo và ở cả người học (**1.1.10-** Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN (**1.1.05-** Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 18/10/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365a/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 28/11/2018; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 97/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 11/8/2020; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97a/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 15/4/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97b/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 18/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 38/2024/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 31/5/2024) và Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ LĐ-TB&XH quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong GDNN, Nhà trường đã ban hành quy định về đào tạo liên thông (**2.7.01-** Quy định đào tạo liên thông trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng ban hành kèm theo Quyết định số 756/QĐ-CĐCĐ ngày 30/12/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng). Tuy nhiên, đối với ngành, nghề Kế toán, Nhà trường chưa tổ chức đào tạo liên thông. Qua khảo sát và đánh giá nhu cầu học tập và sử dụng nguồn nhân lực phục vụ cho tỉnh nhà, trong thời gian tới, Khoa Kinh tế sẽ tham mưu và tiến hành xây dựng chương trình đào tạo liên thông ngành, nghề Kế toán.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 00 điểm

2.2.3. TIÊU CHÍ 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Đánh giá tổng quan tiêu chí 3:

Mở đầu:

Để thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, trong những năm qua nhà trường luôn quan tâm đúng mức đến việc xây dựng, đào tạo và phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ

quản lý; đáp ứng theo chuẩn quy định đối với trường cao đẳng. Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về tuyển dụng, đánh giá và chính sách đối với giảng viên, hàng năm nhà trường đều có kế hoạch tuyển dụng giảng viên, nhân viên thông qua hội đồng tuyển dụng viên chức, với các tiêu chí rõ ràng, minh bạch đảm bảo đúng quy định; Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, nghiệp vụ sư phạm; cử cán bộ quản lý đi học tập, bồi dưỡng các lớp quản lý nhà nước, các lớp tập huấn. Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý nhà trường có trình độ cao, năng lực tốt, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định, thực hiện tốt các nhiệm vụ giảng dạy.

** Những điểm mạnh:*

Nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ nhà giáo và cán bộ quản lý. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý của Khoa Kinh tế có tuổi đời bình quân trẻ, có năng lực tốt, đảm bảo tính kế thừa và phát triển của Khoa cũng như Nhà trường.

Khoa Kinh tế có đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý có đủ về số lượng và đáp ứng các yêu cầu về giáo dục nghề nghiệp. Cán bộ quản lý, nhà giáo của Khoa có trình độ, năng lực tốt hoàn thành các nhiệm vụ giảng dạy mà Nhà trường và Khoa giao. Nhà giáo dạy các môn chuyên môn nghề tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia hội giảng các cấp.

** Những tồn tại:* Căn cứ theo Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 và Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTBXH ngày 10/5/2024 Quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN của Bộ LĐ-TB&XH cho cả đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng tham gia dạy nghề Kế toán thì Khoa nhận thấy chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:* Trong năm 2024 - 2025, Nhà trường tiếp tục bồi dưỡng trình độ lý luận chính trị và trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cho đội ngũ giảng viên ngành, nghề Kế toán.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	14/16
Tiêu chuẩn 1	0
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay, Nhà trường có 17 nhà giáo cơ hữu thuộc Khoa Kinh tế và 01 nhà giáo thỉnh giảng giảng dạy các môn học chuyên môn nghề Kế toán trình độ cao đẳng. 100% nhà giáo đảm bảo đạt chuẩn trở lên về trình độ chuyên môn được đào tạo, nghiệp vụ sư phạm nghề, trình độ tin học, ngoại ngữ đúng quy định (2.2.06- Kế hoạch phân công giờ giảng giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 3.1.01- Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo của Trường và nhà giáo thỉnh giảng dạy ngành, nghề Kế toán năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Nhà trường chú trọng đến công tác hồ sơ quản lý nhà giáo. Hằng năm lãnh đạo Nhà trường chỉ đạo đơn vị chuyên môn rà soát, bổ sung những thay đổi trong hồ sơ nhà giáo và quản lý chặt chẽ (3.1.02- Hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động). Tuy nhiên, căn cứ theo Thông tư số 08/2017/TT-BLĐT BXH ngày 10/3/2017 và Thông tư số 05/2024/TT-BLĐT BXH ngày 10/5/2024 Quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN của Bộ LĐ-TB&XH cho cả đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng tham gia dạy nghề Kế toán thì Khoa nhận thấy chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ. Nhà trường có báo cáo về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo, trong đó có Khoa Kinh tế (3.1.03- Báo cáo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 3.1.04- Biên bản thanh kiểm tra có nội dung về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 00 điểm

Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ theo Điều lệ của trường Cao đẳng, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐCD Sóc Trăng (1.2.01- Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 75/QĐ-CĐCD ngày 07/5/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 168/QĐ-CĐCD

ngày 23/5/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng). Trong những năm qua, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của Trường CĐCD Sóc Trăng thực hiện nhiệm vụ đúng theo quyền hạn và các quy chế, quy định của Nhà trường (**3.2.01- Nội quy, quy định của Nhà trường; 3.2.02- Thông báo số 264/TB-CĐCD** ngày 19/5/2020 về việc phân công nhiệm vụ đối với viên chức, người lao động về các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường CĐCD Sóc Trăng; **Thông báo số 482/TB-CĐCD** ngày 13/6/2024 về việc điều chuyển và phân công nhiệm vụ đối với viên chức, người lao động tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường CĐCD Sóc Trăng). Đồng thời, Căn cứ Quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN ban hành theo Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ LĐ-TB&XH và Thông tư số 28/2022/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2022 của Bộ LĐ-TB&XH sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và chế độ làm việc của nhà giáo GDNN (**3.2.03- Quy định chế độ làm việc của Nhà giáo GDNN ban hành theo Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ LĐ-TB&XH; Thông tư 28/2022/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2022 của Bộ LĐ-TB&XH sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và chế độ làm việc của nhà giáo GDNN**), Nhà trường đã ban hành quy định về chế độ làm việc của giảng viên làm căn cứ để phân công và tính tổng số giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của giảng viên ở các khoa (**3.2.04- Quyết định số 438/QĐ-CĐCD-ĐT** ngày 06/9/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCD Sóc Trăng; **Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành theo Quyết định số 115/QĐ-CĐCD** ngày 30/3/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng; **Quyết định số 358/QĐ-CĐCD** ngày 12/8/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCD Sóc Trăng; **Quyết định số 573/QĐ-CĐCD** ngày 20/7/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCD Sóc Trăng; **Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành theo Quyết định số 49/QĐ-CĐCD** ngày 20/02/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng; **Quyết định số 296/QĐ-CĐCD** ngày 08/7/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCD Sóc Trăng).

Hàng năm, Trường đơn vị chịu trách nhiệm trước Ban Giám hiệu về hiệu quả hoạt động của đơn vị, đảm bảo đúng theo quy chế, quy định và kế hoạch hoạt động chung của Nhà trường (**3.2.05- Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của đơn vị năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 3.2.06- Bảng phân công nhiệm vụ Khoa Kinh tế năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024**). Đội ngũ nhà giáo, viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và các nhiệm vụ cụ thể do trưởng khoa phân công, được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của khoa (**1.2.02- Quyết định số 262/QĐ-CĐCD** ngày 31/7/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về

việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Khoa Kinh tế Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng; Quyết định 657/QĐ-CĐCĐ ngày 13/11/2024 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Khoa Kinh tế).

Căn cứ quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động Trường CĐCĐ Sóc Trăng (3.2.07- Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các tổ chức, đơn vị và viên chức, người lao động thuộc Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành theo Quyết định số 597/QĐ-CĐCĐ ngày 26/11/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Hướng dẫn số 874/HD-CĐCĐ ngày 3/11/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng hướng dẫn một số nội dung trong thực hiện công tác đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tổ chức, đơn vị và viên chức, người lao động), Nhà trường tổ chức công tác đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động. Kết quả cho thấy, năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của Trường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của Trường. Đối với nhà giáo thỉnh giảng, có 100% nhà giáo hoàn thành nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký và đã được thanh lý hợp đồng (3.1.01- Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo của Trường và nhà giáo thỉnh giảng dạy ngành, nghề Kế toán năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 3.1.02 - Hồ sơ quản lý nhà giáo năm 2021, 2022, 2023, 2024; 3.2.08- Phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm 2021, 2022, 2023, 2024; 3.2.09- Thông báo về kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức, đơn vị và viên chức, người lao động thuộc Trường CĐCĐ Sóc Trăng năm 2021, 2022, 2023, 2024; 3.2.10- Hồ sơ thỉnh giảng (Đề xuất, hợp đồng, thanh lý hợp đồng mời giảng) năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 3.2.11- Báo cáo tổng kết của Khoa Kinh tế năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 3.2.12- Báo cáo tổng kết của Trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện quy định về tỉ lệ quy đổi giảng viên của Bộ LĐ-TB&XH theo Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng. Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định. Ngoài ra, Nhà trường còn thỉnh giảng thêm ở một số bộ môn nhằm đảm bảo yêu cầu giảng dạy. Tất cả các môn học thuộc chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán có đủ nhà giáo đứng lớp đáp ứng theo yêu cầu giảng dạy của ngành (3.1.01- Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo

của Trường và nhà giáo thỉnh giảng dạy nghề Kế toán năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Căn cứ Quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN ban hành theo Thông tư số 07/2017/TT-BLĐT BXH ngày 10/3/2017 của Bộ LĐ-TB&XH và Thông tư số 28/2022/TT-BLĐT BXH ngày 28/12/2022 của Bộ LĐ-TB&XH sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và chế độ làm việc của nhà giáo GDNN (**3.3.01- Quy định chế độ làm việc của Nhà giáo GDNN ban hành theo Thông tư số 07/2017/TT-BLĐT BXH ngày 10/3/2017 của Bộ LĐ-TB&XH; Thông tư 28/2022/TT-BLĐT BXH ngày 28/12/2022 của Bộ LĐ-TB&XH sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và chế độ làm việc của nhà giáo GDNN**), Nhà trường đã ban hành quy định về chế độ làm việc của giảng viên làm căn cứ để phân công và tính tổng số giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của giảng ở các khoa (**3.2.04 - Quyết định số 438/QĐ-CĐCĐ-ĐT ngày 06/9/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành theo Quyết định số 115/QĐ-CĐCĐ ngày 30/3/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định số 358/QĐ-CĐCĐ ngày 12/8/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định số 573/QĐ-CĐCĐ ngày 20/7/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành theo Quyết định số 49/QĐ-CĐCĐ ngày 20/02/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định số 296/QĐ-CĐCĐ ngày 08/7/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng**). Để triển khai thực hiện việc đào tạo theo mục tiêu, nội dung CTĐT, hằng năm Nhà trường đều có xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng khóa học theo từng học kỳ, năm học và ra quyết định phân công giảng viên giảng dạy. Quyết định phân công thể hiện chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy theo quy chế đào tạo, đảm bảo lớp học lý thuyết không quá 35 HSSV; lớp học thực hành không quá 18 HSSV, đối với nhóm ngành nặng nhọc độc hại không quá 10 HSSV. Khoa Kinh tế căn cứ Tiến độ đào tạo và Thời khóa biểu, đã tổ chức giảng dạy đảm bảo đúng quy định (**3.3.02- Kế hoạch đào tạo ngành/nghề Kế toán năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.04- Kế hoạch đào tạo các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 3.3.03- Quyết định phân công giảng viên giảng dạy các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 3.3.04- Danh sách các lớp, khóa học năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024**). Cuối các năm học, các Khoa tiến hành thống kê giờ giảng của nhà giáo làm căn cứ để thanh toán lương và thanh vượt giờ chuẩn cho giảng viên (**3.3.05- Bảng thống kê giờ giảng của**

nhà giáo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền giờ vượt chuẩn năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024). Trong 3 năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, tỷ lệ SV/GV đều đảm bảo theo quy định, dưới 15 sinh viên/1 giáo viên (**3.3.06- Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024**). Ngoài hoạt động giảng dạy, giảng viên còn tham gia một số hoạt động khác như tham dự lớp bồi dưỡng, tập huấn lý luận chính trị hệ (**3.3.07- Công văn cử Giảng viên và viên chức tham dự lớp bồi dưỡng, tập huấn lý luận chính trị hệ năm 2021, 2022, 2023, 2024 và kèm danh sách tham dự**). Nhà trường luôn chỉ đạo kịp thời đối với công tác kiểm tra nội bộ đặc biệt là thực hiện pháp luật của nhà nước và nội quy, quy chế của Trường nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của viên chức, giảng viên và người lao động (**3.3.08- Kế hoạch về nội dung kiểm tra và giám sát nội bộ năm 2021, 2022, 2023, 2024; 1.3.05- Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát nội bộ năm 2021, 2022, 2023, 2024**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, giảng viên trong Khoa đều tham gia các đề tài nghiên cứu Khoa học cấp trường, các đề tài đều được nghiệm thu và đạt cấp cơ sở (**3.4.01- Danh sách nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề Kế toán**).

Trong 3 năm qua, tập thể giảng viên dạy nghề Kế toán tham gia nghiên cứu khoa học cụ thể như sau:

Năm học 2021-2022: Hơn 50% giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy cho khoa có các đề tài NCKH và sáng kiến cải tiến kỹ thuật cấp Trường đã được nghiệm thu và triển khai ứng dụng dạy các môn chuyên môn ngành/nghề.

Năm học 2022-2023: Hơn 50% giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy cho khoa có các đề tài NCKH và sáng kiến cải tiến kỹ thuật cấp Trường đã được nghiệm thu và triển khai ứng dụng dạy các môn chuyên môn ngành/nghề.

Năm học 2023-2024: Hơn 50% giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy cho khoa có các đề tài NCKH và sáng kiến cải tiến kỹ thuật cấp Trường đã được nghiệm thu và triển khai ứng dụng dạy các môn chuyên môn ngành/nghề.

(3.4.02- Danh sách nhà giáo cơ hữu tham gia nghiên cứu khoa học năm học 2021-2022, 2022-202, 2023-2024; 3.4.03- Các quyết định công nhận kết quả nghiệm thu các nhiệm vụ NCKH cấp trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Bên cạnh đó, Hội giảng là hoạt động thường niên của Nhà trường, nhằm kiểm tra, đánh giá trình độ, năng lực của giảng viên. Thông qua Hội giảng, giảng viên có thể học tập, trao đổi kinh nghiệm, củng cố kiến thức, nội dung bài giảng để chủ động, tích cực đổi mới nội dung, kết hợp và sử dụng linh hoạt các phương pháp, phương tiện dạy học; vận dụng phương pháp dạy học tích cực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giảng viên và thúc đẩy phong trào dạy tốt, học tốt trong Nhà trường. Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch hội giảng cấp trường, Khoa Kinh tế đều cử giảng viên tham gia Hội giảng để làm cơ sở lựa chọn giảng viên có thành tích cao tiếp tục tham gia Hội giảng cấp trên (**3.4.04-** Kế hoạch hội giảng năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; **3.4.05-** Hồ sơ hội giảng các cấp; **3.4.06-** Các Quyết định công nhận giảng viên đạt giải trong hội giảng nhà giáo GDNN các cấp cơ sở năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; **3.4.07-** Giấy khen, bằng khen của nhà giáo dạy nghề Kế toán năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư 06/2017/TT-BLĐT BXH quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, đồng thời để đạt được trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đào tạo nghề được chọn đầu tư cấp độ quốc tế, cấp độ khu vực, Trường rất chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên nghề Kế toán. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch về việc đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2022, 2023, 2024 (**3.5.01-** Kế hoạch số 550/KH-CĐCĐ ngày 03/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc đào tạo, bồi dưỡng viên chức giai đoạn 2021-2025). Căn cứ vào tình hình thực tế, Khoa lập danh sách đề xuất các nhà giáo có nhu cầu học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt gửi về phòng Tổ chức - Hành chính và trình Hiệu trưởng phê duyệt danh sách học tập, bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên (**3.5.02-** Quyết định cử nhà giáo đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ năm 2021, 2022, 2023, 2024). Công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo đã được nhà trường triển khai theo kế hoạch đã dự kiến và các nhà giáo có danh sách đi học tập, bồi dưỡng hàng năm đều được tạo điều kiện tham gia (**3.5.03-** Bảng thống kê danh sách giảng viên đi tập huấn, hội thảo năm 2021, 2022, 2023, 2024; **3.5.04-** Văn bằng chứng chỉ chứng nhận sau khi hoàn thành khóa học năm 2021, 2022, 2023, 2024). Kết quả về việc thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng được thể hiện trong báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng hàng năm và báo cáo tổng kết năm học của Khoa Kinh tế (**3.5.05-** Công văn số 823/CĐCĐ ngày 07/12/2020 về việc báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng năm 2020 và kế hoạch năm 2021; Công văn số 1141/CĐCĐ-TCHCTH ngày 29/12/2021 về việc báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng năm 2021 và kế hoạch năm 2022; Công văn số

985/CĐCĐ-TCHCTH ngày 13/12/2022 về việc báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng năm 2022 và kế hoạch năm 2023; Công văn số 674/CĐCĐ ngày 08/9/2023 về việc báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng năm 2023 và kế hoạch năm 2024; Công văn số 951/CĐCĐ ngày 25/12/2023 về việc báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng năm 2023 và kế hoạch năm 2024; **3.2.11-** Báo cáo tổng kết của Khoa Kinh tế năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; **3.2.12-** Báo cáo tổng kết của Trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Ngoài ra, nhà trường còn thực hiện công tác tự đào tạo bồi dưỡng giảng viên hàng năm như: tổ chức hội giảng và tham gia hội giảng do địa phương, Bộ ngành và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổ chức; sinh hoạt nghiệp vụ, khuyến khích nhà giáo tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, tự làm thiết bị đào tạo. Những nội dung, kiến thức được cập nhật trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng được giảng viên vận dụng trong thực tế giảng dạy một cách linh hoạt và hiệu quả.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư 07/2017/TT - BLĐT BXH, Trường đã ban hành Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo (**3.2.04-** Quyết định số 438/QĐ-CĐCĐ-ĐT ngày 06/9/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành theo Quyết định số 115/QĐ-CĐCĐ ngày 30/3/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định số 358/QĐ-CĐCĐ ngày 12/8/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định số 573/QĐ-CĐCĐ ngày 20/7/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành theo Quyết định số 49/QĐ-CĐCĐ ngày 20/02/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định số 296/QĐ-CĐCĐ ngày 08/7/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng). Theo quy định này, hàng năm Nhà giáo phải thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn: 04 tuần đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp để cập nhật kiến thức mới về chuyên môn nghiệp vụ ở các công ty, doanh nghiệp, xí nghiệp trong tỉnh.

Nhà trường giao cho các khoa chủ động đề xuất cử giáo viên đi bồi dưỡng, thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động để bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, quy trình kỹ thuật cũng như các quy định hiện hành của Nhà nước mà công ty, doanh nghiệp, xí nghiệp thực hiện theo quy định (**3.4.01-** Danh sách nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn

ngành, nghề Kế toán; **3.6.01-** Kế hoạch nhà giáo thực tập nghề nghiệp tại cơ quan, doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024; **3.6.02-** Quyết định cử nhà giáo đi thực tập nghề nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024). Kết thúc đợt bồi dưỡng, thực tập, nhà giáo làm báo cáo kết quả đạt được. Thông qua bản báo cáo của giảng viên, nhận xét đánh giá của các doanh nghiệp nơi các giảng viên đi bồi dưỡng, thực tập, Nhà trường có kết quả đánh giá mức độ hoàn thành công việc của giảng viên, điều chỉnh hoạt động dạy và học ngày một tốt hơn (**3.6.03-** Tài liệu, hình ảnh về việc nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động hàng năm; Danh sách các công nghệ tiên tiến nhà giáo được cập nhật, có xác nhận của cơ quan, doanh nghiệp; **3.6.04-** Báo cáo về công tác bồi dưỡng, thực tập của nhà giáo năm 2021, 2022, 2023, 2024). Nhà giáo thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành, nghề. Kết quả khảo sát được đánh giá là thực hiện chuyên đề có ích cho cơ quan chuyên môn (**3.6.05-** Báo cáo kết quả thực tập nghề nghiệp của giảng viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tham gia tổ chức thực hiện chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán trình độ cao đẳng thuộc các phòng, khoa: Phòng Đào tạo, Phòng TC-HC, Phòng KH-TC, Phòng Công tác học sinh, sinh viên, Phòng NCKH-HTQT, Trung tâm Liên kết đào tạo - Khoa học và Công nghệ, Khoa Ngoại ngữ và Tiếng dân tộc thiểu số, Khoa Cơ bản. 100% cán bộ quản lý và nhân viên tham gia trực tiếp đến quá trình đào tạo ngành, nghề Kế toán trình độ Cao đẳng của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định và phù hợp với từng vị trí việc làm (**3.7.01-** Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo năm 2021, 2022, 2023, 2024; **3.7.02-** Hồ sơ cán bộ của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ cán bộ quản lý của Khoa có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đúng theo quy định, thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ được giao. Năm 2024, Khoa có 17 cán bộ quản lý và giảng viên, trong đó có 01 Tiến sĩ, 14 thạc sĩ, 02 đại học. (**3.8.01-** Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý của Khoa năm 2021, 2022, 2023, 2024), trong đó danh sách cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ

chức thực hiện chương trình đào tạo Kế toán là 25, trong đó cán bộ quản lý, nhân viên Khoa là 11 (**3.7.01- Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo Kế toán năm 2021, 2022, 2023, 2024**). Các cán bộ quản lý Khoa chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Nhà trường về hiệu quả hoạt động của đơn vị, đảm bảo đúng theo quy chế, quy định và kế hoạch hoạt động chung của Nhà trường. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm cho thấy đội ngũ cán bộ quản lý của Khoa thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ được giao (**3.8.02- Phiếu nhận xét, đánh giá cán bộ quản lý năm 2021, 2022, 2023, 2024; 3.2.11- Báo cáo tổng kết của Khoa Kinh tế năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 3.2.12- Báo cáo tổng kết của Trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 02 điểm

2.2.4. TIÊU CHÍ 4: *Chương trình, giáo trình*

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Mở đầu:

Hiện tại, Khoa Kinh tế có 05 mã ngành, nghề đào tạo, gồm: Kế toán, Quản trị kinh doanh, Quản trị văn phòng, Tin học ứng dụng và Thương mại điện tử, hệ cao đẳng theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN. CTĐT của Khoa được xây dựng theo đúng quy định Thông tư 03/2017/TT- BLĐT BXH ngày 01/03/2017 của Bộ LĐ-TB&XH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Trong từng chương trình đều có những quy định cụ thể về mục tiêu, chuẩn đầu ra, khối lượng và phân bổ thời gian đào tạo, các học phần bắt buộc, tự chọn, điều kiện tiên quyết của từng học phần và hướng dẫn thực hiện chương trình.

Trong năm học 2023-2024, Khoa định kỳ tổ chức đánh giá lại CTĐT đã ban hành để cập nhật, bổ sung những tiến bộ mới của khoa học công nghệ trong lĩnh vực ngành, nghề đào tạo để phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của thị trường lao động.

**** Những điểm mạnh***

Các CTĐT được xây dựng và ban hành đúng theo quy định của Bộ LĐ-TB&XH. Các CTĐT đều có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học sau khi tốt nghiệp đạt được, có tính liên thông hợp lý giữa các trình độ đào tạo. Nhà trường chú trọng việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

**** Những tồn tại: Không có***

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng***

Trong thời gian tới, Khoa Kinh tế tiếp tục thực hiện việc rà soát, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình theo hướng cập nhật những thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ vào các giáo trình đang giảng dạy; tiến tới tiếp cận với các giáo trình nước ngoài tiên tiến,

hiện đại.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	24/24
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2

Tiêu chuẩn 1: *Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng được cấp giấy phép đào tạo ngành, nghề Kế toán theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN (1.1.05- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 18/10/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365a/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 28/11/2018; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 97/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 11/8/2020; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97a/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 15/4/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97b/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 18/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 17/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 01/3/2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 109/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 27/12/2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 38/2024/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 31/5/2024).

Từ năm 2020 đến nay, Trường có các đợt xây dựng, lựa chọn, điều chỉnh chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán trình độ Cao đẳng, cụ thể như sau:

Năm 2020, CTĐT ngành, nghề Kế toán trình độ Cao đẳng được xây dựng theo Thông tư 03/2017/TT- BLĐT BXH ngày 01/03/2017 của Bộ LĐ-TB&XH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và theo Thông tư

25/2020/TT-BLĐTBXH Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng của 90 ngành, nghề, trong đó có ngành, nghề Kế toán trình độ cao đẳng. Việc xây dựng các CTĐT tại Trường được thực hiện theo đúng quy định của Bộ LĐ-TB&XH; đảm bảo về yêu cầu, cấu trúc, thời gian khóa học theo quy định đối với các ngành/ngành đào tạo đã được cấp phép. Cụ thể: Căn cứ năng lực các Khoa chuyên môn, Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập các Tổ biên soạn CTĐT. Các tổ biên soạn tiến hành việc phân công và tổ chức biên soạn, hiệu chỉnh từng CTĐT, tiến hành các cuộc họp thông qua chương trình cấp khoa. Sau khi được thẩm định ở cấp khoa, Nhà trường thành lập các hội đồng thẩm định CTĐT theo thành phần quy định. Các Hội đồng thẩm định CTĐT tiến hành họp đánh giá, thẩm định và nghiệm thu các CTĐT (**4.1.01- Kế hoạch về việc sửa đổi, cập nhật, bổ sung CTĐT của Trường; 4.1.02- Quyết định thành lập các Tổ biên soạn CTĐT trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp; 4.1.03- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT ngành, nghề Kế toán của Trường; 4.1.04- Các biên bản liên quan đến xây dựng, thẩm định và điều chỉnh CTĐT ngành, nghề Kế toán; 1.1.01- Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán; 1.1.02- Quyết định số 423/QĐ-CĐCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc ban hành chuẩn đầu ra ngành, nghề cao đẳng Kế toán).**

Năm 2024, Chương trình đào tạo Cao đẳng ngành, nghề Kế toán được rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và theo Thông tư số 54/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Kế toán trình độ cao đẳng. Cụ thể: Căn cứ năng lực các Khoa chuyên môn, Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Tổ biên soạn CTĐT. Tổ biên soạn tiến hành việc phân công và tổ chức biên soạn, hiệu chỉnh CTĐT, tiến hành các cuộc họp thông qua chương trình cấp Khoa. Sau khi được thẩm định ở cấp Khoa, Nhà trường thành lập hội đồng thẩm định CTĐT theo thành phần quy định. Hội đồng thẩm định CTĐT tiến hành họp đánh giá, thẩm định và nghiệm thu các CTĐT (**4.1.05- Kế hoạch số 79/KH-CĐCĐ ngày 12/02/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc sửa đổi, cập nhật, bổ sung CTĐT các ngành, nghề trình độ trung cấp, cao đẳng áp dụng đào tạo từ khóa tuyển sinh năm 2021; 4.1.06- Quyết định số 17/QĐ-CĐCĐ ngày 06/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc thành lập tổ cập nhật và đánh giá CTĐT ngành, nghề Kế toán, Quản trị kinh doanh, Quản trị văn phòng, Tin học ứng dụng; 4.1.07- Quyết định số 197/QĐ-CĐCĐ ngày 15/3/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc tổ chức thẩm định CTĐT được sửa đổi, cập nhật, bổ sung năm 2021; 4.1.08- Quyết định số 227/QĐ-CĐCĐ ngày 10/5/2021 về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT cao đẳng ngành, nghề Kế toán).** Quy trình xây dựng, lựa

chọn, điều chỉnh Chương trình đào tạo Cao đẳng ngành Kế toán được thực hiện đúng theo quy trình, quy định được ban hành (**4.1.09- Quyết định số 224/QĐ-CĐCD ngày 20/3/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc ban hành xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa bổ sung chương trình đào tạo**).

Hiệu trưởng căn cứ kết quả rà soát, điều chỉnh và bổ sung CTĐT ngành Kế toán của các hội đồng thẩm định, ra quyết định ban hành chương trình đào tạo (**1.1.01- Quyết định số 331/QĐ-CĐCD ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình tổ chức thẩm định CTĐT ngành, nghề Kế toán tại Trường có sự tham gia đóng góp ý kiến của các giảng viên từ các bộ môn, chủ nhiệm bộ môn, trưởng/phó khoa của trường, các chuyên gia từ các công ty, doanh nghiệp, xí nghiệp của đơn vị sử dụng lao động tham gia góp ý, điều này đã đem lại nhiều lợi ích cho người học sau khi tốt nghiệp. Chính vì vậy, Nhà trường luôn quan tâm đến sự tham gia của cán bộ quản lý GDNN, Các chuyên gia từ công ty, doanh nghiệp, xí nghiệp của đơn vị sử dụng lao động trong việc xây dựng CTĐT; nhằm làm cho CTĐT của ngành phù hợp với thực tiễn, giúp người học tiếp cận công việc sau khi ra trường một cách nhanh chóng. CTĐT đang thực hiện tại Trường đều nhận được sự góp ý của các chuyên gia là những người có nhiều năm hoạt động trong các công ty, doanh nghiệp, xí nghiệp đã gắn bó với Trường trong thời gian qua thể hiện thông qua các cuộc họp của Hội đồng thẩm định các CTĐT. Cụ thể: Sau khi thành lập các Tổ biên soạn chương trình đào tạo và tiến hành việc biên soạn, điều chỉnh, thẩm định CTĐT ở cấp khoa; Nhà trường thành lập các hội đồng thẩm định CTĐT theo thành phần quy định với sự tham gia của các nhà sử dụng lao động; các Hội đồng thẩm định CTĐT tiến hành họp đánh giá, thẩm định và nghiệm thu các CTĐT của Trường (**4.1.01- Kế hoạch về việc sửa đổi, cập nhật, bổ sung CTĐT của Trường; 4.1.02- Quyết định thành lập các Tổ biên soạn CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán; 4.1.03- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT ngành, nghề Kế toán của Trường; 4.1.04- Các biên bản liên quan đến xây dựng, thẩm định và điều chỉnh CTĐT ngành, nghề Kế toán; 4.2.01- Phiếu lấy ý kiến nhận xét đánh giá chương trình đào tạo của đơn vị sử dụng**).

Nhà trường đã tiến hành khảo sát ý kiến của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và đơn vị sử dụng lao động về quá trình xây dựng, thẩm định CTĐT. Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ đánh giá ở mức Khá - Tốt đạt trên 90% ở đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ nhà giáo; đạt 90% ở đơn vị sử dụng lao động (**1.1.10- Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

CTĐT của ngành, nghề Kế toán đều có mục tiêu đào tạo rõ ràng, tập trung vào thực hiện mục tiêu đào tạo của ngành, nghề. Mục tiêu CTĐT được cụ thể hóa trong mục tiêu từng môn học được Hội đồng KH&ĐT Trường thông qua. CTĐT ngành, nghề Kế toán đều có cấu trúc rõ ràng, hợp lý bao gồm mục tiêu cụ thể, khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm HSSV cần đạt được (**1.1.01- Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán; 1.1.02- Quyết định số 423/QĐ-CĐCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc ban hành chuẩn đầu ra ngành, nghề cao đẳng Kế toán; 4.3.01- Chương trình đào tạo chi tiết các mô-đun, môn học ngành Kế toán**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu GDNN.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện Điều 3 mục 2 Thông tư 03/2017/BLĐTBXH. CTĐT ngành Kế toán của Nhà trường khi xây dựng, chỉnh sửa đều thể hiện rõ thời lượng từng môn học theo qui định trong từng nhóm kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở của khối ngành, kiến thức cơ sở của ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức tự chọn (đặc thù), thực tập nghề nghiệp (hoặc các môn học chung, các môn học chuyên môn). Các môn học trong từng khối kiến thức được phân bố hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, theo từng đối tượng và từng học kỳ, năm học, đảm bảo các yêu cầu về kiến thức, trình độ, và các kỹ năng cần thiết của người học trước khi ra trường, đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của đào tạo trình độ cao đẳng nói chung và đặc thù của ngành Kinh tế, ngành Kế toán nói riêng (**1.1.01- Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán; 1.2.03- Quyết định của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc phân công giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 4.3.01- Chương trình đào tạo chi tiết các mô-đun, môn học ngành, nghề Kế toán**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong những năm qua, Khoa đã được nhà trường đầu tư mua sắm nhiều trang thiết bị để đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động dạy và học. Cụ thể: máy chiếu projector, màn chiếu, thiết bị âm thanh, dụng cụ - trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy học cả phần lý thuyết và thực hành. Ngoài ra, Nhà trường còn phủ sóng internet không dây (Wifi) toàn trường để giảng viên, HSSV dễ dàng tìm kiếm thông tin phục vụ hoạt động dạy và học. Trong giảng dạy, 100% giảng viên của trường đều sử dụng bài giảng điện tử. Các phòng học lý thuyết và thực hành luôn đảm bảo ánh sáng, không gian cho việc học tập của sinh viên; trường có đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ, mô hình,... cần thiết phục vụ học tập và nghiên cứu của sinh viên; môi trường, cảnh quan của trường tạo thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của sinh viên. Nhìn chung, Chương trình đào tạo thể hiện những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo (*1.1.01- Quyết định số 331/QĐ-CDCEĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CDCEĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán; 4.3.01- Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học ngành, nghề Kế toán*).

Qua kết quả khảo sát từ sinh viên khẳng định rằng: Phần lớn sinh viên rất hài lòng về điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, từ đó tạo môi trường thuận lợi để các em học tập và phát huy sức sáng tạo của bản thân trong quá trình học tập lý thuyết và thực hành tại nhà trường. Kết quả khảo sát cho thấy cơ sở vật chất phục vụ đào tạo của Trường được đánh giá tương đối tốt đạt tỷ lệ “đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” đạt 90.1% (*1.1.10- Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6: *Chương trình đào tạo thực hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong môn học, mô-đun của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán trình độ Cao đẳng năm 2020 có 35 MH/MĐ. Mỗi chương trình chi tiết môn học, mô-đun đều xác định yêu cầu năng lực đạt được về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, làm việc độc lập, theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện công việc thay đổi; có quy định cụ thể phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học được thể hiện ở Mục IV: Nội dung và phương pháp đánh giá (*1.1.01- Quyết định số 331/QĐ-CDCEĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CDCEĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán; 4.3.01- Chương trình đào tạo chi tiết các mô-đun, môn học ngành, nghề Kế toán*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7: *Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất dịch vụ.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Sóc Trăng và tình hình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, Trường đã đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, nhu cầu sử dụng lao động của các cơ quan, doanh nghiệp, nhu cầu phát triển kinh tế xã hội tỉnh nhà như trong Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 11/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Nghị quyết nêu rõ: “Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực tiễn, vận dụng tri thức, kỹ năng được đào tạo để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong quá trình lao động, sản xuất, đáp ứng đầy đủ các yếu tố về thể lực, trí lực, tâm lực, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động của tỉnh”. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, các kế hoạch phát triển ngắn hạn theo từng giai đoạn, từng năm của Nhà trường luôn gắn kết chặt chẽ với mục tiêu đã xác định ban đầu và phù hợp với việc đáp ứng nhu cầu nhân lực của địa phương (**1.1.04-** *Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 11/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030*). Nhà trường đã thực hiện việc đăng ký hoạt động GDNN và được Tổng cục GDNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN cho ngành, nghề Kế toán, trình độ Cao đẳng (**1.1.05-** *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 18/10/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365a/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 28/11/2018; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 97/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 11/8/2020; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97a/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 15/4/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97b/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 18/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 17/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 01/3/2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 109/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 27/12/2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 38/2024/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 31/5/2024*).

Trên cơ sở đó Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng đã thực hiện đào tạo ngành Kế toán với hình thức cao đẳng chính quy nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển ngành Kế toán của tỉnh Sóc Trăng nói riêng và cả nước nói chung (**1.1.01-** *Quyết định số 331/QĐ-CĐCD ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán; 4.3.01-* *Chương trình đào tạo chi tiết các mô-đun, môn học ngành, nghề Kế toán*).

Trong quá trình đào tạo, thông qua Nhà trường, Khoa cũng đã liên hệ với các công ty, doanh nghiệp, xí nghiệp, các cơ sở kinh doanh để gửi sinh viên đi thực tập tốt

nghiệp đúng chuyên ngành đào tạo, qua đó tạo điều kiện để các cơ sở trên có thể nhận sinh viên vào làm việc sau khi ra trường (*4.7.01- Kế hoạch số 01/KH-KKT ngày 11/01/2024 của Khoa Kinh tế Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc tổ chức thực tập tốt nghiệp cho sinh viên các lớp Cao đẳng Khóa 15*). Trong quá trình thực tập, các giảng viên ngoài việc kiểm tra quá trình thực tập của sinh viên, còn tiếp cận với những kỹ thuật hiện đại, cách thức quản lý để có những đề xuất điều chỉnh, cập nhật, thay đổi nội dung chương trình, bổ sung môn học, trang bị kỹ năng mềm cho sinh viên.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 8: *Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học trình độ trung cấp, cao đẳng có thể học lên trình độ cao hơn; các CTĐT của trường được xây dựng theo hướng liên thông giữa các trình độ GDNN với các trình độ khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định (*1.1.01- Quyết định số 331/QĐ-CĐCD ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán; 4.3.01- Chương trình đào tạo chi tiết các mô-đun, môn học ngành, nghề Kế toán*).

Trường đã hợp tác với các trường Đại học Trà Vinh, Đại học Cần Thơ để tổ chức đào tạo liên thông lên trình độ Đại học cho các lớp thuộc ngành Kế toán (*4.8.01- Văn bản chấp thuận hợp tác của các trường đại học với Trường CĐCD Sóc Trăng*). Quá trình hợp tác đào tạo được thực hiện theo Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học ban hành theo Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ CTĐT của Trường, CTĐT trình độ Đại học ngành Kế toán, loại hình đào tạo vừa làm vừa học được ban hành (*1.1.01- Quyết định số 331/QĐ-CĐCD ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán; 4.8.02- CTĐT liên thông đại học của các trường Đại học*).

CTĐT trình độ cao đẳng của Trường được các Trường Đại học Trà Vinh, Đại học Cần Thơ công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học CTĐT liên thông lên trình độ đại học (*4.8.03- Văn bản về việc công nhận giá trị chuyển đổi và các môn học được miễn trừ đối với các nghề được liên thông của Trường Đại học Trà Vinh, Đại học Cần Thơ*).

Hiện nay, Nhà trường đã phối hợp với trường Đại học Trà Vinh, Đại học Cần Thơ tổ chức tuyển sinh đào tạo liên thông lên đại học cho ngành Kế toán (*4.8.04- Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông lên trình độ đại học của Trường Đại học Trà Vinh, Đại học Cần Thơ*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 9: *Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Số lượng giáo trình của Nhà trường phục vụ dạy học ngành, nghề Kế toán, trình độ cao đẳng như sau:

- Theo chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán, trình độ cao đẳng ban hành năm 2021, có tổng số 35 mô-đun, môn học. Trong đó:

- + 01 mô-đun, môn học Thực tập tốt nghiệp không sử dụng giáo trình.
- + 31 MĐ/MH lựa chọn giáo trình.
- + 03 MĐ/MH do Nhà trường biên soạn.

Số lượng giáo trình, tài liệu dạy học được biên soạn và ban hành từ năm 2021 đến nay là 03 giáo trình, tài liệu dạy học và một số giáo trình đã đăng ký đang trong quá trình biên soạn.

Để đảm bảo có đủ giáo trình phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập, Nhà trường đã thực hiện biên soạn, lựa chọn giáo trình cho các môn học, mô-đun. Hiện tại, Nhà trường đã có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của CTĐT ngành, nghề Kế toán (**1.1.01- Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán; 4.3.01- Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học ngành, nghề Kế toán; 4.9.01- Các Quyết định ban hành sử dụng giáo trình đào tạo; 4.9.02- Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT**). Nhà trường có các bản in giáo trình của các mô-đun, môn học trong CTĐT (**4.9.03- Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT; 4.9.04- Danh sách giáo trình của các mô-đun, môn học đã được số hóa; 4.9.05- Danh mục tài liệu tham khảo của các môn-đun, môn học đã được số hóa**). Ngoài ra, Nhà trường còn có thêm sách, tài liệu tham khảo phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu của giảng viên và HSSV (**4.9.06- Danh mục sách, tài liệu tham khảo tại thư viện**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 10: *100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đảm bảo có đủ giáo trình phục vụ công tác giảng dạy, học tập của nhà giáo và HSSV, Nhà trường đã tổ chức biên soạn, xây dựng và lựa chọn giáo trình để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức. Nhà trường đã ban hành Quy trình tổ chức biên soạn, thẩm định GTĐT và Quy trình tổ chức lựa chọn, thẩm định GTĐT của Trường (**4.10.01- Quyết định số 499/QĐ-CĐCĐ ngày 10/10/2022 của Hiệu trưởng Trường**

CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Quy trình tổ chức biên soạn, thẩm định GTĐT của Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định số 500/QĐ-CĐCĐ ngày 10/10/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Quy trình tổ chức lựa chọn, thẩm định GTĐT của Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định số 659/QĐ-CĐCĐ ngày 13/11/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Quy trình tổ chức biên soạn, thẩm định GTĐT trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng).

Hiện tại, các giáo trình đào tạo của Nhà trường đã được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định. Các giáo trình của các môn học được xây dựng, lựa chọn phục vụ cho việc giảng dạy đều thông qua Hội đồng thẩm định xây dựng, lựa chọn giáo trình nội bộ và ra quyết định ban hành (**4.10.02-** *Bộ hồ sơ biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo*). Trường có đầy đủ bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo (**1.1.01-** *Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán; 4.3.01-* *Chương trình đào tạo chi tiết các mô-đun, môn học ngành, nghề Kế toán; 4.9.02-* *Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT ngành, nghề Kế toán; 4.9.03-* *Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT*). Việc xây dựng giáo trình cho các môn học trong CTĐT là rất cần thiết nhằm cập nhật kiến thức mới cho việc giảng dạy, phù hợp với xu thế thời đại. Vì vậy, trong những năm tiếp theo, Nhà trường sẽ tăng cường công tác cập nhật cho bộ giáo trình các mô-đun, môn học trong CTĐT.

Như vậy, 100% giáo trình đào tạo của Nhà trường đã được biên soạn, lựa chọn theo đúng quy định tại các Điều 14, 15, 16 - Thông tư 03/2017/TT - BLĐTBXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 11: *Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giáo trình của các MH/MĐ của CTĐT được xây dựng, lựa chọn đúng theo quy định và theo mẫu quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH. Giáo trình được xây dựng, biên soạn hoặc lựa chọn trên cơ sở tuân thủ mục tiêu và nội dung của các môn học, mô-đun trong CTĐT đã xây dựng. Việc lựa chọn, xây dựng các giáo trình đều chú trọng đến khả năng triển khai hoạt động giảng dạy theo các phương pháp dạy học tích cực; bảo đảm tính chính xác, tính hệ thống, tính sư phạm; bảo đảm sự cân đối, phù hợp giữa các nội dung chuyên môn và các hình vẽ, bản vẽ, sơ đồ minh họa. Nội dung kiến thức, kỹ năng đảm bảo

mục tiêu của từng chương, bài trong mỗi môn học, mô đun. Các giáo trình của Khoa được thẩm định, có sự tham gia của các giảng viên có trình độ chuyên môn cao tại trường, các chuyên gia có nhiều năm kinh nghiệm trong giáo dục và các doanh nghiệp, công ty (**1.1.01- Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán; 4.3.01- Chương trình đào tạo chi tiết các mô-đun, môn học ngành, nghề Kế toán; 4.9.02- Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các CTĐT ngành, nghề Kế toán; 4.10.02- Bộ hồ sơ biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo**). Nhà trường có các bản in giáo trình của các mô-đun, môn học trong CTĐT (**4.9.03- Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT**).

Trong thời gian tới, Nhà trường đẩy mạnh việc cập nhật giáo trình theo hướng tạo điều kiện để áp dụng các phương pháp dạy học tích cực; góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập.

Nhà trường đã tiến hành khảo sát ý kiến của đội ngũ nhà giáo và người học về nội dung giáo trình đào tạo của Trường tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ đánh giá ở mức Khá - Tốt đạt 100% ở đội ngũ nhà giáo và trên 90% ở người học (**1.1.10- Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình đào tạo, thông qua nhà trường, Khoa Kinh tế đã chủ trương mời một số chuyên gia từ các lĩnh vực chuyên môn đóng góp ý kiến cho giáo trình giảng dạy một số môn học, nhằm đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ từ đó giúp nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường (**1.1.01- Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán; 4.3.01- Chương trình đào tạo chi tiết các mô-đun, môn học ngành, nghề Kế toán; 4.9.02- Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các CTĐT; 4.10.02- Bộ hồ sơ biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo**). Nhà trường có các bản in giáo trình của các mô-đun, môn học trong CTĐT (**4.9.03- Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT**).

Những môn học/mô đun có áp dụng những thành tựu KHCN mới:

Tên môn học	PM cũ	Update PM
Tin học	Microsoft office 2010	Microsoft office 2016

Thực hành phần mềm kế toán	Phần mềm kế toán MISA SME. NET	Phần mềm kế toán MISA AMIS hiện hành
----------------------------	--------------------------------	--------------------------------------

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 02 điểm

2.2.5. TIÊU CHÍ 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Mở đầu:

Trường được xây dựng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, địa điểm xây dựng phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có hệ thống giao thông thuận tiện và an toàn, mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm. Trong quá trình xây dựng và phát triển, cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật và thiết bị dạy học của trường không ngừng được đầu tư cả về số lượng và chất lượng đáp ứng sự phát triển mạnh mẽ về qui mô đào tạo, cấp độ đào tạo và phương pháp dạy học mới. Đặc biệt thời gian gần đây, khoa học công nghệ thế giới phát triển rất nhanh, nhiều lĩnh vực mới, phương pháp mới ra đời. Có những lĩnh vực sản xuất thay đổi gần như toàn bộ về nguyên lý, qui trình, những vấn đề trên đặt ra yêu cầu bắt buộc và là điều kiện để giáo dục và đào tạo phát triển. Nhận thức sâu sắc điều này, Nhà trường luôn chú trọng và tận dụng mọi nguồn lực có thể để không ngừng đầu tư xây dựng mở rộng hơn nữa cơ sở hạ tầng, mua sắm tăng cường trang thiết bị mới.

Địa điểm trường nằm gần các trục đường lớn, rất thuận tiện cho giao thông đi lại. Khuôn viên nhà trường được quy hoạch hợp lý và có diện tích đất dự trữ lớn, đây là điều kiện thuận lợi để thực hiện kế hoạch xây dựng mở rộng trường. Nhà trường có đầy đủ các khu công trình chức năng như: Khu hành chính, khu giảng đường, khu thực hành, khu ký túc xá... và hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn thiện. Các công trình được qui hoạch, xây dựng khoa học phù hợp với hoạt động đào tạo.

Nhà trường có đầy đủ trang thiết bị thực hành các ngành nghề đào tạo theo qui định. Các thiết bị đào tạo chính đạt mức tương đương trình độ công nghệ của sản xuất, dịch vụ hiện tại ngoài xã hội. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh môi trường và có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo. Có định mức tiêu hao vật tư trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt. Tổ chức

hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

Thư viện Nhà trường đã được tin học hoá, được trang bị hệ thống máy tính có nối mạng LAN và mạng Internet và các thiết bị chuyên dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà giáo, cán bộ quản lý, HSSV truy cập thông tin và tra cứu tài liệu tại thư viện.

* *Những tồn tại:* Theo thông tư 16/2020/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2025 của Bộ LĐĐTĐBXH về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật - về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho 46 ngành, nghề trong đó có ngành Kế toán doanh nghiệp trình độ cao đẳng được quy định tại Phụ lục 5b. Tuy nhiên, hiện nay Nhà trường vẫn đang trong quá trình phối hợp tham mưu, đề xuất xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các ngành nghề, trong đó có ngành, nghề Kế toán; Bên cạnh đó, nhà trường cũng chưa có văn bản quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; chưa có hệ thống sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo hàng năm.

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:* Trong năm 2024 và những năm tiếp theo, Nhà trường tiếp tục đầu tư về thiết bị đào tạo nhằm đáp ứng quy mô phát triển của Nhà trường và ban hành những văn bản quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; hệ thống sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo hàng năm.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	14/16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	0
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: *Phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng có hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng học chuyên môn hóa đều được xây dựng theo các tiêu chuẩn qui định, bảo đảm quy chuẩn xây dựng. Hệ thống Phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành của trường có số lượng nhiều và đồng bộ theo quy chuẩn xây dựng.

Tại Khoa Kinh tế, địa điểm đào tạo ngành, nghề Kế toán có tổng diện tích đất: Nhà học Cơ bản gồm 4 tầng, diện tích xây dựng **1.096 m²**, diện tích sàn xây dựng **4.384 m²**; Nhà học Tổng hợp gồm 4 tầng, diện tích xây dựng **1.344 m²**, diện tích sàn xây dựng **5.547 m²** (**5.1.01- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng**). Văn phòng làm việc, các phòng học, thực hành, thực tập. Để thực hiện CTĐT, Khoa Kinh tế hiện có 11 phòng học lý thuyết, 15 phòng thực hành, tích hợp (**5.1.02- Bảng tổng hợp hạng mục công trình hiện hữu phục vụ đào tạo và hoạt động chung tại Khoa Kinh tế thuộc Trường**) đáp ứng đầy đủ yêu cầu về khu giảng dạy, học tập và NCKH (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, tích hợp và phòng học chuyên môn), văn phòng làm việc và các phụ trợ, khu phục vụ sinh hoạt.

Để đảm bảo quy định về diện tích phòng học, Nhà trường đã sắp xếp, bố trí số lượng HSSV đảm bảo đáp ứng về diện tích theo đúng quy định (**5.1.03- Bảng thống kê sĩ số HSSV các lớp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024**). Để đảm bảo hình thành kỹ năng cho HSSV, kế hoạch đào tạo đã được xây dựng hợp lý cho các khoa nên số lượng HSSV cao nhất cho 1 ca thực tập là 18 HSSV đối với phòng thực hành, thực tập và lớp học lý thuyết không quá 35 HSSV/phòng. Trong quá trình triển khai các dự án xây dựng cơ sở vật chất của Nhà trường, căn cứ vào mục tiêu phát triển, hiện trạng của Trường, đơn vị tư vấn thiết kế đã thiết kế các công trình dựa vào Quyết định số 21/2003/QĐ-BXD ngày 28/7/2003 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCVN 60: 2003 và các tiêu chuẩn chuyên ngành khác. Vì vậy, các công trình được thiết kế đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật đảm bảo các tiêu chuẩn Việt Nam về xây dựng, có quy chuẩn kết cấu, kiến trúc và nội thất đảm bảo các yêu cầu về an toàn, hệ thống chiếu sáng và thông gió. Các phòng thực hành được bố trí hợp lý, đảm bảo diện tích, thuận tiện cho việc đi lại, vận chuyển, lắp đặt và vận hành thiết bị.

Hiện tại, các hạng mục công trình gắn liền với đất của Nhà trường được quản lý, sử dụng đúng mục đích, công năng đảm bảo đúng quy định và đáp ứng đủ nhu cầu hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ. Nhà trường có ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản của Trường; phân công cụ thể trách nhiệm các phòng, khoa trong việc quản lý, sử dụng phòng học lý thuyết, phòng thực hành, thí nghiệm, sân bãi và trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập tại Trường (**5.1.04- Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản tại Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 281a/QĐ-CĐCD ngày 05/8/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng; Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản tại Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-CĐCD ngày 23/3/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng**). Nhà trường đã thống kê danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng đồng thời ban hành nội quy riêng đối với khu phòng học lý thuyết, khu thực hành, ... nhằm tạo sự thuận lợi cho công tác quản lý, sử dụng tài sản của Nhà trường (**5.1.05- Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng ở Khoa Kinh tế; 5.1.06- Định mức Kinh tế kỹ thuật ngành, nghề Kế toán; 5.1.07- Nội quy phòng học Lý thuyết và Thực hành Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 300a/QĐ-CĐCD ngày 17/8/2020 của Hiệu trưởng**

Trường CĐCD Sóc Trăng; Bảng nội quy phòng học lý thuyết, phòng thực hành, thí nghiệm).

Cuối năm, Nhà trường thành lập Ban kiểm kê, đánh giá phân loại tài sản của năm theo quy định; từ đó, báo cáo đề xuất đánh giá, phân loại thực trạng tài sản làm cơ sở để các phòng chức năng tham mưu xử lý, đề xuất các nội dung cấp thiết cần khắc phục sửa chữa, thay thế và mua mới khi cần thiết, tuy nhiên một số công trình xuống cấp mà việc sửa chữa chưa kịp thời (**5.1.08- Quyết định thành lập Ban kiểm kê, đánh giá và phân loại tài sản các năm 2021, 2022, 2023, 2024; 5.1.09- Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng tài sản năm 2021, 2022, 2023, 2024**).

Nhà trường đã tiến hành khảo sát ý kiến của đội ngũ nhà giáo về nhà giáo về nội dung phòng học, phòng thực hành, phòng học chuyên môn hóa của Khoa Kinh tế Trường đảm bảo quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo. Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ đánh giá ở mức Khá - Tốt đạt 100% (**1.1.10- Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2023-2024**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của trình độ đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đủ chủng loại thiết bị đào tạo ngành, nghề Kế toán trình độ Cao đẳng. Các thiết bị đều có chất lượng và đa dạng, đáp ứng được yêu cầu đào tạo trình độ Cao đẳng. Tất cả thiết bị đào tạo của nghề đều được theo dõi trên sổ sách quản lý. Căn cứ vào danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu của Bộ LĐTBXH, Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng đã xây dựng Danh mục thiết bị đào tạo cho các ngành nghề trong đó có ngành Kế toán theo Quyết định số 292/QĐ-CĐCD ngày 05/7/2024 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về ban hành danh mục thiết bị đào tạo đối với 10 ngành, nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng. Về cơ bản chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán được trang bị đủ các chủng loại trang thiết bị và nguyên vật liệu đáp ứng yêu cầu giảng dạy theo chương trình đào tạo của Khoa (**5.2.01- Quyết định số 292/QĐ-CĐCD ngày 05/7/2024 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về ban hành danh mục thiết bị đào tạo đối với 10 ngành, nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng; 5.2.02- Danh mục thiết bị đào tạo ngành, nghề Kế toán, trình độ Cao đẳng; 5.2.03- Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có so với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu ngành, nghề Kế toán, trình độ Cao đẳng**).

Việc bố trí, sắp xếp trang thiết bị đào tạo của Nhà trường tương ứng với quy mô đào tạo ở từng ngành/ngành (**5.2.04- Thống kê số lượng HSSV tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành; 5.2.05- Lịch học các lớp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024**).

Tất cả thiết bị đào tạo của nghề đều được theo dõi trên sổ sách quản lý (5.2.06- Sổ nhật ký sử dụng thiết bị năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024). Hằng năm, Nhà trường đều có báo cáo theo dõi tài sản cố định của Trường (5.2.07- Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng tài sản năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đảm bảo quy mô, yêu cầu đào tạo cũng như phù hợp với nhu cầu của người học và sử dụng nhân lực của các doanh nghiệp, thiết bị đào tạo của Nhà trường cơ bản đáp ứng đủ chủng loại, số lượng của trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp quy định. Ngành, nghề Kế toán cơ bản có đầy đủ số lượng chủng loại thiết bị đảm bảo đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên (5.2.01- Quyết định số 292/QĐ-CĐCD ngày 05/7/2024 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về ban hành danh mục thiết bị đào tạo đối với 10 ngành, nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng; 5.2.02- Danh mục thiết bị đào tạo ngành, nghề Kế toán, trình độ Cao đẳng; 5.2.03- Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có so với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu ngành, nghề Kế toán, trình độ Cao đẳng). Căn cứ theo các danh mục thiết bị của nghề đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, căn cứ số lượng trang thiết bị, dụng cụ hiện có của nghề đào tạo và đối chiếu với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong chương trình đào tạo thiết bị của nghề Kế toán cơ bản đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo (5.2.04- Thống kê số lượng HSSV tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 5.2.05- Lịch học các lớp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024). Tất cả thiết bị đào tạo của nghề đều được theo dõi trên sổ sách quản lý (5.2.06- Sổ nhật ký sử dụng thiết bị năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024). Hằng năm, Nhà trường đều có báo cáo theo dõi tài sản cố định của Trường (5.2.07- Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng tài sản năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh lao động, vệ sinh Y tế, vệ sinh môi trường; Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trang thiết bị máy móc trong các phòng thực hành được bố trí lắp đặt hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc di chuyển, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn giảng dạy thao tác thực hành; đảm bảo các yêu cầu an toàn phòng thí nghiệm, vệ sinh môi trường. Các thiết bị, máy móc đều có hồ sơ quản lý rõ ràng, sử dụng đúng công năng

và thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo (**5.2.01- Danh mục thiết bị đào tạo ngành, nghề Kế toán, trình độ Cao đẳng; 5.4.01- Hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo trong các phòng thực hành**).

Các thiết bị, máy móc đều có hồ sơ quản lý đảm bảo khai thác tối đa hiệu quả công suất thiết kế (**5.4.02- Hồ sơ thiết kế, lắp đặt các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo**). Công tác đánh giá, kiểm kê tài sản được thực hiện mỗi năm nhằm rà soát, đánh giá tài sản, thiết bị về hiện trạng sử dụng, mức độ hao mòn, tỉ lệ khấu hao,... Từ đó, Nhà trường lên kế hoạch sửa chữa, bảo trì hoặc mua sắm thêm thiết bị (**5.2.06- Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng tài sản năm 2021, 2022, 2023, 2024**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện: được quản lý, cấp phát sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có ban hành Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản; theo đó, Phòng CTHSSV và Quản lý thiết bị vật tư, phòng Quản trị là đầu mối thực hiện nhiệm vụ cấp phát thiết bị, dụng cụ, vật tư phục vụ công tác giảng dạy, học tập và NCKH trong phạm vi toàn Trường; trực tiếp phối hợp với Phòng TC-HC tham mưu phương án điều phối, sắp xếp và đề xuất mua sắm, đầu tư mới, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo trên cơ sở định mức, tiêu chuẩn theo quy định. Đồng thời, giữ vai trò chủ động (xây dựng kế hoạch, đề xuất phương án, lựa chọn phương thức thực hiện,...) trong việc duy tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất (phòng học lý thuyết, thực hành, thí nghiệm,...), trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho hoạt động dạy và học tại các địa điểm đào tạo của Trường (**5.1.06- Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản tại Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 281a/QĐ-CĐCD ngày 05/8/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng; Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản tại Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-CĐCD ngày 23/3/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng**).

Theo thông tư 16/2020/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2025 của Bộ LĐTBXH về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật - về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho 46 ngành, nghề trong đó có ngành Kế toán doanh nghiệp trình độ cao đẳng được quy định tại Phụ lục 5b. Tuy nhiên, hiện nay Nhà trường vẫn đang trong quá trình phối hợp tham mưu, đề xuất xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các ngành, nghề của Nhà trường trong đó có ngành, nghề Kế toán của Khoa Kinh tế; Bên cạnh đó, Nhà trường cũng chưa có văn bản quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; chưa có hệ thống sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo hàng năm.

Hiện nay Nhà trường vẫn đang trong quá trình phối hợp tham mưu, đề xuất xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các ngành/ngành đang đào tạo. Trong thời gian tới, Nhà trường tập trung nghiên cứu ban hành quy định về tiêu chuẩn, định mức đối với những ngành đã có ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật; đồng thời, sẽ tăng cường công tác phối hợp, đề xuất theo thẩm quyền để sớm ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các ngành/ngành đang đào tạo nhưng chưa ban hành quy định.

Trong năm 2024 và những năm tiếp theo, Nhà trường tiếp tục đầu tư về thiết bị đào tạo nhằm đáp ứng quy mô phát triển của Nhà trường và ban hành những văn bản quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; hệ thống sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo hàng năm. Hiện nay, nhiệm vụ về quản lý cơ sở vật chất, thiết bị, vật tư Phòng Quản trị quản lý.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 00 điểm

Tiêu chuẩn 6: *Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện Trường gồm có 01 phòng đọc tại Khu hiệu bộ với diện tích 400m² và 01 phòng tại Khoa Y-Dược với diện tích 20m². Phòng đọc với sức chứa 80 bạn đọc và 06 phòng lưu trữ (diện tích 180m², 73 kệ để sách) hoạt động theo quy định đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Đến năm 2024, Phòng NCKH&HTQT là đơn vị chịu trách nhiệm việc quản lý và phát triển Thư viện của Trường (**5.6.01-** *Quy chế Tổ chức và hoạt động của Thư viện ban hành kèm theo Quyết định số 268/QĐ-CĐCĐ ngày 31/7/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quy chế Tổ chức và hoạt động của Phòng NCKH&HTQT ban hành kèm theo Quyết định số 633/QĐ-CĐCĐ ngày 28/10/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; 5.6.02-* *Quyết định Ban hành Quy trình Quản lý thư viện số 564/QĐ-CĐCĐ ngày 12/11/2021*). Chương trình đào tạo ngành, nghề Cao đẳng Kế toán chính quy ban hành năm 2021 có 35 mô đun/môn học gồm: 6 môn học chung và 29 mô đun/môn học cơ sở và chuyên môn (**1.1.01-** *Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán; 4.3.01-* *Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học ngành, nghề Kế toán*).

Thư viện có bảng kê danh mục chương trình, giáo trình cho từng ngành đào tạo và đã được trường phê duyệt, trong đó có ngành Kế toán (**4.9.02-** *Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT ngành, nghề Kế toán*). Giáo trình tài liệu học tập được biên soạn hằng năm tương ứng với CTĐT và được nhà trường phê duyệt, in ấn và lưu trữ tại thư viện phục vụ cho nhu cầu bạn đọc. Thư viện lưu trữ các bản in của giáo trình đã được Trường phê duyệt đáp ứng nhu cầu sử dụng người dạy

và người học (**4.9.03-** Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT ngành, nghề Kế toán; **4.9.04-** Danh sách giáo trình của các mô-đun, môn học đã được số hóa; **4.9.05-** Danh mục tài liệu tham khảo của các môn-đun, môn học đã được số hóa). Ngoài ra, Nhà trường còn có thêm sách, tài liệu tham khảo phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu của giảng viên và HSSV (**4.9.06-** Danh mục sách, tài liệu tham khảo tại thư viện).

Số lượng giáo trình do trường ban hành, có tại thư viện đảm bảo đủ 100% giáo trình dùng cho các mô-đun/môn học cao đẳng Kế toán. Tỷ lệ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo trên học sinh sinh viên ở thời điểm lớn nhất luôn đáp ứng 05 đầu sách/học sinh sinh viên theo quy định (**5.6.03-** Danh mục sách, báo, tạp chí tham khảo tại Thư viện; **5.6.04-** Bản in sách, báo tạp chí tham khảo của CTĐT).

Thư viện luôn tạo mọi điều kiện và có các biện pháp thiết thực để tư vấn, hỗ trợ bạn đọc. Định kỳ có tài liệu mới, Thư viện có thông báo trên website, trên bảng tin, gửi đến các phòng, khoa và các lớp. Thư viện có cán bộ chuyên trách thường trực để tiếp nhận những thông tin yêu cầu của bạn đọc (mượn trả tài liệu) và hướng dẫn sử dụng phần mềm tra cứu tài liệu (**5.6.05-** Hướng dẫn sử dụng trang Opac của thư viện năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024). Thư viện Nhà trường luôn thu hút được đông đảo bạn đọc đến học tập và nghiên cứu (**5.6.06-** Thống kê lượt bạn đọc đến Thư viện mượn trả tài liệu năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng Internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ sau khi sáp nhập Trường (từ tháng 5/2020 đến tháng 4/2023), Nhà trường đã ký kết với Công ty TNHH MTV Giải pháp công nghệ Điện toán Thái Minh triển khai sử dụng Phần mềm quản lý công tác thư viện trường học (TM.NET 3.0) để phục vụ công tác quản lý hoạt động của thư viện và phục vụ việc tra cứu, tìm tài liệu của GV, HSSV (**5.7.01-** Phần mềm quản lý thư viện TM3.0).

Thư viện Trường có trang bị máy tính để GV, HSSV tìm kiếm tài liệu học tập (**5.7.02-** Danh mục thiết bị, máy tính Thư viện). Hệ thống mạng ổn định giúp sinh viên có thể sử dụng máy tính cá nhân, điện thoại thông minh để truy cập tìm kiếm.

Từ cuối tháng 4/2023 đến nay, thực hiện công tác chuyển đổi số trong công tác quản trị Nhà trường, Trường CĐCD Sóc Trăng ký kết với VNPT Sóc Trăng thực hiện việc chuyển đổi sang Hệ thống phần mềm Thư viện số vnEdu DigiLib (**5.7.03-** Hệ thống phần mềm Thư viện số vnEdu DigiLib; **5.7.04-** Danh mục tài liệu điện tử, giáo trình, tài liệu tham khảo của Trường được số hóa).

Thư viện Nhà trường luôn thu hút được đông đảo bạn đọc đến học tập và nghiên cứu (5.6.06- *Thống kê lượt bạn đọc đến Thư viện mượn trả tài liệu năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024*).

Nhà trường đã tiến hành khảo sát ý kiến của người học và đội ngũ nhà giáo về các nội dung liên quan đến Thư viện như: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu học tập và tra cứu tài liệu; Thư viện có phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu; Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 8: *Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Phương pháp dạy và học của trường đã bám sát theo sứ mệnh của trường đó là dạy theo năng lực, phát triển song song cả kỹ năng chuyên môn và các kỹ năng mềm. Các phương pháp cũng thay đổi linh hoạt theo điều kiện thay đổi. Mỗi môn học có phương pháp dạy - học khác nhau phù hợp của môn học đó, được thể hiện trong chương trình mỗi môn học. Với triết lý giáo dục lấy người học làm trung tâm, định hướng và quản trị tự học của người học, nhà trường áp dụng công nghệ thông tin, xây dựng các video bài giảng, tài liệu giảng dạy trên hệ thống học tập trực tuyến giúp sinh viên tiếp cận chủ động hơn, nhanh hơn, thuận lợi hơn và giữ vai trò trung tâm trong hoạt động giảng dạy của trường. Trường luôn đẩy mạnh công tác thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học; cụ thể như: thực hiện bài giảng điện tử; sử dụng hiệu quả các phần mềm mô phỏng trong dạy học tích cực.

Các môn học trong chương trình đào tạo Cao đẳng Kế toán của Trường đều được áp dụng CNTT vào trong giảng dạy dưới một trong các hình thức sau: Sử dụng phần mềm hỗ trợ soạn bài giảng điện tử như Microsoft PowerPoint, Adobe Premiere, Camtasia, Audacity...; giảng viên có sử dụng các phần mềm chuyên dụng, phần mềm để hỗ trợ soạn bài giảng điện tử phục vụ cho hoạt động dạy và học của trên 60% MH/MĐ chuyên môn, như: Powerpoint, Media Player, (5.8.01- *Danh mục các phần mềm mô phỏng; 2.9.05- Các bài giảng điện tử*). Một số môn học thực hành trong chương trình đào tạo Cao đẳng Kế toán của Trường có sử dụng phần mềm mô phỏng vào trong giảng dạy (5.8.02- *Các hình ảnh thể hiện áp dụng các phần mềm mô phỏng trong giảng dạy*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 02 điểm

2.2.6. TIÊU CHÍ 6: Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6

Mở đầu:

Kể từ thời điểm nhập học ổn định, Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa cho học sinh, sinh viên. Trong thời gian này, học sinh, sinh viên được hướng

dẫn, cung cấp đầy đủ các thông tin về chương trình đào tạo, về các chế độ chính sách có liên quan tới người học, được đảm bảo an toàn và được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập. Đặc biệt Nhà trường luôn chú trọng đến công tác kết nối doanh nghiệp để người học được tiếp cận cơ hội tuyển dụng, tư vấn giới thiệu việc làm. Bên cạnh mục tiêu học tập, nghiên cứu và rèn luyện các kỹ năng nghề, sinh viên còn tham gia các kỳ thi tay nghề cấp khoa, cấp trường và cấp quốc gia cũng như tham gia các lớp chương trình bồi dưỡng kỹ năng mềm, các hoạt động văn thể mỹ, được tạo mọi điều kiện cho việc rèn luyện để nâng cao sức khỏe, thể chất.

** Những điểm mạnh*

- Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về ngành/nghề đào tạo, các quy định quy chế của trường, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp;

- Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên (HSSV); có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, hỗ trợ kịp thời HSSV đạt kết quả cao trong học tập và rèn luyện;

- Nhà trường duy trì mối quan hệ mật thiết với doanh nghiệp, thực hiện tốt công tác tư vấn và hỗ trợ việc làm người học sau tốt nghiệp;

- Nhà trường có đủ các điều kiện về cơ sở vật chất và tổ chức tốt các hoạt động văn nghệ, thể thao và các hoạt động phong trào HSSV.

** Những tồn tại: Không có*

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:* Nhà trường tiếp tục cải tiến các hình thức cung cấp thông tin để đảm bảo tất cả HSSV đều nắm vững các quy chế, nội quy, quy định của nhà trường. Tăng cường liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để tạo cơ hội việc làm có thu nhập cao cho HSSV sau khi ra trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	8 điểm
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 6.1: *Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Đề giúp HSSV làm quen với môi trường học tập mới, làm quen với tác phong công nghiệp trong môi trường giáo dục nghề nghiệp. Hằng năm, Nhà trường thực hiện nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin tới các em HSSV từ trước khi tham gia học tập và trong suốt quá trình học tập tại Trường, cụ thể:

Trong việc tuyên truyền tư vấn tuyển sinh. Nhà trường đã cung cấp các thông tin cho người học: như tại mục 3 của Thông báo tuyển sinh Nhà trường đã thông báo rõ về những chính sách ưu tiên cho người học (**2.1.03- Kế hoạch tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023, 2024; 6.1.01- Tờ bướm tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023, 2024; 1.1.07- Thông báo tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023, 2024**).

Ngay sau khi nhập học, thông qua tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, người học được cung cấp các tài liệu, hướng dẫn, trong đó có đầy đủ các nội dung về Quy chế đào tạo, Quy chế công tác học sinh, sinh viên, Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp, Chương trình đào tạo các nghề của Trường, các thủ tục hồ sơ miễn, giảm học phí, nội quy, quy chế của Trường, các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học, các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định. Ngoài ra, người học còn được cung cấp, cập nhật kịp thời các thông tin liên quan thông qua các buổi sinh hoạt chủ nhiệm lớp, trang web của Nhà trường (**1.1.08- Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Danh sách học sinh, sinh viên tham dự tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 6.1.02- Sổ tay học sinh, sinh viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.5.04- Quyết định số 463/QĐ-CĐCĐ ngày 03/11/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên; Quyết định số 204/QĐ-CĐCĐ ngày 22/02/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế công tác học sinh, sinh viên; Quyết định số 564/QĐ-CĐCĐ ngày 26/9/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế Công tác học sinh, sinh viên; 2.2.01- Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 156/QĐ-CĐCĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 288/QĐ-CĐCĐ ngày 01/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quy định tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 425/QĐ-CĐCĐ ngày 06/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; 2.5.01- Quyết định số 246/QĐ-CĐCĐ ngày 20/3/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành quy trình xét, công nhận tốt nghiệp của Trường CĐCĐ Sóc Trăng; 6.1.03- Báo cáo kết quả tổ chức sinh hoạt chính trị đầu khóa cho HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 6.1.04- Hồ sơ sinh hoạt chủ nhiệm, cố vấn các lớp hàng năm; 6.1.05- Bảng tổng hợp thống kê các chính sách**

học bổng khuyến khích học tập và các chính sách xã hội; 1.1.09- Trang web của Nhà trường: <http://www.stcc.edu.vn>).

Việc thực hiện cung cấp các thông tin trên cho người học được thể hiện qua các bài thu hoạch chương trình tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa của HSSV. Bài thu hoạch được chấm điểm và kết quả được tính vào kết quả rèn luyện của HSSV và Báo cáo kết quả công tác học sinh, sinh viên (**6.1.06- Bài thu hoạch tuần sinh hoạt đầu khóa của HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 6.1.03- Báo cáo kết quả tổ chức sinh hoạt chính trị đầu khóa cho HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 6.1.07- Hình ảnh tuần sinh hoạt công dân năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024**)

Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục đa dạng hóa việc phổ biến, triển khai các quy định liên quan đến HSSV thông qua các kênh hiện có của Trường như website, thông tin nội bộ, các phương tiện công nghệ thông tin khác. Song song đó, hằng năm biên tập, cập nhật vào Sổ tay HSSV các quy định, chính sách mới.

Nhà trường đã tiến hành khảo sát ý kiến của người học và đội ngũ nhà giáo về nội dung người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của Trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định. Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ đánh giá ở mức Khá - Tốt đạt 100% ở đội ngũ nhà giáo và trên 90% ở người học (**1.1.10- Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập*

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường CĐCD Sóc Trăng là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ LĐ-TB&XH vì vậy các chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước cho các đối tượng thụ hưởng, chính sách bình đẳng giới luôn được thực hiện theo đúng quy định. Trường đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm trong đó quy định rõ các chế độ chính sách ưu đãi, chính sách bình đẳng giới cho HSSV, nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của Trường (**6.2.01- Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021-2022 ban hành kèm theo Quyết định số 244/QĐ-CĐCD ngày 20/05/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng; Quyết định số 584/QĐ-CĐCD ngày 18/11/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ; Quyết định số 787/QĐ-CĐCD ngày 06/10/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023-2025; Quyết định số 864/QĐ-CĐCD ngày 06/12/2023 của**

Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023-2025).

Đối với đối tượng là HSSV, chế độ chính sách ưu đãi được thực hiện theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Thông tư 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 ban hành Quy chế công tác HSSV trong trường trung cấp, trường cao đẳng. Nhà trường có xây dựng văn bản hướng dẫn về việc thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV và được quy định cụ thể trong Sổ tay HSSV, Quy chế công tác HSSV (**6.1.02-** *Sổ tay học sinh, sinh viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*; **2.5.04-** *Quyết định số 463/QĐ-CĐCD* ngày 03/11/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên; *Quyết định số 204/QĐ-CĐCD* ngày 22/02/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế công tác học sinh, sinh viên; *Quyết định số 564/QĐ-CĐCD* ngày 26/9/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế Công tác học sinh, sinh viên). Trên cơ sở các quy định, hằng năm, Nhà trường đều thực hiện việc miễn giảm học phí, cấp phát học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên theo quy định (**6.2.02-** *Nghị định 81/2021/NĐ-CP* ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Thông tư 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 ban hành Quy chế công tác HSSV trong trường trung cấp, trường cao đẳng; *Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg* ngày 14/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng chính sách với HSSV học tại các cơ sở GD thuộc hệ thống GD quốc dân; *Quyết định 203/QĐ-CĐCD* ngày 22/02/2023 của Hiệu trưởng ban hành quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên cao đẳng, trung cấp chính quy tại Trường CĐCD Sóc Trăng; **6.2.03-** *Quyết định số 443/QĐ-CĐCD* ngày 15/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II, năm học 2021-2022; *Quyết định số 311/QĐ-CĐCD* ngày 13/4/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, năm học 2022-2023; *Quyết định số 745/QĐ-CĐCD* ngày 20/9/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II, năm học 2022-2023; **6.2.04-** *Quyết định số 631/QĐ-CĐCD* ngày 24/11/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc thực hiện miễn giảm học phí cho HSSV trong giai đoạn năm 2019-2022; *Quyết định số 580/QĐ-CĐCD* ngày 14/11/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc thực hiện miễn giảm học phí cho HSSV học kỳ I năm học 2022-2023; *Quyết định số 310/QĐ-CĐCD* ngày 13/4/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên học kỳ II năm học 2022-2023; **6.2.05-** *Quyết định số 629/QĐ-CĐCD* ngày 21/12/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc khen thưởng HSSV đạt thành tích cao khóa học 2018-2021;

Quyết định số 444/QĐ-CĐCD ngày 15/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc khen thưởng HSSV đạt thành tích cao toàn khóa khóa học 2019-2022; Quyết định số 746/QĐ-CĐCD ngày 20/9/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc khen thưởng HSSV đạt thành tích cao toàn khóa, khóa học 2020-2023; 6.2.06- Quyết định và danh sách HSSV nhận học bổng Hessen; 6.2.07- Thông báo số 594/TB-CĐCD ngày 25/7/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về kết quả xét chọn HSSV đề nghị nhận học bổng khuyến học “Lương Định Của” năm 2022). Bên cạnh đó, Nhà trường còn đẩy mạnh các hoạt động xã hội để giúp đỡ HSSV gặp khó khăn. HSSV được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao để rèn luyện sức khỏe, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Sau khi ra trường, HSSV được hỗ trợ tư vấn việc làm, được giải quyết các thủ tục, hồ sơ theo đúng quy định. Trong tất cả các văn bản của trường có liên quan đến người học như thông báo tuyển sinh, quy định về chính sách ưu tiên, khen thưởng,... không có các nội dung phân biệt về giới tính, luôn thể hiện sự nhất quán trong chính sách bình đẳng giới của Nhà trường (**6.2.08- Các báo cáo tổng kết công tác HSSV các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 6.2.09- Bảng thống kê các chế độ, chính sách hỗ trợ đối với người học ngành Kế toán thuộc đối tượng ưu tiên và các chính sách xã hội khác đang áp dụng**).

Kết quả trên cho thấy, trong những năm học vừa qua, Nhà trường đã thực hiện tốt các chế độ, chính sách theo quy định cho người học, chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập tại Trường (**3.2.12- Báo cáo tổng kết của Trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp*

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, Nhà trường luôn quan tâm đến công tác cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp giới thiệu việc làm cho người học, đặc biệt là đối tượng HSSV chuẩn bị tốt nghiệp và sau khi tốt nghiệp. Để công tác tư vấn, trợ giúp giới thiệu việc làm đạt hiệu quả cao, nhà trường đã liên hệ, hợp tác với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong và ngoài tỉnh. Nhà trường đã tạo lập được mối quan hệ chặt chẽ giữa các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng lao động của tỉnh Sóc Trăng và các tỉnh/thành lân cận.

Việc thực hiện công tác tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp được Nhà trường thực hiện thường xuyên. Phòng CTHSSV là đơn vị chịu trách nhiệm phụ trách công tác tư vấn giới thiệu việc làm cho HSSV (**6.3.01- Quyết định số 257/QĐ-CĐCD-HSSV của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng ngày 31/7/2020 về việc ban**

hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng CTHSSV; Quyết định số 653/QĐ-CĐCĐ của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng ngày 7/11/2024 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng CTHSSV).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức các buổi tọa đàm, tư vấn định hướng lựa chọn nghề nghiệp cho HSSV phù hợp với ngành nghề các em đang theo học tại Trường, qua đó cung cấp cho người học về nhu cầu và cơ hội việc làm để các em có cơ hội lựa chọn và chuẩn bị khi tốt nghiệp ra trường (6.3.02- *Kế hoạch tổ chức tọa đàm cho người học năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*). Đồng thời, Nhà trường còn thu thập các thông tin tuyển dụng lao động trên trang thông tin điện tử của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Sóc Trăng và Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng (6.3.03- *Thông tin nhu cầu tuyển dụng lao động các Doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024*). Các thông tin này được cung cấp đến cho người học trên bảng thông báo, trên website của Trường <http://www.stcc.edu.vn> và trực tiếp đến các lớp. Việc cung cấp thông tin về việc làm cho HSSV có vai trò quan trọng, tạo cơ hội việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp. Sau các buổi tọa đàm, Nhà trường đều có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện việc cung cấp thông tin cho người học về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm (6.3.04- *Báo cáo kết quả buổi tọa đàm cho người học năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*).

Ngoài ra, Hàng năm, để tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với các nhà tuyển dụng, có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp, Phòng CTHSSV phối hợp với các đơn vị tuyển dụng tổ chức ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp. Nhà trường đã lựa chọn những doanh nghiệp uy tín, có nhu cầu tuyển dụng các vị trí việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo của Nhà trường tham gia vào ngày hội việc làm (6.3.05- *Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm kèm danh sách các nhà tuyển dụng tham gia ngày hội việc làm hàng năm*). Thông qua ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp, sinh viên của Nhà trường có nhiều cơ hội lựa chọn vị trí việc làm phù hợp với ngành nghề được học, các doanh nghiệp cũng tuyển dụng được những ứng viên có năng lực, phù hợp với yêu cầu công việc (6.3.06- *Báo cáo kết quả tổ chức ngày hội việc làm hàng năm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học*

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường luôn tạo điều kiện cho HSSV tham gia hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội. HSSV luôn chấp hành tốt các quy chế, quy định của trường, chủ động, tích cực tham gia đã đạt được nhiều thành tích trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao. Sau sáp nhập, Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, sân bãi, phục vụ tốt cho việc tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu người học. Nhà trường có sân bóng đá, sân

bóng chuyên, sân cầu lông, có Hội trường lớn với 400 chỗ ngồi, có sân khấu phục vụ các kỳ Hội diễn văn nghệ đảm bảo an toàn, người học có thể nâng cao thể chất và rèn luyện sức khỏe sau giờ học (6.4.01- Hồ sơ nghiệm thu và hoàn công các hạng mục công trình xây dựng tại trụ sở chính; 6.4.02- Bảng tổng hợp hạng mục công trình hiện hữu phục vụ đào tạo và hoạt động chung tại trụ sở chính của Trường; 5.1.02- Bảng tổng hợp hạng mục công trình hiện hữu phục vụ đào tạo và hoạt động chung tại Khoa Kinh tế thuộc Trường CĐCD Sóc Trăng; 6.4.03- Hình ảnh hội trường, sân bãi, Nhà Đa năng của Trường).

Hàng năm, Đoàn Thanh niên duy trì các hoạt động tình nguyện tại chỗ, tình nguyện tại các địa phương với sự tham gia đông đảo và tích cực của HSSV (6.4.04- Các hình ảnh hoạt động của đội Thanh niên tình nguyện năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024). Các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được duy trì tổ chức thường xuyên với nhiều hình thức như: Hội thi tiếng hát HSSV, Hội thi HSSV thanh lịch, Hội thi báo ảnh, ... chào mừng ngày truyền thống HSSV 09/01, ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 03/02, ngày thành lập Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh 26/3, ngày Giải phóng miền Nam 30/4, ngày Quốc tế lao động 01/5, Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày Quốc khánh nước Cộng hoà Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam 02/9, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 và các ngày lễ, ngày hội dân tộc,... Qua các hoạt động này, Nhà trường cũng tập hợp được nhiều HSSV có năng khiếu góp phần phát huy hiệu quả năng lực của đội văn nghệ Trường, từ đó phục vụ và hỗ trợ tốt các chương trình chào mừng, kỷ niệm những ngày lễ lớn bao gồm các hoạt động văn hóa văn nghệ của Tỉnh. Trường cũng đã thành lập và duy trì hoạt động thường xuyên các câu lạc bộ như cầu lông, bóng đá, bóng chuyên...Hàng năm, Đoàn trường, Hội Sinh viên, Phòng CTHSSV&QLTBVT và tổ Giáo dục Thể chất thường xuyên phối hợp tổ chức các giải thi đấu thể thao và các trò chơi dân gian tạo nên sân chơi lành mạnh cho HSSV sau những giờ học tập căng thẳng (6.4.05- Các hình ảnh hoạt động của đội Thanh niên tình nguyện năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 6.4.06- Kế hoạch hội thi, hội diễn văn nghệ; Kế hoạch tổ chức giải bóng đá; Kế hoạch tổ chức hội thao năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 6.4.07- Hình ảnh các hoạt động văn hóa, thể thao, các hình ảnh hoạt động của các phong trào của người học năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 6.4.08- Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 6.4.09- Các quyết định công nhận, khen thưởng đoàn viên tham gia các hoạt động hàng năm; 6.4.10- Các quyết định công nhận, khen thưởng hội viên tham gia các hoạt động hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 02 điểm

2.2.7. TIÊU CHÍ 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Mở đầu:

Với mục đích thu nhận thông tin khách quan về sản phẩm đào tạo của nhà trường, để có căn cứ điều chỉnh trong công tác quản lý, tuyển sinh đào tạo phù hợp với yêu cầu xã hội. Hằng năm nhà trường có khảo sát đánh giá sự hài lòng của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng hoặc một số tỉnh lân cận, ngoài ra hiện nay nhà trường đang thực hiện chương trình khảo sát lần vết, khảo sát các doanh nghiệp sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị và khảo sát sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất kinh doanh dịch vụ. Thông qua kết quả khảo sát nhà trường nắm bắt được mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại các doanh nghiệp, với kết quả trên nhà trường có kế hoạch rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình về kiến thức, kỹ năng cho người học để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp. Thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý. Thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Nhà trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định. Thực hiện khảo sát HSSV sau tốt nghiệp bằng liên lạc qua điện thoại, thông qua kết quả khảo sát người học sau 6 tháng tốt nghiệp tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo đạt trên 80%.

** Những điểm mạnh:*

Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, có trên 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

100% các đơn vị sử dụng lao động được điều tra đánh giá tốt các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

** Những tồn tại:* Hình thức khảo sát còn đơn điệu.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:* Từ năm 2025 và các năm tiếp theo, cần đa dạng các hình thức khảo sát như: Khảo sát trực tiếp, gọi điện thoại, Zalo, facebook, google form...

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	16/16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2

Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: *Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất kinh doanh dịch vụ.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để thực hiện hoạt động thu thập ý kiến của các đối tượng liên quan nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo, Khoa Kinh tế đã thực hiện tốt các quy định, quy trình về khảo sát ý kiến của doanh nghiệp, người sử dụng lao động (7.1.01- Quyết định số 04/QĐ-CĐCĐ ngày 06/01/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chất lượng đào tạo tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng; 7.1.02- Quyết định số 589/QĐ-CĐCĐ ngày 22/11/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Quy trình khảo sát ý kiến doanh nghiệp, người sử dụng lao động tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng). Hàng năm, nhà trường đều tổ chức thu thập ý kiến các đơn vị sử dụng lao động có người học tốt nghiệp làm việc về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo đúng quy định. Khoa Kinh tế đã phối hợp với Phòng CTHSSV đã lập kế hoạch khảo sát, lập danh sách các doanh nghiệp cần khảo sát, thực hiện khảo sát các doanh nghiệp. Phương pháp thu thập ý kiến của trường là khảo sát trực tiếp thông qua phiếu khảo sát. Kết quả khảo sát qua các năm về mức độ đáp ứng của sinh viên đã tốt nghiệp đối với các đơn vị sử dụng lao động đa số đều đánh giá đáp ứng được các yêu cầu của đơn vị và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (1.1.10- Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022; 2022- 2023; 2023-2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm nâng cao chất lượng việc thu thập ý kiến phản hồi từ người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau khi tốt nghiệp, Trường đã xây dựng và ban hành các quy định, quy trình về khảo sát ý kiến của các bên liên quan (7.1.01- Quyết định số 04/QĐ-CĐCĐ ngày 06/01/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên

quan về chất lượng đào tạo tại Trường CĐCD Sóc Trăng; 7.2.01- Quyết định số 588/QĐ-CĐCD ngày 22/11/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy trình khảo sát ý kiến sinh viên tốt nghiệp tại Trường CĐCD Sóc Trăng).

Khoa Kinh tế đã tổ chức thu thập ý kiến từ người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp. Căn cứ vào số lượng HSSV tốt nghiệp (7.2.02- Danh sách SV ngành, nghề Kế toán trình độ cao đẳng được công nhận tốt nghiệp kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp), Trường thực hiện điều tra lần vết đối với người học sau khi tốt nghiệp. Phương pháp thu thập thông tin được thể hiện thông qua khảo sát trực tiếp, điện thoại, Zalo. Kết quả khảo sát thể hiện tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm đúng với ngành, nghề được đào tạo trước 6 tháng rất cao (từ 80% trở lên). Hàng năm tỷ lệ mức độ tốt và rất tốt với chất lượng đào tạo chiếm 100% (1.1.10- Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng lao động, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để triển khai việc lấy ý kiến của đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại và bổ nhiệm, Trường đã xây dựng và ban hành các quy định, quy trình về khảo sát ý kiến của các bên liên quan (7.1.01- Quyết định số 04/QĐ-CĐCD ngày 06/01/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chất lượng đào tạo tại Trường CĐCD Sóc Trăng; 7.3.01- Quyết định số 590/QĐ-CĐCD ngày 22/11/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy trình khảo sát ý kiến của sinh viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên tại Trường CĐCD Sóc Trăng).

Hàng năm Nhà trường đều tổ chức thu thập ý kiến từ nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý. Qua kết quả khảo sát trên cho thấy: Hàng năm, Trường đã thu thập ý kiến trên 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý và hầu hết các ý kiến hài lòng về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý của trường (1.1.10- Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Hàng năm thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ chính sách và các dịch vụ đối với người học*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chất lượng đào tạo của một cơ sở giáo dục nghề nghiệp được đánh giá từ nhiều góc nhìn khác nhau, trong đó một góc nhìn rất quan trọng đó là đánh giá từ người học, những người đang sử dụng các dịch vụ giáo dục mà Khoa Kinh tế cung cấp. Hoạt động khảo sát ý kiến đánh giá của sinh viên đang học, cựu sinh viên tại trường là cơ sở để Khoa Kinh tế biết được những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy và những hạn chế cần được khắc phục để nâng cao chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học. Vì vậy, để nâng cao việc thu thập ý kiến phản hồi từ người học, Khoa Kinh tế đã thực hiện thu thập ý kiến người học đúng theo các quy định, quy trình nhà trường đã xây dựng và ban hành (**7.1.01-** *Quyết định số 04/QĐ-CĐCD ngày 06/01/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chất lượng đào tạo tại Trường CĐCD Sóc Trăng; 7.3.01-* *Quyết định số 590/QĐ-CĐCD ngày 22/11/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy trình khảo sát ý kiến của sinh viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên tại Trường CĐCD Sóc Trăng*).

Hàng năm, nhà trường đều lập kế hoạch khảo sát để lấy ý kiến của người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học. Hàng năm, Trường đều thu thập ý kiến trên 30% người học. Người học đánh giá tốt về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học (**1.1.10-** *Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5: *Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN; Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung cấp, trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ LĐ-TB&XH, hàng năm, Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình ngành, nghề Kế toán và xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng theo đúng quy định (**7.5.01-** *Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo*

ngành, nghề Kế toán; **7.5.02-** Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán).

Việc tự đánh giá nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu, sứ mạng của Khoa cũng như của Trường, công tác tổ chức và quản lý, hoạt động đào tạo, NCKH, công tác tài chính, dịch vụ người học, cơ sở vật chất, trang thiết bị và toàn bộ các hoạt động của Khoa Kinh tế theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL GDNN hiện hành cùng các văn bản hướng dẫn có liên quan. Năm học 2023 - 2024, trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán, Báo cáo tự đánh giá sau khi được thông qua sẽ gửi về nhà trường; đồng thời công khai trên trang web của Trường tại địa chỉ: www.stcc.edu.vn (**7.5.03-** Biên bản họp Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường năm 2024; **7.5.04-** Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành, nghề Kế toán năm 2024; **1.1.06-** Trang web của Nhà trường: <http://www.stcc.edu.vn>).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hàng năm cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo được tiến hành sau hoạt động tự đánh giá (**7.6.01-** Kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng CTĐT ngành Kế toán; **7.6.02-** Báo cáo việc thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng CTĐT ngành Kế toán).

Bên cạnh đó, hàng năm, Trường căn cứ nội dung báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của Nhà trường; kết quả tự đánh giá chất lượng, các báo cáo đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng để xây dựng kế hoạch cải tiến nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng đào tạo. Đồng thời, sau khi thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo theo kế hoạch đã xây dựng, Phòng Đào tạo lập báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, trong đó có đánh giá hoạt động dạy và học, chỉ ra những ưu điểm, tồn tại, đồng thời có những kiến nghị và đề xuất các biện pháp thực hiện nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo (**1.2.05-** Báo cáo tổng kết công tác đào tạo năm học 2021- 2022, 2022-2023, 2023-2024). Qua đó, trong năm 2024 nhà trường tiến hành tổ chức điều chỉnh chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán trình độ cao đẳng được tổ chức giảng dạy theo niên chế sang tổ chức giảng dạy theo tín chỉ (**4.1.05-** Kế hoạch số 886/KH-CĐCD ngày 01/12/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc cập nhật, đánh giá CTĐT các ngành, nghề trình độ trung cấp, cao đẳng áp dụng đào tạo từ khóa tuyển sinh năm 2024; **4.1.06-** Quyết định số 191/QĐ-CĐCD ngày 30/5/2024 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc thành lập tổ cập nhật và đánh giá CTĐT ngành, nghề Kế toán; **4.1.07-** Công văn số 844/CĐCD-ĐT ngày 01/10/2024 của Phó Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc đánh giá, cập nhật Chương trình môn học, học phần; **4.1.08-** Biên bản ngày

30/10/2024 về việc đánh giá, cập nhật, cải tiến, chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán; Biên bản họp hội đồng ngày 30/10/2024 về việc thẩm định cập nhật chương trình môn học Kế toán). Quy trình xây dựng, lựa chọn, điều chỉnh Chương trình đào tạo Cao đẳng ngành, nghề Kế toán được thực hiện đúng theo quy trình, quy định được ban hành (4.1.09- Quyết định số 224/QĐ-CĐCĐ ngày 20/3/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc ban hành xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa bổ sung chương trình đào tạo). Hiệu trưởng căn cứ kết quả rà soát, điều chỉnh và bổ sung CTĐT ngành, nghề Kế toán của các hội đồng thẩm định ra quyết định ban hành các chương trình đào tạo ngành (1.1.01- Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán).

Một số biện pháp thực hiện trong các năm qua như: điều chỉnh tiến độ đào tạo khi cần thiết; ghi chép sổ sách đào tạo theo quy định; sử dụng có hiệu quả trang thiết bị đào tạo; thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ, nhà giáo đi bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt; các nhà giáo tích cực tham dự Hội giảng các cấp, đẩy mạnh chất lượng hoạt động NCKH của nhà giáo, tăng cường số lượng nhà giáo tham gia NCKH, ứng dụng phần mềm mô phỏng trong dạy học; mua sắm, bổ sung số lượng thiết bị còn thiếu, thay thế thiết bị cũ, hỏng, lạc hậu và các phần mềm số hóa, mô phỏng hóa, thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo, tăng cường hợp tác doanh nghiệp để tạo đầu ra việc làm cho HSSV (1.2.05- Báo cáo tổng kết công tác đào tạo năm học 2021- 2022, 2022-2023, 2023-2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tỉ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp là một trong những tiêu chí đánh giá chất lượng của cơ sở đào tạo và chương trình đào tạo vì vậy, để nâng cao chất lượng việc thu thập ý kiến phản hồi từ người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau khi tốt nghiệp, Trường đã xây dựng và ban hành các quy định, quy trình về khảo sát ý kiến của các bên liên quan (7.1.01- Quyết định số 04/QĐ-CĐCĐ ngày 06/01/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chất lượng đào tạo tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng; 7.2.01- Quyết định số 588/QĐ-CĐCĐ ngày 22/11/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Quy trình khảo sát ý kiến sinh viên tốt nghiệp tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng).

Căn cứ vào số lượng HSSV tốt nghiệp hàng năm (7.2.02- Danh sách SV ngành, nghề Kế toán trình độ cao đẳng được công nhận tốt nghiệp kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp), Khoa Kinh tế đã thực hiện thống kê khảo sát tỉ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Kế toán bằng hình thức gọi điện thoại trực tiếp và

qua Zalo. Khoa tổ chức thu thập ý kiến 100% người tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán nhằm thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp.

Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ cựu SV tìm được việc làm đúng với nghề được đào tạo trước 6 tháng đều đảm bảo từ 80% trở lên (**1.1.10- Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 8: *Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Như đã mô tả tại Tiêu chuẩn 1. Khoa Kinh tế đã phối hợp với Phòng CTHSSV tiến hành thu thập ý kiến từ các đơn vị sử dụng lao động có người học tốt nghiệp làm việc về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo đúng quy định (**7.2.02- Danh sách SV ngành, nghề Kế toán trình độ cao đẳng được công nhận tốt nghiệp kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp**). Phương pháp thu thập ý kiến của trường là khảo sát trực tiếp thông qua phiếu khảo sát và bằng hình thức gọi điện thoại trực tiếp.

Các doanh nghiệp đều có người tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán trình độ cao đẳng đang làm việc. Kết quả cho thấy, có trên 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động (**1.1.10- Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024**)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 7: 02 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. VỀ MỤC TIÊU, QUẢN LÝ VÀ TÀI CHÍNH

Tiếp tục tăng cường huy động mọi nguồn lực để tập trung phát triển chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán; tiếp tục rà soát điều chỉnh mục tiêu chương trình phù hợp với thực tế phát triển của xã hội, của tỉnh Sóc Trăng.

2. VỀ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Năm học 2024 - 2025, Nhà trường sẽ nghiên cứu và đa dạng hoá phương thức đào tạo cho phù hợp với thực tiễn nhu cầu của xã hội.

Trường sẽ tiếp tục tăng cường liên kết với doanh nghiệp và huy động doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo của Trường. Đẩy mạnh giao lưu, hợp tác quốc tế nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ giáo viên Nhà trường.

3. VỀ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá và định kỳ rà soát các công cụ quản lý để có những điều chỉnh phù hợp. Khoa Kinh tế tiếp tục khuyến khích đội ngũ nhà giáo cải tiến các phương pháp dạy học tích cực, tham gia Hội thi các cấp.

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ tin học, ngoại ngữ cho cán bộ, giáo viên.

4. VỀ CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH

Nhà trường tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật chương trình, lựa chọn, biên soạn, chỉnh sửa, cải tiến giáo trình nội bộ phù hợp với thực tế phát triển sản xuất của xã hội, của tỉnh Sóc Trăng. Thực hiện tốt công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo hàng năm.

5. VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO VÀ THƯ VIỆN

- Đầu tư mua sắm thiết bị đào tạo các ngành nghề từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn NSNN cấp không tự chủ, nguồn thu sự nghiệp của trường. Bên cạnh đó, để nâng cao năng lực thực hành cho HSSV, Nhà trường phối hợp với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong việc sử dụng trang thiết bị của doanh nghiệp phục vụ quá trình thực tập, thực hành của người học.

- Đẩy mạnh nghiên cứu và chế tạo thiết bị tự làm phục vụ dạy và học.

- Xây dựng và ban hành định mức tiêu hao vật tư/định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo đối với nghề Kế toán.

6. VỀ DỊCH VỤ NGƯỜI HỌC

Năm học 2024 - 2025 và những năm học tiếp theo, Nhà trường tiếp tục cải tiến các hình thức cung cấp thông tin để đảm bảo tất cả HSSV đều nắm vững các quy chế,

nội quy, quy định của Nhà trường. Tăng cường liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để tạo cơ hội việc làm có thu nhập cao cho HSSV sau khi tốt nghiệp.

- Trường sẽ tiếp tục mở rộng tăng cường các mối quan hệ với các doanh nghiệp và các tổ chức nghề nghiệp để thực hiện tốt công tác giới thiệu việc làm cho học sinh sinh viên ngay sau khi tốt nghiệp.

7. VỀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Từ năm 2024 và các năm tiếp theo, cần đa dạng các hình thức khảo sát như: Khảo sát trực tiếp, gọi điện thoại, Zalo, facebook, google form...

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để nâng cao hiệu quả của công tác TĐG chất lượng CTĐT trong các cơ sở GDNN nói chung, Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng nói riêng, Trường xin đề xuất ý kiến như sau:

- Tổng cục GDNN tiếp tục hỗ trợ trường đào tạo cán bộ, giáo viên; chuyển giao và giúp Nhà trường thực hiện đồng bộ hệ thống quản lý chất lượng. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên viên lĩnh vực KĐCL của các cơ sở GDNN để nâng cao chất lượng công tác TĐG của mỗi cơ sở.

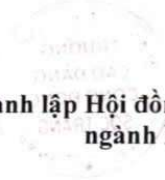
- Tổng cục GDNN là cầu nối để Nhà trường tiếp cận và mở rộng mối quan hệ ba bên giữa: Nhà trường - Doanh nghiệp - các Hiệp hội nghề nghiệp/VCCI trong các hoạt động đào tạo; tạo điều kiện cho trường mở rộng các mối quan hệ quốc tế trong lĩnh vực đào tạo nghề.

- Hỗ trợ Nhà trường trong công tác đào tạo cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn trình độ quốc tế đối với các nghề trọng điểm; Hỗ trợ Nhà trường trong công tác đầu tư cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị; đầu tư số hóa, mô phỏng hóa đối với các nghề trọng điểm. Đặc biệt là hỗ trợ trường đầu tư xây dựng trường thành trung tâm đào tạo nghề chất lượng cao trong khu vực và cả nước./.

PHỤ LỤC**1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành, nghề Kế toán**

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG
Số: 191/QĐ-CĐCD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Sóc Trăng, ngày 30 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG SÓC TRĂNG

Căn cứ Quyết định số 1251/QĐ-LĐTĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Về việc sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật Sóc Trăng, Trường Trung cấp Y tế Sóc Trăng, Trường Cao đẳng Sư phạm Sóc Trăng vào Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-CĐCD ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Trường phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2024 gồm các Ông (Bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2024 thực hiện nhiệm vụ theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH.

Chế độ và quyền lợi của thành viên Hội đồng được thực hiện theo các văn bản hiện hành.

Điều 3. Trường phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng, Trường các đơn vị trong Trường và các Ông (Bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành

Quyết định này kể từ ngày ký. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KĐCL.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Tâm

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH

Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 191/QĐ-CDGD, ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Đinh Thị Thái Hà	Phó Hiệu trưởng phụ trách Chủ tịch Công đoàn	Chủ tịch Hội đồng
2	Trương Ngọc Phụng	Phó Trường khoa phụ trách Khoa Kinh tế	Phó Chủ tịch Hội đồng
3	Lưu Thị Thảo Nguyễn	Phó Trường Bộ môn phụ trách Kế toán - Kiểm Toán Khoa Kinh tế	Thư ký
4	Võ Thanh Sang	Trưởng Phòng Phòng Đào tạo	Ủy viên
5	Trương Tấn Minh	Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính	Ủy viên
6	Lê Thị Chi	Phó Trường khoa Khoa Kinh tế	Ủy viên
7	Huỳnh Dương Trung Trực	Phó Trường phòng Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng	Ủy viên
8	Nguyễn Thị Thùy Phương	Trưởng Bộ môn Tài chính - Quản trị kinh doanh Khoa Kinh tế	Ủy viên
9	Trương Thị Cẩm Tú	Phó Trường Bộ môn Tài chính - Quản trị kinh doanh Khoa Kinh tế	Ủy viên
10	Đỗ Thị Hoàng Phương	Giảng viên Khoa Kinh tế	Ủy viên
11	Lâm Kim Ngân	Giảng viên Khoa Kinh tế	Ủy viên

12	Thái Thảo Trân	Giảng viên Khoa Kinh tế	Ủy viên
13	Nguyễn Bích Như	Thạc sĩ Đo lường và đánh giá trong giáo dục; Chuyên viên Phòng TT-ĐBCL Trường CĐCD Sóc Trăng	Ủy viên (Chuyên gia)
14	Thái Văn Tây	Giám đốc Công ty TNHH Đại lý thuế Đông Tây	Ủy viên (Doanh nghiệp)
15	Nguyễn Hữu Duy	Giám đốc VNPT Thành phố Sóc Trăng	Ủy viên (Doanh nghiệp)

2. Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành, nghề Kế toán

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG

Số: 444a/KH-CDGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 30 tháng 5 năm 2024

KẾ HOẠCH

Tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo Ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2024

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng xây dựng Kế hoạch tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2024, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên và sinh viên, học sinh trong toàn Trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá chương trình đào tạo.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của chương trình đào tạo dựa trên cơ sở đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

- Đánh giá các mặt hoạt động của Khoa Kinh tế trong thực hiện đánh giá chất lượng chương trình đào tạo từ tuyển sinh đến việc khảo sát lấy ý kiến người học sau khi tốt nghiệp.

- Đánh giá những mặt đạt được và hạn chế của chương trình đào tạo các ngành, nghề cao đẳng tại Khoa Kinh tế. Từ đó, đề ra các giải pháp cải thiện chất lượng chương trình đào tạo.

II. CÔNG CỤ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

- Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng ban hành kèm theo Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

- Sử dụng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan để tham chiếu.

III. QUY TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Thực hiện tự đánh giá theo quy trình được quy định tại Mục 2 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018, cụ thể như sau:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
3. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
4. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

IV. NỘI DUNG TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng

Hội đồng Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2024 được thành lập theo Quyết định số 191/QĐ-CĐCĐ ngày 30/5/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng.

2. Thực hiện tự đánh giá

2.1. Nhiệm vụ chung

- Lãnh đạo Khoa lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán.

- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và các hướng dẫn có liên quan của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Hội đồng tự đánh giá chất lượng tiến hành nghiên cứu, họp thông qua các báo cáo tự đánh giá. Nội dung báo cáo tự đánh giá chất lượng phải được 2/3 thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nhất trí thông qua.

- Trên cơ sở kết quả thông qua của Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, Hiệu trưởng phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

2.2. Phân công nhiệm vụ tự đánh giá chương trình đào tạo theo mẫu báo cáo (Phụ lục 4 - Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH)

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN (đơn vị phối hợp)	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG PHỤ TRÁCH
I	GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA KINH TẾ		
1	Thông tin chung về Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	Phòng Tổ chức - Hành chính	Tổng hợp báo cáo: Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán.
2	Thông tin khái quát về Khoa Kinh tế	Khoa Kinh tế	
3	Thông tin về Chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng		
II	KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		
1	Tổng quan chung	Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng	
1.1	Căn cứ tự đánh giá		
1.2	Mục đích tự đánh giá		
1.3	Yêu cầu tự đánh giá		
1.4	Phương pháp tự đánh giá		
1.5	Các bước tiến hành tự đánh giá		
2	Tự đánh giá		
2.1	Tổng hợp kết quả tự đánh	Khoa Kinh tế	Tổng hợp báo cáo:

S. C. O. C.

	giá <i>Theo mẫu 4.1 - PL04</i>		Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán.
2.2	Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn <i>Báo cáo đánh giá chi tiết Tiêu chí theo mẫu 4.2 – PL04</i>	Khoa Kinh tế	
III	TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	Khoa Kinh tế	Tổng hợp báo cáo: Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán.
IV	ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	Khoa Kinh tế	Tổng hợp báo cáo: Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán.

2.3. Phân công thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo phụ trách theo tiêu chí, tiêu chuẩn và phân công các đơn vị thực hiện theo tiêu chí, tiêu chuẩn (Theo hướng dẫn Phụ lục 02 - Công văn 454/TCGDNN - KĐCL ngày 25 tháng 03 năm 2019)

TT	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	ĐƠN VỊ CUNG CẤP MINH CHỨNG (Nguồn minh chứng)	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG CHỊU TRÁCH NHIỆM KIỂM TRA MINH CHỨNG, VIẾT BÁO CÁO
Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính			
1.1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Đào tạo	- Thành viên Hội đồng, Lãnh đạo Khoa và Ban thư ký
1.2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào tạo	
1.3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Đào tạo	- Lưu Thị Thảo Nguyên: Thư ký Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán.
Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo			
2.1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Tuyển sinh và	- Thành viên Hội đồng,

		Truyền thông; Khoa Kinh tế	Lãnh đạo Khoa và Ban thư ký-
2.2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Kinh tế	- Lưu Thị Thảo Nguyên: Thư ký Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán.
2.3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Kinh tế	
2.4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Kinh tế	
2.5	Tiêu chuẩn 5	Khoa Kinh tế	
2.6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng; Khoa Kinh tế	
2.7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Đào tạo	
Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên			
3.1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Kinh tế	- Thành viên Hội đồng, Lãnh đạo Khoa và Ban thư ký - Lưu Thị Thảo Nguyên: Thư ký Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán.
3.2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Kinh tế	
3.3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Kinh tế	
3.4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Kinh tế	
3.5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Tổ chức - Hành chính; Khoa Kinh tế	
3.6	Tiêu chuẩn 6	Khoa Kinh tế	
3.7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Đào tạo; Khoa Kinh tế	
3.8	Tiêu chuẩn 8	Phòng Đào tạo; Khoa Kinh tế; Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng	
Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình			
4.1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Đào tạo và Khoa Kinh tế	- Thành viên Hội đồng, Lãnh đạo Khoa và Ban thư ký - Lưu Thị Thảo Nguyên: Thư ký Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán.
4.2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào tạo và Khoa Kinh tế	
4.3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Đào tạo và Khoa	

		Kinh tế	
4.4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Đào tạo và Khoa Kinh tế	
4.5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản trị và Khoa Kinh tế	
4.6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Đào tạo và Khoa Kinh tế	
4.7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Đào tạo và Khoa Kinh tế	
4.8	Tiêu chuẩn 8	Phòng Đào tạo và Khoa Kinh tế	
4.9	Tiêu chuẩn 9	Phòng Nghiên cứu Khoa học và Hợp tác Quốc tế; Khoa Kinh tế	
4.10	Tiêu chuẩn 10	Phòng Nghiên cứu Khoa học và Hợp tác Quốc tế; Khoa Kinh tế	
4.11	Tiêu chuẩn 11	Phòng Nghiên cứu Khoa học và Hợp tác Quốc tế; Khoa Kinh tế	
4.12	Tiêu chuẩn 12	Phòng Nghiên cứu Khoa học và Hợp tác Quốc tế; Khoa Kinh tế	
Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện			
5.1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản trị	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng, Lãnh đạo Khoa và Ban thư ký - Lưu Thị Thảo Nguyên: Thư ký Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán.
5.2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản trị	
5.3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Quản trị	
5.4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Quản trị	
5.5	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản trị	
5.6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Nghiên cứu Khoa học và Hợp tác Quốc tế,	

		Khoa Kinh tế	
5.7	Tiêu chuẩn 7	Phòng Quản trị; Phòng Nghiên cứu Khoa học và Hợp tác Quốc tế	
5.8	Tiêu chuẩn 8	Khoa Kinh tế	
Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học			
6.1	Tiêu chuẩn 1	Phòng Đào tạo; Phòng Công tác học sinh, sinh viên; Khoa Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng, Lãnh đạo Khoa và Ban thư ký - Lưu Thị Thảo Nguyên: Thư ký Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán.
6.2	Tiêu chuẩn 2	Phòng Đào tạo; Phòng Công tác học sinh, sinh viên; Khoa Kinh tế	
6.3	Tiêu chuẩn 3	Phòng Công tác học sinh, sinh viên; Khoa Kinh tế	
6.4	Tiêu chuẩn 4	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	
Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng			
7.1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng, Lãnh đạo Khoa và Ban thư ký - Lưu Thị Thảo Nguyên: Thư ký Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán.
7.2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Kinh tế	
7.3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Kinh tế	
7.4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Kinh tế	
7.5	Tiêu chuẩn 5	Khoa Kinh tế	
7.6	Tiêu chuẩn 6	Phòng Đào tạo và Khoa Kinh tế	
7.7	Tiêu chuẩn 7	Khoa Kinh tế	
7.8	Tiêu chuẩn 8	Khoa Kinh tế	

Lưu ý: Có các tiêu chí, tiêu chuẩn chỉ do một đơn vị thực hiện, nhưng cũng có các tiêu chí, tiêu chuẩn phải có nhiều đơn vị cùng phối hợp thực hiện. Các đơn vị phối hợp có trách nhiệm cung cấp minh chứng theo yêu cầu của đơn vị thực hiện.

3. Nội dung công việc, thời gian thực hiện

THỜI GIAN	NỘI DUNG THỰC HIỆN	BỘ PHẬN THỰC HIỆN
Từ ngày 01/4/2024 đến ngày 30/5/2024	- Căn cứ Kế hoạch số 292/KH-CĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024, Khoa đề xuất danh sách Hội đồng và Lãnh đạo Trường ra quyết định Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán.	Ban Giám Hiệu; Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng; Khoa Kinh tế
	- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Khoa Kinh tế năm 2024.	Khoa Kinh tế
Từ ngày 01/6/2024 đến ngày 16/6/2024	- Triển khai Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Khoa Kinh tế năm 2024 đến tất cả cán bộ, giảng viên, nhân viên và học sinh, sinh viên trong toàn Trường.	Khoa Kinh tế
Từ ngày 17/6/2024 đến ngày 30/9/2024	- Các cá nhân và đơn vị phụ trách các nội dung có liên quan thu thập minh chứng, tổ chức điều tra khảo sát, thống kê tổng hợp số liệu, xử lý và gửi về Thư ký Hội đồng tự đánh giá tổng hợp.	Các đơn vị có liên quan
Từ ngày 01/9/2024 đến ngày 30/9/2024	- Thư ký Hội đồng chịu trách nhiệm kiểm tra minh chứng, yêu cầu thu thập thêm minh chứng (nếu chưa đủ) đáp ứng yêu cầu nội hàm của tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định; Báo cáo bằng văn bản gửi về Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT. - Thành viên hội đồng phụ trách các tiêu chí viết báo cáo theo mẫu quy định. - Gửi báo cáo về Thư ký Hội đồng tự đánh giá.	Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
Từ ngày 01/10/2024 đến ngày	- Hoàn thiện tổng hợp báo cáo đánh giá chất lượng chương trình đào tạo lần 1. - Gửi báo cáo cho phòng Thanh tra - Đảm	Ban thư ký hội đồng và Khoa Kinh tế; Phòng Thanh tra -

31/10/2024	bảo chất lượng.	Đảm bảo chất lượng
Từ ngày 01/11/2024 đến ngày 05/11/2024	- Hội đồng Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo thông qua báo cáo lần 1.	Hội đồng tự đánh giá chất lượng; Ban thư ký hội đồng; Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng
Từ ngày 06/11/2024 đến ngày 15/11/2024	- Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá chất lượng lần 2. - Gửi báo cáo cho phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng.	Ban thư ký hội đồng và Khoa Kinh tế; Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng
Từ ngày 16/11/2024 đến ngày 20/11/2024	- Hội đồng tự đánh giá chất lượng thông qua báo cáo chính thức.	Hội đồng tự đánh giá chất lượng; Ban thư ký hội đồng
Từ ngày 21/11/2024 đến ngày 25/11/2024	- Ban thư ký hội đồng tổng hợp ý kiến, chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo. - Gửi báo cáo chính thức về Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng. - Hợp công bố Báo cáo Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.	Ban thư ký hội đồng; Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo; Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng
Từ ngày 26/11/2024 đến ngày 30/11/2024	- Gửi Báo cáo kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo cho UBND tỉnh Sóc Trăng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; đăng ký kiểm định chất lượng chương trình đào tạo. - Lưu trữ báo cáo và minh chứng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định	Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng; Khoa Kinh tế Khoa Kinh tế

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2024 được trích từ nguồn kinh phí hoạt động sự nghiệp của Trường và theo Quy chế Chi tiêu Nội bộ của Trường.

(Kèm bảng dự trù kinh phí)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng Tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2024 thực hiện theo Kế hoạch đề ra.

2. Lãnh đạo Khoa Kinh tế triển khai Kế hoạch đến tất cả các Bộ môn, giảng viên và học sinh, sinh viên Khoa thực hiện đúng theo Kế hoạch.

3. Lãnh đạo các đơn vị có liên quan phổ biến Kế hoạch tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2024 đến toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động thuộc đơn vị mình quản lý; thực hiện nghiêm túc, đảm bảo Kế hoạch, chất lượng và yêu cầu đề ra.

4. Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn Khoa thực hiện theo kế hoạch, hỗ trợ trong việc phối hợp với các đơn vị thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện, Kế hoạch có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế. /.

Nơi nhận:

- BGH (để chỉ đạo);
- Hội đồng TĐG (để t/h);
- Các đơn vị liên quan (để t/h);
- Lưu: VT, KT, ĐBCL

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Thị Thái Hà

3. Bảng mã minh chứng

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã Minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1.	1	1	1.1.01		Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán
2.			1.1.02		Quyết định số 423/QĐ-CĐCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc ban hành chuẩn đầu ra ngành, nghề cao đẳng Kế toán
3.			1.1.03		Quyết định số 262/QĐ-CĐCĐ ngày 31/7/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Khoa Kinh tế Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng
4.			1.1.04		Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 11/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030
5.			1.1.05		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365/2017/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 18/10/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365a/2017/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 28/11/2018; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số

					97/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 11/8/2020; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97a/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 15/4/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97b/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 18/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 17/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 01/3/2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 109/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 27/12/2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 38/2024/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 31/5/2024.
6.			1.1.06		Trang web của Nhà trường: http://www.stcc.edu.vn
7.			1.1.07		Thông báo tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023, 2024
8.			1.1.08		Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Danh sách học sinh, sinh viên tham dự tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
9.				1.1.01	Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán
10.			1.1.09		Quyết định số 423/QĐ-CĐCĐ ngày 12/6/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành chuẩn đầu ra theo vị trí việc làm ngành, nghề đào tạo trình độ Cao đẳng Kế toán
11.			1.1.10		Bộ hồ sơ khảo sát các đối tượng năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024

12.	1	2	1.2.01	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 75/QĐ-CĐCD ngày 07/5/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 168/QĐ-CĐCD ngày 23/5/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng
13.			1.2.02	Quyết định số 262/QĐ-CĐCD ngày 31/7/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Khoa Kinh tế Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng; Quyết định 657/QĐ-CĐCD ngày 13/11/2024 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Khoa Kinh tế
14.			1.2.03	Quyết định của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc phân công giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
15.			1.2.04	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Khoa năm học 2021-2022, 2022-2023; 2023-2024
16.			1.2.05	Báo cáo tổng kết năm học 2021-2022, 2022-2023; 2023-2024
17.			1.2.06	Quyết định công nhận kết quả đánh giá xếp loại viên chức và người lao động năm học 2021-2022, 2022-2023; 2023-2024
18.			1.2.07	Quyết định công nhận danh hiệu thi đua tập thể và cá nhân năm học 2021-2022, 2022-2023; 2023-2024;
19.			1.2.08	Bằng khen, giấy khen cá nhân, tập thể của các cấp của Khoa Kinh tế năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
20.	1	3	1.3.01	Quyết định 19/QĐ-CĐCD ngày 20/01/2021 của Hiệu trưởng Trường

					CĐCĐ Sóc Trăng về việc phê duyệt dự toán thu, chi nguồn thu học phí và dịch vụ khác năm 2021 của Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định 3476/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán chi ngân sách tỉnh cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh sử dụng ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng năm 2022; Quyết định 32/QĐ-CĐCĐ ngày 21/01/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc phê duyệt dự toán thu, chi nguồn thu học phí, thu dịch vụ và thu khác năm 2022 của Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định 3334/QĐ-UBND ngày 09/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán chi ngân sách tỉnh cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh sử dụng ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng năm 2023; Quyết định 51/QĐ-CĐCĐ ngày 18/01/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc phê duyệt dự toán thu, chi nguồn thu học phí và dịch vụ khác năm 2023 của Trường CĐCĐ Sóc Trăng
21.			1.3.02		Báo cáo công khai tài chính hàng quý và biên bản công khai tình hình thu chi và thống nhất mức chi thu nhập đối với viên chức và người lao động hàng năm các năm 2021, 2022, 2023
22.			1.3.03		Đối chiếu nguồn thu với kho bạc hàng tháng
23.			1.3.04		Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2021, 2022, 2023
24.			1.3.05		Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát nội bộ năm 2021, 2022, 2023, 2024.
25.	2	1		1.1.05	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365/2017/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 18/10/2017; Giấy

					chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365a/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 28/11/2018; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 97/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 11/8/2020; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97a/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 15/4/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97b/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 18/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 17/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 01/3/2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 109/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 27/12/2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 38/2024/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 31/5/2024.
26.			2.1.01		Quy chế tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023, 2024
27.				1.1.05	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 18/10/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365a/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 28/11/2018; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 97/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 11/8/2020; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97a/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 15/4/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97b/2020/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 18/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 17/2022/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 01/3/2022; Giấy chứng nhận đăng ký

					hoạt động GDNN số 109/2022/GCNDKHH-TCGDNN ngày 27/12/2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 38/2024/GCNDKHH-TCGDNN ngày 31/5/2024
28.			2.1.02		Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023, 2024
29.			2.1.03		Kế hoạch tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023, 2024
30.			2.1.04		Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký HĐTS các năm 2021, 2022, 2023, 2024
31.			2.1.05		Kế hoạch tư vấn tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023, 2024
32.				1.1.07	Thông báo tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023, 2024
33.			2.1.06		Hồ sơ đăng ký dự tuyển của HSSV các năm 2021, 2022, 2023, 2024
34.			2.1.07		Danh sách thí sinh dự tuyển theo từng ngành, nghề các năm 2021, 2022, 2023, 2024
35.			2.1.08		Bảng đề xuất phương án trúng tuyển các năm 2021, 2022, 2023, 2024
36.			2.1.09		Biên bản họp HĐTS các năm 2021, 2022, 2023, 2024
37.			2.1.10		Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển các năm 2021, 2022, 2023, 2024
38.			2.1.11		Giấy báo trúng tuyển các năm 2021, 2022, 2023, 2024
39.			2.1.12		Thông báo đăng ký và nộp hồ sơ nhập học các năm 2021, 2022, 2023, 2024
40.			2.1.13		Quyết định tiếp nhận và phân lớp các năm 2021, 2022, 2023, 2024
41.			2.1.14		Hồ sơ nhập học của HSSV các năm 2021, 2022, 2023, 2024
42.			2.1.15		Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023, 2024
43.			2.1.16		Báo cáo công tác tuyển sinh năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024

44.			2.1.17		Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
45.	2	2	2.2.01		Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 156/QĐ-CĐCD ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 288/QĐ-CĐCD ngày 01/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng; Quy định tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 425/QĐ-CĐCD ngày 06/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng
46.			2.2.02		Quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo Quyết định số 258/QĐ-CĐCD ngày 15/10/2019 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng;
47.			2.2.03		Quyết định miễn học, miễn thi, quy đổi và chuyển điểm môn học/mô đun của Trường CĐCD năm 2021, 2022, 2023, 2024
48.				1.1.05	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365/2017/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 18/10/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365a/2017/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 28/11/2018; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 97/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 11/8/2020; Giấy chứng nhận đăng ký bỏ

					sung hoạt động GDNN số 97a/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 15/4/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97b/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 18/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 17/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 01/3/2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 109/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 27/12/2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 38/2024/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 31/5/2024
49.				2.1.13	Quyết định tiếp nhận và phân lớp các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
50.			2.2.04		Kế hoạch đào tạo các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
51.			2.2.05		Tiến độ đào tạo các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
52.			2.2.06		Kế hoạch phân công giờ giảng giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
53.			2.2.07		Thời khóa biểu năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
54.			2.2.08		Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
55.			2.2.09		Sổ lên lớp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
56.			2.2.10		Sổ tay giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
57.			2.2.11		Giáo án năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
58.				1.3.05	Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát nội bộ năm 2021, 2022, 2023, 2024
59.				1.1.10	Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024

60.	2	3		2.2.04	Kế hoạch đào tạo các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024;
61.				2.2.05	Tiến độ đào tạo các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024;
62.				2.2.08	Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
63.				2.2.09	Sổ lên lớp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
64.				2.2.10	Sổ tay giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
65.				2.2.11	Giáo án năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
66.			2.3.01		Kế hoạch dự giờ của Khoa năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
67.			2.3.02		Biên bản dự giờ của Khoa năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
68.				1.3.05	Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát nội bộ năm 2021, 2022, 2023, 2024
69.			2.3.03		Bài giảng điện tử của giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
70.			2.3.04		Phần mềm quản lý đào tạo tại địa chỉ: http://qltd.stcc.edu.vn/login ;
71.			2.3.05		Bảng thống kê các mô đun, môn học có sử dụng phần mềm
72.	2	4	2.4.01		Quy trình tổ chức thực tập nghề nghiệp cho HSSV (hệ GDNN) ban hành theo Quyết định số 171/QĐ-CĐCĐ ngày 15/4/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng
73.	2		2.4.02		Hợp đồng/biên bản thỏa thuận với đơn vị sử dụng lao động về việc cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động
74.	2		2.4.03		Các hợp đồng nguyên tắc hợp tác đào tạo với đơn vị sử dụng lao động về việc cho người học thực hành, thực tập
75.	2		2.4.04		Bản công bố cơ sở thực hành, thực tập đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành kinh tế của đơn vị

76.	2		2.4.05		Kế hoạch cho người học đi thực hành, thực tập năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
77.	2		2.4.06		Giấy giới thiệu của Trường về việc cử người học đi thực hành, thực tập... tại đơn vị sử dụng lao động
78.			2.4.07		Quyết định cho người học đi thực hành, thực tập năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
79.			2.4.08		Đề cương thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động
80.			2.4.09		Danh sách người học đã được thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động
81.			2.4.10		Danh sách người học tốt nghiệp
82.			2.4.11		Báo cáo kết quả thực hành, thực tập của giáo viên giảng dạy
83.	2	5		2.2.01	Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 156/QĐ-CĐCD ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 288/QĐ-CĐCD ngày 01/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng; Quy định tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 425/QĐ-CĐCD ngày 06/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng
84.			2.5.01		Quyết định số 246/QĐ-CĐCD ngày 20/3/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành quy

					trình xét, công nhận tốt nghiệp của Trường CĐCD Sóc Trăng
85.	2		2.5.02		Quyết định số 137/QĐ-CĐCD ngày 29/3/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành quy trình in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp của Trường CĐCD Sóc Trăng; Quyết định số 245/QĐ-CĐCD ngày 20/3/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành quy trình cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học của Trường CĐCD Sóc Trăng
86.	2		2.5.03		Quyết định số 653/QĐ-CĐCD ngày 29/12/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy định tổ chức thi các kỳ thi kết thúc môn học, mô-đun/học phần; Quyết định số 587/QĐ-CĐCD ngày 22/11/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy định tổ chức thi các kỳ thi kết thúc môn học, mô-đun/học phần; Quyết định số 339/QĐ-CĐCD ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy định về tổ chức, quản lý học và thi lại, học và thi lại để cải thiện điểm
87.			2.5.04		Quyết định số 463/QĐ-CĐCD ngày 03/11/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên; Quyết định số 204/QĐ-CĐCD ngày 22/02/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế công tác học sinh, sinh viên; Quyết định số 564/QĐ-CĐCD ngày 26/9/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế Công tác học sinh, sinh viên

88.			2.5.05		Quyết định số 450/QĐ-CĐCĐ ngày 21/09/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện HSSV cao đẳng, trung cấp chính quy tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng
89.			2.5.06		Hồ sơ thi kết thúc học kỳ I, II năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
90.			2.5.07		Báo cáo kết quả tổ chức thi kết thúc học kỳ I, II năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
91.			2.5.08		Quyết định cử viên chức thanh tra kỳ thi kết thúc học kỳ I, II năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Báo cáo kết quả thanh tra kỳ thi kết thúc học kỳ I, II năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
92.			2.5.09		Bộ hồ sơ xét tốt nghiệp lớp Kế toán khóa 13 năm 2022, khóa 14 năm 2023; khóa 15 năm 2024: Quyết định về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp, Biên bản xét tốt nghiệp, Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp, Kế hoạch tổ chức lễ bế giảng và trao bằng tốt nghiệp
93.			2.5.10		Thông báo về việc đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Biên bản họp xét đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Quyết định về việc công nhận kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
94.			2.5.11		Quyết định công nhận và danh sách HSSV tốt nghiệp; Sổ theo dõi cấp phát, văn bằng chứng chỉ
95.				1.3.05	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát nội bộ năm 2021, 2022, 2023, 2024

96.	2	6	2.6.01		Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
97.			2.6.02		Biên bản kiểm tra giám sát hoạt động dạy và học năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
98.				1.3.05	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát nội bộ năm 2021, 2022, 2023, 2024
99.			2.6.03		Phiếu điều chỉnh thời khóa biểu của giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
100.			2.6.04		Bộ hồ sơ thao giảng, dự giờ: kế hoạch thao giảng, dự giờ, danh sách thao giảng, dự giờ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
101.				1.1.10	Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024
102.	2	7		1.1.05	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365/2017/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 18/10/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365a/2017/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 28/11/2018; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 97/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 11/8/2020; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97a/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 15/4/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97b/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 18/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 38/2024/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 31/5/2024.
103.			2.7.01		Quy định đào tạo liên thông trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng ban hành kèm theo Quyết định số 756/QĐ-

					CĐCĐ ngày 30/12/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng
104.	3	1		2.2.06	Kế hoạch phân công giờ giảng giáo viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
105.			3.1.01		Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo của Trường và nhà giáo thỉnh giảng dạy ngành, nghề Kế toán năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
106.			3.1.02		Hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động
107.			3.1.03		Báo cáo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
108.			3.1.04		Biên bản thanh kiểm tra có nội dung về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo
109.	3	2		1.2.01	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 75/QĐ-CĐCĐ ngày 07/5/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 168/QĐ-CĐCĐ ngày 23/5/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng
110.			3.2.01		Nội quy, quy định của Nhà trường
111.			3.2.02		Thông báo số 264/TB-CĐCĐ ngày 19/5/2020 về việc phân công nhiệm vụ đối với viên chức, người lao động về các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Thông báo số 482/TB-CĐCĐ ngày 13/6/2024 về việc điều chuyển và phân công nhiệm vụ đối với viên chức, người lao động tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường CĐCĐ Sóc Trăng
112.			3.2.03		Quy định chế độ làm việc của Nhà giáo GDNN ban hành theo Thông tư số

					07/2017/TT-BLĐT BXH ngày 10/3/2017 của Bộ LĐ-TB&XH; Thông tư 28/2022/TT-BLĐT BXH ngày 28/12/2022 của Bộ LĐ-TB&XH sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và chế độ làm việc của nhà giáo GDNN
113.			3.2.04		Quyết định số 438/QĐ-CĐCĐ-ĐT ngày 06/9/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành theo Quyết định số 115/QĐ-CĐCĐ ngày 30/3/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định số 358/QĐ-CĐCĐ ngày 12/8/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định số 573/QĐ-CĐCĐ ngày 20/7/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành theo Quyết định số 49/QĐ-CĐCĐ ngày 20/02/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định số 296/QĐ-CĐCĐ ngày 08/7/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng
114.			3.2.05		Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của đơn vị năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024

115.			3.2.06		Bảng phân công nhiệm vụ Khoa Kinh tế năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024
116.				1.2.02	Quyết định số 262/QĐ-CĐCĐ ngày 31/7/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Khoa Kinh tế Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng; Quyết định 657/QĐ-CĐCĐ ngày 13/11/2024 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Khoa Kinh tế
117.			3.2.07		Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các tổ chức, đơn vị và viên chức, người lao động thuộc Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành theo Quyết định số 597/QĐ-CĐCĐ ngày 26/11/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Hướng dẫn số 874/HD-CĐCĐ ngày 3/11/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng hướng dẫn một số nội dung trong thực hiện công tác đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tổ chức, đơn vị và viên chức, người lao động
118.				3.1.01	Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo của Trường và nhà giáo thỉnh giảng dạy ngành, nghề Kế toán 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
119.				3.1.02	Hồ sơ quản lý nhà giáo năm 2021, 2022, 2023, 2024
120.			3.2.08		Phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm 2021, 2022, 2023, 2024
121.			3.2.09		Thông báo về kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức, đơn vị và viên chức, người lao động thuộc Trường CĐCĐ Sóc Trăng năm 2021, 2022, 2023, 2024

122.			3.2.10		Hồ sơ thỉnh giảng (Đề xuất, hợp đồng, thanh lý hợp đồng mời giảng) năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
123.			3.2.11		Báo cáo tổng kết của Khoa Kinh tế năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
124.			3.2.12		Báo cáo tổng kết của Trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
125.	3	3		3.1.01	Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo của Trường và nhà giáo thỉnh giảng dạy ngành, nghề Kế toán năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
126.				3.3.01	Quy định chế độ làm việc của Nhà giáo GDNN ban hành theo Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTĐ ngày 10/3/2017 của Bộ LĐ-TB&XH; Thông tư 28/2022/TT-BLĐTĐ ngày 28/12/2022 của Bộ LĐ-TB&XH sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và chế độ làm việc của nhà giáo GDNN
127.				3.2.04	Quyết định số 438/QĐ-CĐCĐ-ĐT ngày 06/9/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành theo Quyết định số 115/QĐ-CĐCĐ ngày 30/3/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định số 358/QĐ-CĐCĐ ngày 12/8/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định số 573/QĐ-CĐCĐ ngày 20/7/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ

				Sóc Trăng; Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành theo Quyết định số 49/QĐ-CĐCD ngày 20/02/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng; Quyết định số 296/QĐ-CĐCD ngày 08/7/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCD Sóc Trăng	
128.			3.3.02	Kế hoạch đào tạo ngành/nghề Kế toán năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024	
129.				2.2.04	Kế hoạch đào tạo các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
130.			3.3.03	Quyết định phân công giảng viên giảng dạy các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024	
131.			3.3.04	Danh sách các lớp, khóa học năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024	
132.			3.3.05	Bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền giờ vượt chuẩn năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024	
133.			3.3.06	Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024	
134.			3.3.07	Công văn cử Giảng viên và viên chức tham dự lớp bồi dưỡng, tập huấn lý luận chính trị hè năm 2021, 2022, 2023, 2024 và kèm danh sách tham dự	
135.			3.3.08	Kế hoạch về nội dung kiểm tra và giám sát nội bộ năm 2021, 2022, 2023, 2024	
136.				1.3.05	Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát nội bộ năm 2021, 2022, 2023, 2024
137.	3	4	3.4.01	Danh sách nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề Kế toán	

138.			3.4.02		Danh sách nhà giáo cơ hữu tham gia nghiên cứu khoa học năm học 2021-2022, 2022-202, 2023-2024
139.			3.4.03		Các quyết định công nhận kết quả nghiệm thu các nhiệm vụ NCKH cấp trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
140.			3.4.04		Kế hoạch hội giảng năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
141.			3.4.05		Hồ sơ hội giảng các cấp
142.			3.4.06		Các Quyết định công nhận giảng viên đạt giải trong hội giảng nhà giáo GDNN các cấp cơ sở năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
143.			3.4.07		Giấy khen, bằng khen của nhà giáo dạy ngành, nghề Kế toán năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
144.	3	5	3.5.01		Kế hoạch số 550/KH-CĐCĐ ngày 03/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc đào tạo, bồi dưỡng viên chức giai đoạn 2021-2025
145.			3.5.02		Quyết định cử nhà giáo đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ năm 2021, 2022, 2023, 2024
146.			3.5.03		Bảng thống kê danh sách giảng viên đi tập huấn, hội thảo năm 2021, 2022, 2023, 2024
147.			3.5.04		Văn bằng chứng chỉ chứng nhận sau khi hoàn thành khóa học năm 2021, 2022, 2023, 2024
148.			3.5.05		Công văn số 823/CĐCĐ ngày 07/12/2020 về việc báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng năm 2020 và kế hoạch năm 2021; Công văn số 1141/CĐCĐ-TCHCTH ngày 29/12/2021 về việc báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng năm 2021 và kế hoạch năm 2022; Công văn số 985/CĐCĐ-TCHCTH ngày 13/12/2022 về việc báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng năm 2022 và kế hoạch

					năm 2023; Công văn số 674/CĐCĐ ngày 08/9/2023 về việc báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng năm 2023 và kế hoạch năm 2024; Công văn số 951/CĐCĐ ngày 25/12/2023 về việc báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng năm 2023 và kế hoạch năm 2024
149.				3.2.11	Báo cáo tổng kết của Khoa Kinh tế năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
150.				3.2.12	Báo cáo tổng kết của Trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
151.				1.1.10	Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
152.	3	6		3.2.04	Quyết định số 438/QĐ-CĐCĐ-ĐT ngày 06/9/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành theo Quyết định số 115/QĐ-CĐCĐ ngày 30/3/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định số 358/QĐ-CĐCĐ ngày 12/8/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định số 573/QĐ-CĐCĐ ngày 20/7/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành theo Quyết định số 49/QĐ-CĐCĐ ngày 20/02/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định số 296/QĐ-CĐCĐ ngày 08/7/2024 của Hiệu trưởng Trường

					CĐCĐ Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung Quy định chế độ làm việc của giảng viên tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng
153.			3.4.01		Danh sách nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề Điều dưỡng
154.			3.6.01		Kế hoạch nhà giáo thực tập nghề nghiệp tại cơ quan, doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024
155.			3.6.02		Quyết định cử nhà giáo đi thực tập nghề nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024
156.			3.6.03		Tài liệu, hình ảnh về việc nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động hàng năm; Danh sách các công nghệ tiên tiến nhà giáo được cập nhật, có xác nhận của cơ quan, doanh nghiệp
157.			3.6.04		Báo cáo về công tác bồi dưỡng, thực tập của nhà giáo năm 2021, 2022, 2023, 2024
158.			3.6.05		Báo cáo kết quả thực tập nghề nghiệp của giảng viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
159.	3	7	3.7.01		Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo được kiểm định năm 2021, 2022, 2023, 2024
160.			3.7.02		Hồ sơ cán bộ của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo được kiểm định
161.	3	8	3.8.01		Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý của Khoa năm 2021, 2022, 2023, 2024
162.			3.7.01		Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo được kiểm định năm 2021, 2022, 2023, 2024
163.	3	8	3.8.02		Phiếu nhận xét, đánh giá cán bộ quản lý năm 2021, 2022, 2023, 2024
164.			3.2.11		Báo cáo tổng kết của Khoa Kinh tế năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024;

165.				3.2.12	Báo cáo tổng kết của Trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
166.	4	1		1.1.05	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365/2017/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 18/10/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365a/2017/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 28/11/2018; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 97/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 11/8/2020; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97a/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 15/4/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97b/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 18/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 17/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 01/3/2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 109/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 27/12/2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 38/2024/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 31/5/2024.
167.			4.1.01		Kế hoạch về việc sửa đổi, cập nhật, bổ sung CTĐT của Trường
168.			4.1.02		Quyết định thành lập các Tổ biên soạn CTĐT trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp
169.			4.1.03		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT ngành, nghề Kế toán của Trường
170.			4.1.04		Các biên bản liên quan đến xây dựng, thẩm định và điều chỉnh CTĐT ngành, nghề Kế toán
171.				1.1.01	Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành

					CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán
172.				1.1.02	Quyết định số 423/QĐ-CĐCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc ban hành chuẩn đầu ra ngành, nghề cao đẳng Kế toán
173.			4.1.05		Kế hoạch số 79/KH-CĐCĐ ngày 12/02/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc cập nhật, đánh giá CTĐT các ngành, nghề trình độ trung cấp, cao đẳng áp dụng đào tạo từ khóa tuyển sinh năm 2021
174.			4.1.06		Quyết định số 17/QĐ-CĐCĐ ngày 06/3/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc thành lập tổ cập nhật và đánh giá CTĐT ngành, nghề Kế toán, Quản trị kinh doanh, Quản trị văn phòng và Tin học ứng dụng
175.			4.1.07		Quyết định số 197/QĐ-CĐCĐ ngày 15/3/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc tổ chức thẩm định CTĐT được sửa đổi, cập nhật, bổ sung năm 2021.
176.			4.1.08		Quyết định số 227/QĐ-CĐCĐ ngày 10/5/2021 về việc thành lập hội đồng thẩm định CTĐT ngành, nghề Kế toán
177.			4.1.09		Quyết định số 224/QĐ-CĐCĐ ngày 20/3/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc ban hành xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa bổ sung chương trình đào tạo
178.				1.1.01	Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán

179.		2		4.1.01	Kế hoạch về việc sửa đổi, cập nhật, bổ sung CTĐT của Trường
180.				4.1.02	Quyết định thành lập các Tổ biên soạn CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán
181.				4.1.03	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT ngành, nghề Kế toán của Trường
182.				4.1.04	Các biên bản liên quan đến xây dựng, thẩm định và điều chỉnh CTĐT ngành, nghề Kế toán
183.			4.2.01		Phiếu lấy ý kiến nhận xét đánh giá chương trình đào tạo của đơn vị sử dụng
184.				1.1.10	Bộ hồ sơ khảo sát lấy ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024
185.	4	3		1.1.01	Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán
186.				1.1.02	Quyết định số 423/QĐ-CĐCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc ban hành chuẩn đầu ra ngành, nghề cao đẳng Kế toán
187.			4.3.01		Chương trình đào tạo chi tiết các mô-đun, môn học ngành, nghề Kế toán
188.	4	4		1.1.01	Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán
189.				1.2.03	Quyết định của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc phân công giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024;
190.				4.3.01	Chương trình đào tạo chi tiết các mô-đun, môn học ngành, nghề Kế toán

191.	4	5	1.1.01	Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán
192.			4.3.01	Chương trình đào tạo chi tiết các mô-đun, môn học ngành, nghề Kế toán
193.			1.1.10	Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
194.	4	6	1.1.01	Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán
195.			4.3.01	Chương trình đào tạo chi tiết các mô-đun, môn học ngành, nghề Kế toán
196.	4	7	1.1.04	Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 11/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030
197.			1.1.05	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365/2017/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 18/10/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 365a/2017/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 28/11/2018; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 97/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 11/8/2020; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97a/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 15/4/2021; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 97b/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 18/6/2021; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 17/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 01/3/2022; Giấy chứng nhận đăng ký

					hoạt động GDNN số 109/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 27/12/2022; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 38/2024/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 31/5/2024.
198.				1.1.01	Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán
199.				4.3.01	Chương trình đào tạo chi tiết các mô-đun, môn học ngành, nghề Kế toán
200.			4.7.01		Kế hoạch số 01/KH-KKT ngày 11/01/2024 của Phó Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc tổ chức thực tập tốt nghiệp cho sinh viên các lớp cao đẳng Khóa 15
201.	4	8		1.1.01	Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán
202.				4.3.01	Chương trình đào tạo chi tiết các mô-đun, môn học ngành, nghề Kế toán
203.			4.8.01		Văn bản chấp thuận hợp tác của các Trường đại học với Trường CĐCĐ Sóc Trăng
204.				1.1.01	Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán
205.			4.8.02		CTĐT liên thông đại học của các Trường Đại học
206.			4.8.03		Văn bản về việc công nhận giá trị chuyển đổi và các môn học được miễn trừ đối với các nghề được liên thông của Trường Đại học Trà Vinh, Đại học Cần Thơ

207.			4.8.04		Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông lên trình độ đại học của Trường Đại học Trà Vinh, Đại học Cần Thơ
208.	4	9		1.1.01	Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán
209.				4.3.01	Chương trình đào tạo chi tiết các mô-đun, môn học ngành, nghề Kế toán
210.			4.9.01		Các Quyết định ban hành sử dụng giáo trình đào tạo
211.			4.9.02		Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT ngành, nghề Kế toán
212.			4.9.03		Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT
213.			4.9.04		Danh sách giáo trình của các mô-đun, môn học đã được số hóa
214.			4.9.05		Danh mục tài liệu tham khảo của các môn học, môn học đã được số hóa
215.			4.9.06		Danh mục sách, tài liệu tham khảo tại thư viện
216.	4	10	4.10.01		Quyết định số 499/QĐ-CĐCĐ ngày 10/10/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Quy trình tổ chức biên soạn, thẩm định GTĐT của Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định số 500/QĐ-CĐCĐ ngày 10/10/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Quy trình tổ chức lựa chọn, thẩm định GTĐT của Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định số 659/QĐ-CĐCĐ ngày 13/11/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Quy trình tổ chức biên soạn, thẩm định GTĐT trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng

217.			4.10.02		Bộ hồ sơ biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo
218.				1.1.01	Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán
219.				4.3.01	Chương trình đào tạo chi tiết các mô-đun, môn học ngành, nghề Kế toán
220.				4.9.02	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT
221.				4.9.03	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT
222.	4	11		1.1.01	Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán
223.				4.3.01	Chương trình đào tạo chi tiết các mô-đun, môn học ngành, nghề Kế toán
224.				4.9.02	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các CTĐT
225.				4.10.02	Bộ hồ sơ biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo
226.				4.9.03	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT
227.				1.1.10	Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024
228.	4	12		1.1.01	Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán
229.				4.3.01	Chương trình đào tạo chi tiết các mô-đun, môn học ngành, nghề Kế toán
230.				4.9.02	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các CTĐT
231.				4.10.02	Bộ hồ sơ biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo

232.				4.9.03	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT
233.	5	1	5.1.01		Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng
234.			5.1.02		Bảng tổng hợp hạng mục công trình hiện hữu phục vụ đào tạo và hoạt động chung tại Khoa Kinh tế thuộc Trường
235.			5.1.03		Bảng thống kê sĩ số HSSV các lớp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
236.			5.1.04		Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản tại Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 281a/QĐ-CĐCD ngày 05/8/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng; Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản tại Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-CĐCD ngày 23/3/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng
237.			5.1.05		Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng học ở Khoa Kinh tế
238.			5.1.06		Định mức Kinh tế kỹ thuật ngành, nghề Kế toán
239.			5.1.07		Nội quy phòng học Lý thuyết và Thực hành Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 300a/QĐ-CĐCD ngày 17/8/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng; Bảng nội quy phòng học lý thuyết, phòng thực hành, thí nghiệm
240.			5.1.08		Quyết định thành lập Ban kiểm kê, đánh giá và phân loại tài sản các năm 2021, 2022, 2023, 2024
241.			5.1.09		Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng tài sản năm 2021, 2022, 2023, 2024
242.				1.1.10	Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024

243.	5	2	5.2.01	Quyết định số 292/QĐ-CĐCĐ ngày 05/7/2024 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về ban hành danh mục thiết bị đào tạo đối với 10 ngành, nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng.
244.			5.2.02	Danh mục thiết bị đào tạo ngành, nghề Kế toán, trình độ Cao đẳng;
245.			5.2.03	Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có so với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu ngành, nghề Kế toán, trình độ Cao đẳng
246.			5.2.04	Thống kê số lượng HSSV tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành
247.			5.2.05	Lịch học các lớp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
248.			5.2.06	Sổ nhật ký sử dụng thiết bị năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
249.			5.2.07	Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng tài sản năm 2021, 2022, 2023
250.	5	3	5.2.01	Quyết định số 292/QĐ-CĐCĐ ngày 05/7/2024 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về ban hành danh mục thiết bị đào tạo đối với 10 ngành, nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng
251.			5.2.02	Danh mục thiết bị đào tạo ngành, nghề Kế toán, trình độ Cao đẳng
252.			5.2.03	Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có so với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu ngành, nghề Kế toán, trình độ Cao đẳng
253.			5.2.04	Thống kê số lượng HSSV tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024;
254.			5.2.05	Lịch học các lớp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024). Tất cả thiết bị

					đào tạo của nghề đều được theo dõi trên sổ sách quản lý
255.				5.2.06	Sổ nhật ký sử dụng thiết bị năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).
256.				5.2.07	Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng tài sản năm 2021, 2022, 2023, 2024
257.	5	4		5.2.01	Danh mục thiết bị đào tạo ngành, nghề Kế toán, trình độ Cao đẳng
258.			5.4.01		Hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo trong các phòng thực hành
259.			5.4.02		Hồ sơ thiết kế, lắp đặt các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo
260.				5.2.06	Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng tài sản năm 2021, 2022, 2023, 2024
261.	5	5		5.1.06	Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản tại Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 281a/QĐ-CĐCD ngày 05/8/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng; Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản tại Trường CĐCD Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-CĐCD ngày 23/3/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng
262.	5	6	5.6.01		Quy chế Tổ chức và hoạt động của Thư viện ban hành kèm theo Quyết định số 268/QĐ-CĐCD ngày 31/7/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng; Quy chế Tổ chức và hoạt động của Phòng NCKH&HTQT ban hành kèm theo Quyết định số 633/QĐ-CĐCD ngày 28/10/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng
263.			5.6.02		Quyết định Ban hành Quy trình Quản lý thư viện số 564/QĐ-CĐCD ngày 12/11/2021
264.				1.1.01	Quyết định số 331/QĐ-CĐCD ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường

					CDCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán
265.			4.3.01		Chương trình đào tạo chi tiết các mô-đun, môn học ngành, nghề Kế toán
266.			4.9.02		Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT ngành, nghề Kế toán
267.			4.9.03		Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT
268.			4.9.04		Danh sách giáo trình của các mô-đun, môn học đã được số hóa
269.			4.9.05		Danh mục tài liệu tham khảo của các môn học, môn học đã được số hóa
270.			4.9.06		Danh mục sách, tài liệu tham khảo tại thư viện.
271.			5.6.03		Danh mục sách, báo tạp chí tham khảo tại Thư viện
272.			5.6.04		Bản in sách, báo tạp chí tham khảo của CTĐT
273.			5.6.05		Hướng dẫn sử dụng trang Opac của thư viện năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024
274.			5.6.06		Thống kê lượt bạn đọc đến Thư viện mượn trả tài liệu năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024
275.	5	7	5.7.01		Phần mềm quản lý thư viện TM3.0
276.			5.7.02		Danh mục thiết bị, máy tính Thư viện
277.			5.7.03		Hệ thống phần mềm Thư viện số vnEdu DigiLid
278.			5.7.04		Danh mục tài liệu điện tử, giáo trình, tài liệu tham khảo của Trường được số hóa
279.			5.6.06		Thống kê lượt bạn đọc đến Thư viện mượn trả tài liệu năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024
280.	5	8	5.8.01		Danh mục các phần mềm mô phỏng
281.			2.9.05		Các bài giảng điện tử

282.			5.8.02		Các hình ảnh thể hiện áp dụng các phần mềm mô phỏng trong giảng dạy
283.	6	1		2.1.03	Kế hoạch tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023, 2024
284.			6.1.01		Tờ bướm tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023, 2024
285.				1.1.07	Thông báo tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023, 2024
286.				1.1.08	Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; Danh sách học sinh, sinh viên tham dự tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
287.			6.1.02		Sổ tay học sinh, sinh viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
288.				2.5.04	Quyết định số 463/QĐ-CĐCĐ ngày 03/11/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên; Quyết định số 204/QĐ-CĐCĐ ngày 22/02/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế công tác học sinh, sinh viên; Quyết định số 564/QĐ-CĐCĐ ngày 26/9/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế Công tác học sinh, sinh viên
289.				2.2.01	Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 156/QĐ-CĐCĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng; Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 288/QĐ-

					CĐCĐ ngày 01/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quy định tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 425/QĐ-CĐCĐ ngày 06/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng
290.				2.5.01	Quyết định số 246/QĐ-CĐCĐ ngày 20/3/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành quy trình xét, công nhận tốt nghiệp của Trường CĐCĐ Sóc Trăng
291.			6.1.03		Báo cáo kết quả tổ chức sinh hoạt chính trị đầu khóa cho HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
292.			6.1.04		Hồ sơ sinh hoạt chủ nhiệm, cố vấn các lớp hàng năm
293.			6.1.05		Bảng tổng hợp thống kê các chính sách học bổng khuyến khích học tập và các chính sách xã hội
294.				1.1.09	Trang web của Nhà trường: http://www.stcc.edu.vn
295.			6.1.06		Bài thu hoạch tuần sinh hoạt đầu khóa của HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
296.				6.1.03	Báo cáo kết quả tổ chức sinh hoạt chính trị đầu khóa cho HSSV năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
297.			6.1.07		Hình ảnh tuần sinh hoạt công dân năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
298.				1.1.10	Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
299.	6	2	6.2.01		Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021-2022 ban hành kèm theo Quyết định số 244/QĐ-CĐCĐ ngày 20/05/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng; Quyết định số 584/QĐ-CĐCĐ

					ngày 18/11/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ; Quyết định số 787/QĐ-CĐCD ngày 06/10/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023-2025; Quyết định số 864/QĐ-CĐCD ngày 06/12/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023-2025
300.				6.1.02	Sổ tay học sinh, sinh viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
301.				2.5.04	Quyết định số 463/QĐ-CĐCD ngày 03/11/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên; Quyết định số 204/QĐ-CĐCD ngày 22/02/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế công tác học sinh, sinh viên; Quyết định số 564/QĐ-CĐCD ngày 26/9/2024 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế Công tác học sinh, sinh viên
302.			6.2.02		Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Thông tư 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 ban hành Quy chế công tác HSSV trong trường trung cấp, trường cao đẳng; Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng chính sách với HSSV học tại các cơ sở GD thuộc hệ thống GD quốc dân;

					Quyết định 203/QĐ-CĐCĐ ngày 22/02/2023 của Hiệu trưởng ban hành quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên cao đẳng, trung cấp chính quy tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng
303.			6.2.03		Quyết định số 443/QĐ-CĐCĐ ngày 15/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II, năm học 2021-2022; Quyết định số 311/QĐ-CĐCĐ ngày 13/4/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, năm học 2022-2023; Quyết định số 745/QĐ-CĐCĐ ngày 20/9/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II, năm học 2022-2023
304.			6.2.04		Quyết định số 631/QĐ-CĐCĐ ngày 24/11/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc thực hiện miễn giảm học phí cho HSSV trong giai đoạn năm 2019-2022; Quyết định số 580/QĐ-CĐCĐ ngày 14/11/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc thực hiện miễn giảm học phí cho HSSV học kỳ I năm học 2022-2023; Quyết định số 310/QĐ-CĐCĐ ngày 13/4/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên học kỳ II năm học 2022-2023;
305.			6.2.05		Quyết định số 629/QĐ-CĐCĐ ngày 21/12/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc khen thưởng HSSV đạt thành tích cao khóa học 2018-2021; Quyết định số 444/QĐ-CĐCĐ ngày 15/9/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về

					việc khen thưởng HSSV đạt thành tích cao toàn khóa khóa học 2019-2022; Quyết định số 746/QĐ-CĐCĐ ngày 20/9/2023 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc khen thưởng HSSV đạt thành tích cao toàn khóa, khóa học 2020-2023;
306.			6.2.06		Quyết định và danh sách HSSV nhận học bổng Hessen
307.			6.2.07		Thông báo số 594/TB-CĐCĐ ngày 25/7/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về kết quả xét chọn HSSV đề nghị nhận học bổng khuyến học “Lương Định Của” năm 2022
308.			6.2.08		Các báo cáo tổng kết công tác HSSV các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
309.			6.02.09		Bảng thống kê các chế độ, chính sách hỗ trợ đối với người học ngành Kế toán thuộc đối tượng ưu tiên và các chính sách xã hội khác đang áp dụng.
310.				3.2.12	Báo cáo tổng kết của Trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
311.	6	3	6.301		Quyết định số 257/QĐ-CĐCĐ-HSSV của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng ngày 31/7/2020 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng CTHSSV; Quyết định số 653/QĐ-CĐCĐ của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng ngày 7/11/2024 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng CTHSSV
312.			6.3.02		Kế hoạch tổ chức tọa đàm cho người học năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
313.			6.3.03		Thông tin nhu cầu tuyển dụng lao động các Doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024

314.			6.3.04		Báo cáo kết quả buổi tọa đàm cho người học năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
315.			6.3.05		Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm kèm danh sách các nhà tuyển dụng tham gia ngày hội việc làm hàng năm
316.			6.3.06		Báo cáo kết quả tổ chức ngày hội việc làm hàng năm
317.	6	4	6.4.01		Hồ sơ nghiệm thu và hoàn công các hạng mục công trình xây dựng tại trụ sở chính
318.			6.4.02		Bảng tổng hợp hạng mục công trình hiện hữu phục vụ đào tạo và hoạt động chung tại trụ sở chính của Trường
319.				5.1.02	Bảng tổng hợp hạng mục công trình hiện hữu phục vụ đào tạo và hoạt động chung tại Khoa Kinh tế thuộc Trường
320.			6.4.03		Hình ảnh hội trường, sân bãi, Nhà Đa năng của Trường
321.			6.4.04		Các hình ảnh hoạt động của đội Thanh niên tình nguyện năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
322.			6.4.05		Các hình ảnh hoạt động của đội Thanh niên tình nguyện năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
323.			6.4.06		Kế hoạch hội thi, hội diễn văn nghệ; Kế hoạch tổ chức giải bóng đá; Kế hoạch tổ chức hội thao năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
324.			6.4.07		Hình ảnh các hoạt động văn hóa, thể thao, các hình ảnh hoạt động của các phong trào của người học năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
325.			6.4.08		Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
326.			6.4.09		Các quyết định công nhận, khen thưởng đoàn viên tham gia các hoạt động hàng năm

327.			6.4.10		Các quyết định công nhận, khen thưởng hội viên tham gia các hoạt động hàng năm
328.	7	1	7.1.01		Quyết định số 04/QĐ-CĐCĐ ngày 06/01/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chất lượng đào tạo tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng
329.			7.1.02		Quyết định số 589/QĐ-CĐCĐ ngày 22/11/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Quy trình khảo sát ý kiến doanh nghiệp, người sử dụng lao động tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng
330.				1.1.10	Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024
331.	7	2	7.1.01		Quyết định số 04/QĐ-CĐCĐ ngày 06/01/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chất lượng đào tạo tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng
332.			7.2.01		Quyết định số 588/QĐ-CĐCĐ ngày 22/11/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Quy trình khảo sát ý kiến sinh viên tốt nghiệp tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng
333.			7.2.02		Danh sách SV ngành, nghề Kế toán trình độ cao đẳng được công nhận tốt nghiệp kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp.
334.				1.1.10	Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2023-2024
335.	7	3	7.1.01		Quyết định số 04/QĐ-CĐCĐ ngày 06/01/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Quy định về khảo sát ý kiến của các

					bên liên quan về chất lượng đào tạo tại Trường CĐCD Sóc Trăng
336.			7.3.01		Quyết định số 590/QĐ-CĐCD ngày 22/11/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy trình khảo sát ý kiến của sinh viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên tại Trường CĐCD Sóc Trăng
337.				1.1.10	Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
338.	7	4		7.1.01	Quyết định số 04/QĐ-CĐCD ngày 06/01/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chất lượng đào tạo tại Trường CĐCD Sóc Trăng
339.				7.3.01	Quyết định số 590/QĐ-CĐCD ngày 22/11/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCD Sóc Trăng về việc ban hành Quy trình khảo sát ý kiến của sinh viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên tại Trường CĐCD Sóc Trăng
340.				1.1.10	Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
341.	7	5		7.5.01	Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán năm 2024
342.				7.5.02	Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán năm 2024
343.				7.5.03	Biên bản họp Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường năm 2024
344.				7.5.04	Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành, nghề Kế toán năm 2024
345.				1.1.06	Trang web của Nhà trường: http://www.stcc.edu.vn
346.	7	6		7.6.01	Kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng CTĐT ngành Kế toán

347.			7.6.02		Báo cáo việc thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng CTĐT ngành Kế toán.
348.				1.2.05	Báo cáo tổng kết công tác đào tạo năm học 2021- 2022, 2022-2023, 2023-2024
349.				4.1.05	Kế hoạch số 886/KH-CĐCĐ ngày 01/12/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc cập nhật, đánh giá CTĐT các ngành, nghề trình độ trung cấp, cao đẳng áp dụng đào tạo từ khóa tuyển sinh năm 2024
350.				4.1.06	Quyết định số 191/QĐ-CĐCĐ ngày 30/5/2024 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc thành lập tổ cập nhật và đánh giá CTĐT ngành, nghề Kế toán
351.				4.1.07	Công văn số 844/QĐ-CĐCĐ ngày 01/10/2024 của Phó Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc đánh giá cập nhật chương trình môn học, học phần
352.				4.1.08	Biên bản ngày 30/10/2024 về việc đánh giá, cập nhật, cải tiến, chương trình đào tạo ngành, nghề Kế toán; Biên bản họp hội đồng ngày 30/10/2024 về việc thẩm định cập nhật chương trình môn học, học phần
353.				4.1.09	Quyết định số 224/QĐ-CĐCĐ ngày 20/3/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng về việc ban hành xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa bổ sung chương trình đào tạo
354.				1.1.01	Quyết định số 331/QĐ-CĐCĐ ngày 28/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng ngành, nghề Kế toán
355.				1.2.05	Báo cáo tổng kết năm học 2021 - 2022, 2022 - 2023, 2023 - 2024

356.	7	7		7.1.01	Quyết định số 04/QĐ-CĐCĐ ngày 06/01/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chất lượng đào tạo tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng
357.				7.2.01	Quyết định số 588/QĐ-CĐCĐ ngày 22/11/2022 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Sóc Trăng về việc ban hành Quy trình khảo sát ý kiến sinh viên tốt nghiệp tại Trường CĐCĐ Sóc Trăng
358.				7.2.02	Danh sách SV ngành, nghề Kế toán trình độ cao đẳng được công nhận tốt nghiệp kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp
359.				1.1.10	Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024
360.	7	8		7.2.02	Danh sách SV ngành, nghề Kế toán trình độ cao đẳng được công nhận tốt nghiệp kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp
361.				1.1.10	Bộ hồ sơ khảo sát ý kiến các đối tượng liên quan năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024